

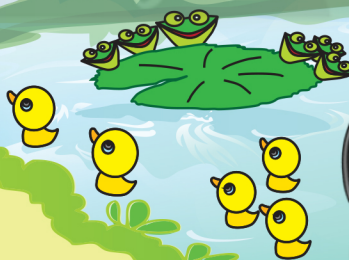
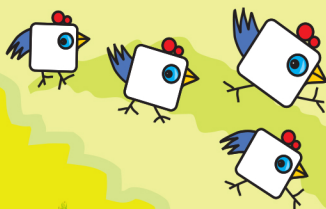


TRẦN NAM DŨNG (Tổng Chủ biên) – KHÚC THÀNH CHÍNH (Chủ biên)
ĐINH THỊ XUÂN DUNG – NGUYỄN KÍNH ĐỨC
ĐINH THỊ KIM LAN – HUỲNH THỊ KIM TRANG

TOÁN



$$4 + 3 = 7$$



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TRẦN NAM DŨNG (Tổng Chủ biên) – KHÚC THÀNH CHÍNH (Chủ biên)
ĐINH THỊ XUÂN DUNG – NGUYỄN KÍNH ĐỨC
ĐINH THỊ KIM LAN – HUỲNH THỊ KIM TRANG

Toán



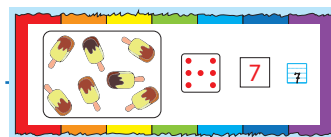
Chân trời sáng tạo



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH

Mỗi bài học thường có các phần sau:



Cùng học tìm tòi, khám phá, dựa vào kiến thức cũ để hình thành kiến thức mới.

Thực hành các kiến thức, kỹ năng ở phần Cùng học.

Luyện tập và vận dụng kiến thức, kỹ năng vừa học.

Một số kí hiệu khác được dùng trong sách:

	Tập viết.
	Đếm, đọc số.
	Sử dụng thẻ chữ số và thẻ dấu (có thể thay thế bằng lời nói hoặc viết ra bảng con, vở bài tập).
	Bạn ong vui vẽ gợi ý hoặc làm mẫu.
	Tham gia các hoạt động toán học vui, đơn giản.
	Khám phá những vấn đề mới liên quan đến kiến thức vừa học.
	Thử thách và phát triển năng lực toán học.
	Giới thiệu một số địa danh và giá trị lịch sử – văn hoá của đất nước.
	Các hoạt động tham khảo tạo thêm cơ hội giúp học sinh kết nối kiến thức đã học với thực tiễn cuộc sống.

Các lệnh yêu cầu viết được thực hiện trên bảng con hoặc vở bài tập.

*Hãy bảo quản, giữ gìn Sách giáo khoa để dành tặng
các em học sinh lớp sau.*

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh, quý thầy, cô giáo và phụ huynh thân mến!

Sách **Toán 1** thuộc bộ sách giáo khoa **Chân trời sáng tạo** được Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xuất bản.

Với học sinh, cuốn sách như người bạn thân thiết, giúp các em tự tìm tòi, khám phá và học tập một cách sáng tạo theo năng lực của mình.

Với giáo viên, cuốn sách giúp cho người dạy thể hiện tốt các ý tưởng và phương pháp dạy học tiên tiến; cung cấp đầy đủ các nội dung môn học phù hợp với nhiệm vụ hình thành kiến thức – kỹ năng cơ bản; phát triển các phẩm chất, năng lực toán học cho học sinh theo hướng tích hợp.

Với phụ huynh, cuốn sách là cầu nối giúp cha mẹ hiểu thêm về cách suy nghĩ và học tập của con em mình.

Các hình ảnh dễ thương và những tình huống vui nhộn, gần gũi, lồng cuốn học sinh vào hoạt động học tập sẽ giúp cho cuốn sách trở nên **dễ dạy, dễ học**.

Chúng tôi hi vọng cuốn sách này sẽ mang lại **niềm vui** cho các em khi học Toán.

Rất mong nhận được sự góp ý của quý thầy, cô, phụ huynh và các em học sinh để bộ sách ngày càng hoàn thiện hơn.

Các tác giả

MỤC LỤC

Lớp 1 của em 6

1. Làm quen với một số hình..... 9

Vị trí	10
Khối hộp chữ nhật – Khối lập phương	14
Hình tròn – Hình tam giác – Hình vuông – Hình chữ nhật	16
Xếp hình.....	20
Thực hành và trải nghiệm: Vui Trung thu	22

2. Các số đến 10.....23

Các số 1, 2, 3	24
Các số 4, 5	26
Tách – Gộp số.....	29
Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	32
So sánh các số: bằng, lớn hơn, bé hơn	34
Các dấu =, >, <	36
Số 6	38
Số 7	40
Số 8	42
Số 9	44
Số 0	46
Số 10	47
Em làm được những gì?	50
Thực hành và trải nghiệm: Sông nước miền Tây	52

3. Phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10.....53

Phép cộng	54
Phép cộng trong phạm vi 10	56
Cộng bằng cách đếm thêm	60
Phép trừ	62
Phép trừ trong phạm vi 10	64
Trừ bằng cách đếm bớt	68
Em làm được những gì?	70
Ôn tập học kì 1	74
Thực hành và trải nghiệm: Em đi bộ theo luật giao thông	78

4. Các số đến 20.....81

Các số đến 20	82
Các phép tính dạng $10 + 4$, $14 - 4$	88
Các phép tính dạng $12 + 3$, $15 - 3$	90
Chiếc đồng hồ của em.....	92
Em làm được những gì?	96

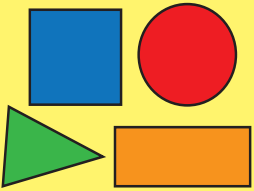
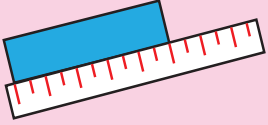
5. Các số đến 100.....97

Chục – Số tròn chục	98
Các phép tính dạng $30 + 20$, $50 - 20$	101
Chục – Đơn vị.....	102
Các số đến 40	104
So sánh các số.....	107
Các số đến 100	109
Bảng các số từ 1 đến 100	116
Các phép tính dạng $34 + 23$, $57 - 23$	120
Em làm được những gì?	123
Các ngày trong tuần	126
Tờ lịch của em	128
Thực hành và trải nghiệm: Em và các bạn	130
Độ dài.....	132
Đo độ dài	136
Xăng-ti-mét. Đơn vị đo độ dài.....	140
Em làm được những gì?	144
Ôn tập cuối năm	148
Thực hành và trải nghiệm: Ong và hoa	156
Bảng từ ngữ	159

Lớp 1

của

em



$$9 + 1 =$$

$$8 + 2 =$$

$$7 + 3 =$$

$$6 + 4 =$$

$$5 + 5 =$$

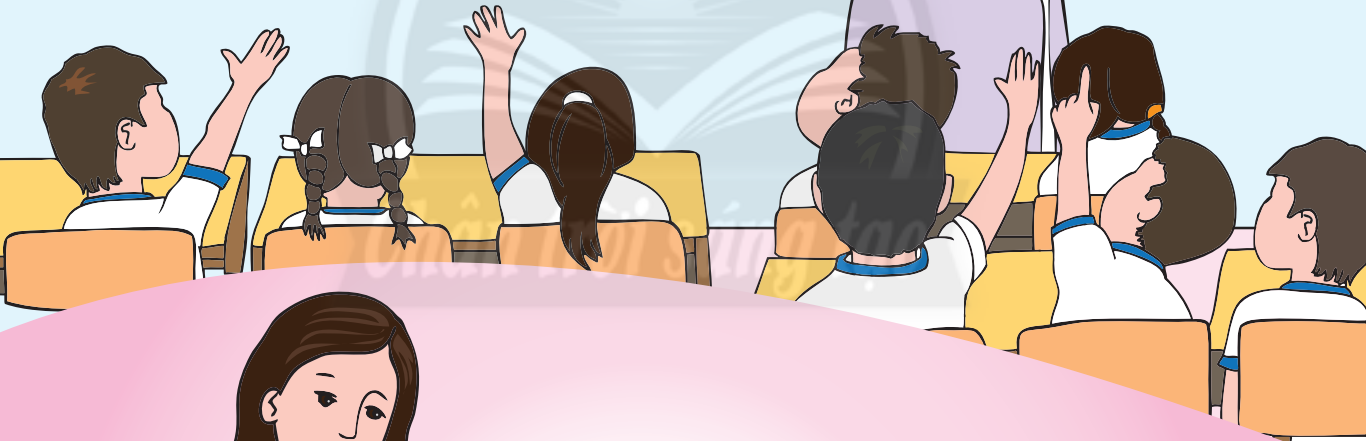
$$10 - 1 =$$

$$10 - 2 =$$

$$10 - 3 =$$

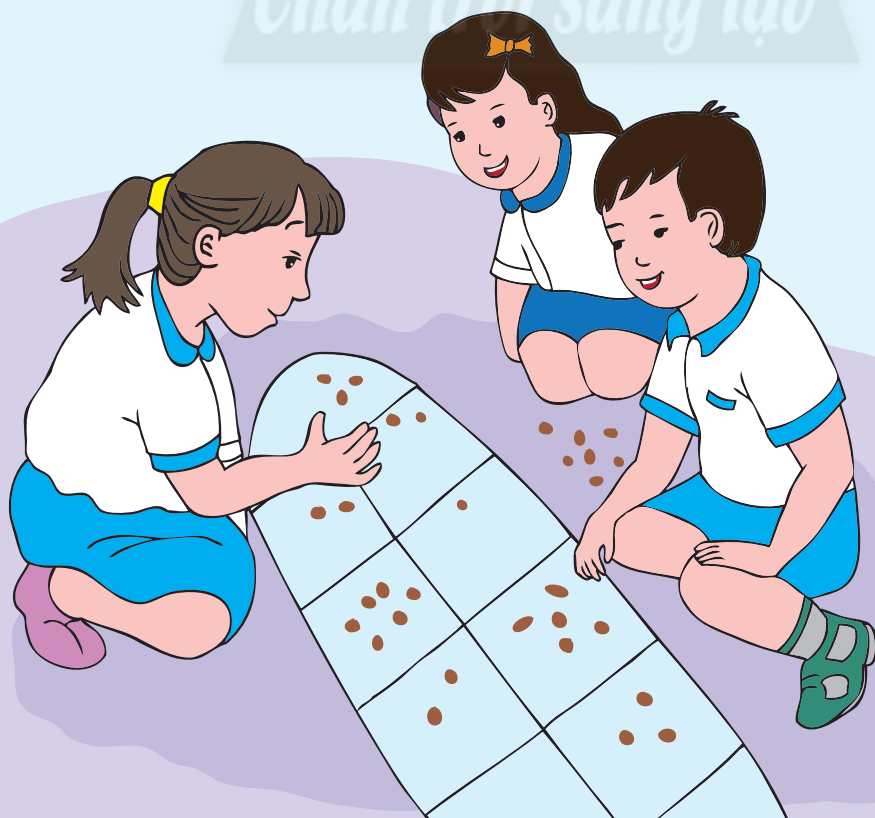
$$10 - 4 =$$

$$10 - 5 =$$



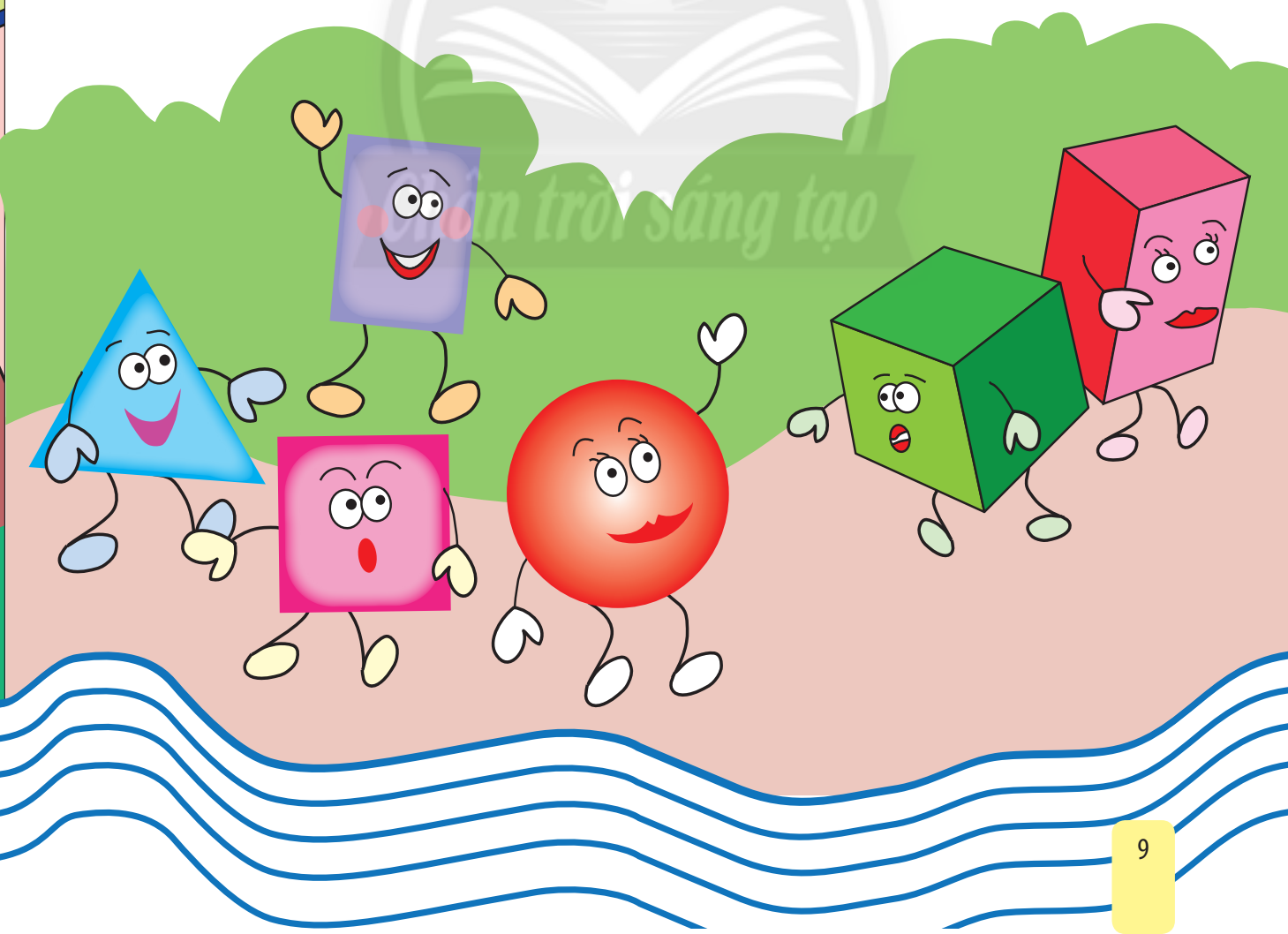


Chân trời sáng tạo





1. Làm quen với một số hình

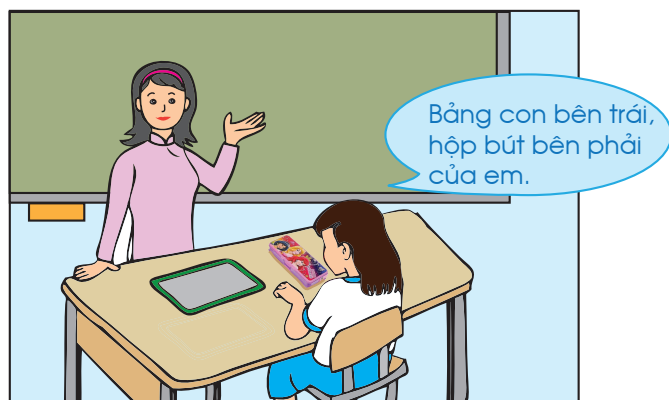


Vị trí

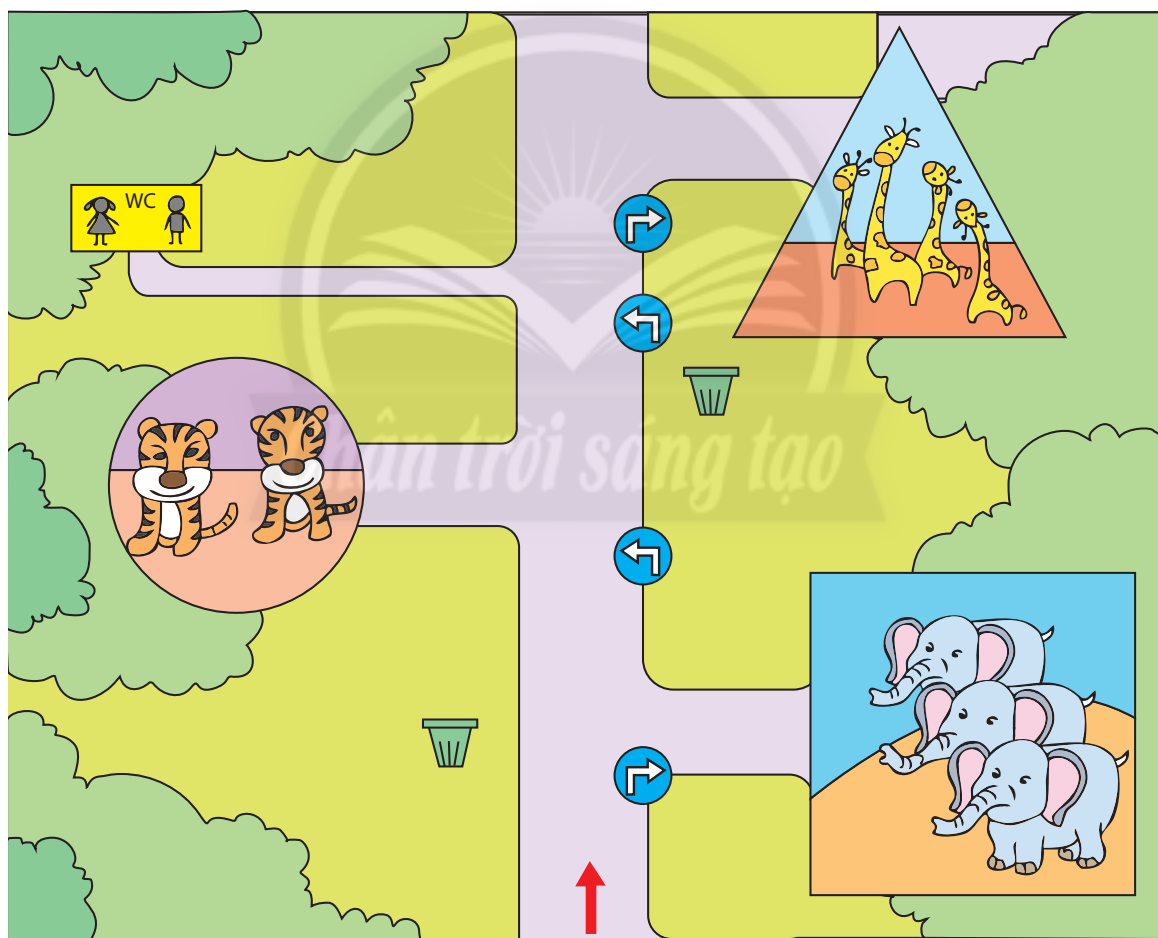
Quan sát tranh, nói về vị trí:
phải – trái, trên – dưới, trước – sau, ở giữa.



1 Đặt và nói vị trí của đồ vật.



2 Đi theo biển chỉ đường.



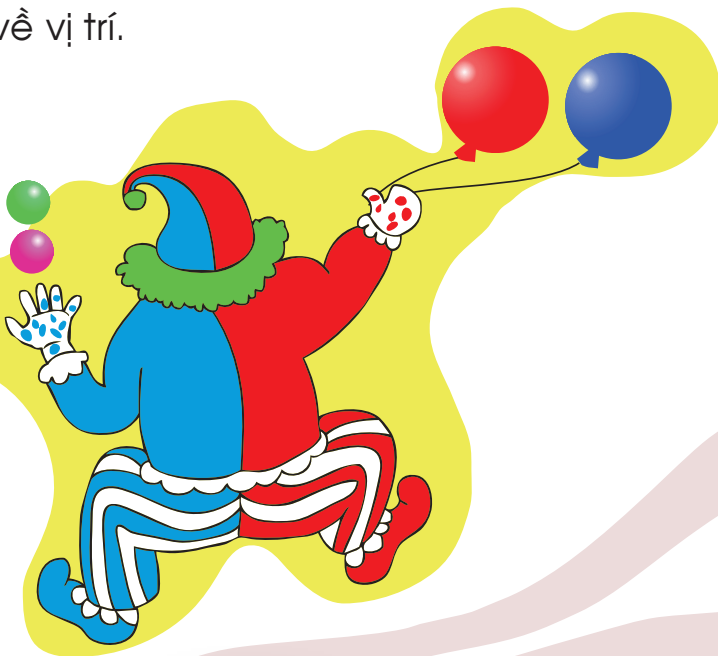
Em phân biệt **bên trái**, **bên phải** trên cơ thể mình.

1 Quan sát rồi nói về vị trí.

a



Phải – trái,
trên – dưới



b

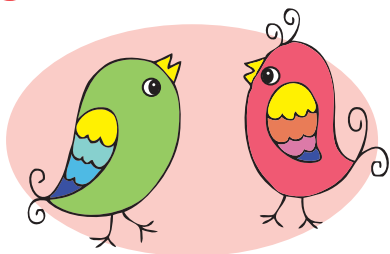


Ở giữa



2 Nói vị trí các con vật.

a



b



c



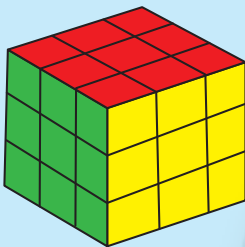
d



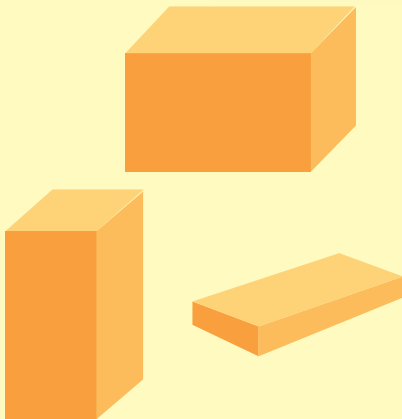
Chân trời sáng tạo

Khối hộp chữ nhật

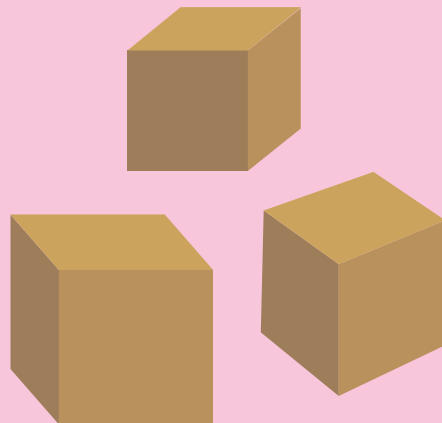
Khối lập phương



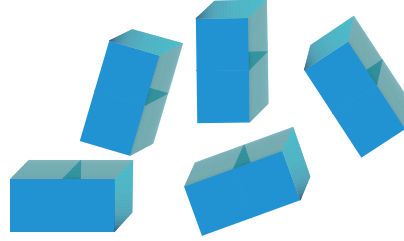
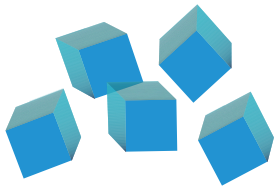
KHỐI HỘP CHỮ NHẬT



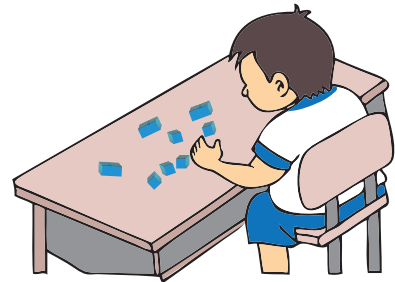
KHỐI LẬP PHƯƠNG



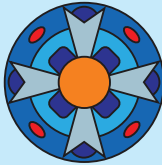
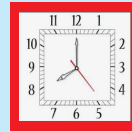
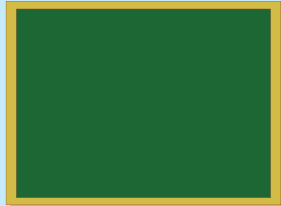
- 1 Đặt khối lập phương, khối hộp chữ nhật vào đồ vật cùng hình dạng (theo mẫu).



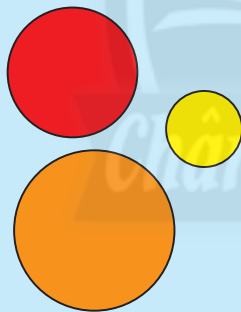
- 2 Xếp dãy hình.



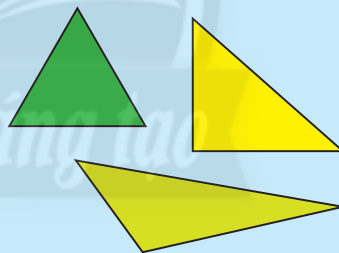
Hình tròn – Hình tam giác Hình vuông – Hình chữ nhật



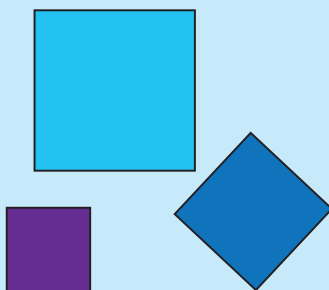
HÌNH TRÒN



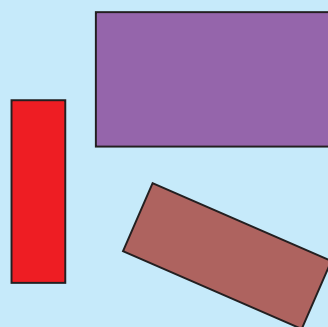
HÌNH TAM GIÁC



HÌNH VUÔNG



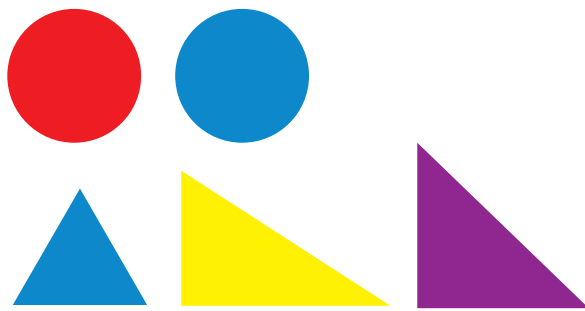
HÌNH CHỮ NHẬT



1

Tìm và gọi tên các hình sau trong
Bộ thực hành Toán – Tiếng Việt lớp 1.

**BỘ THỰC HÀNH
TOÁN - TIẾNG VIỆT
LỚP 1**



2

Nói cách sắp xếp các nhóm hình.

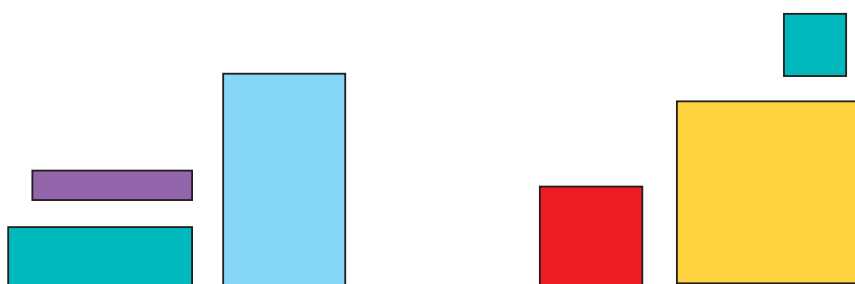
Xếp theo màu sắc
hay hình dạng?



a



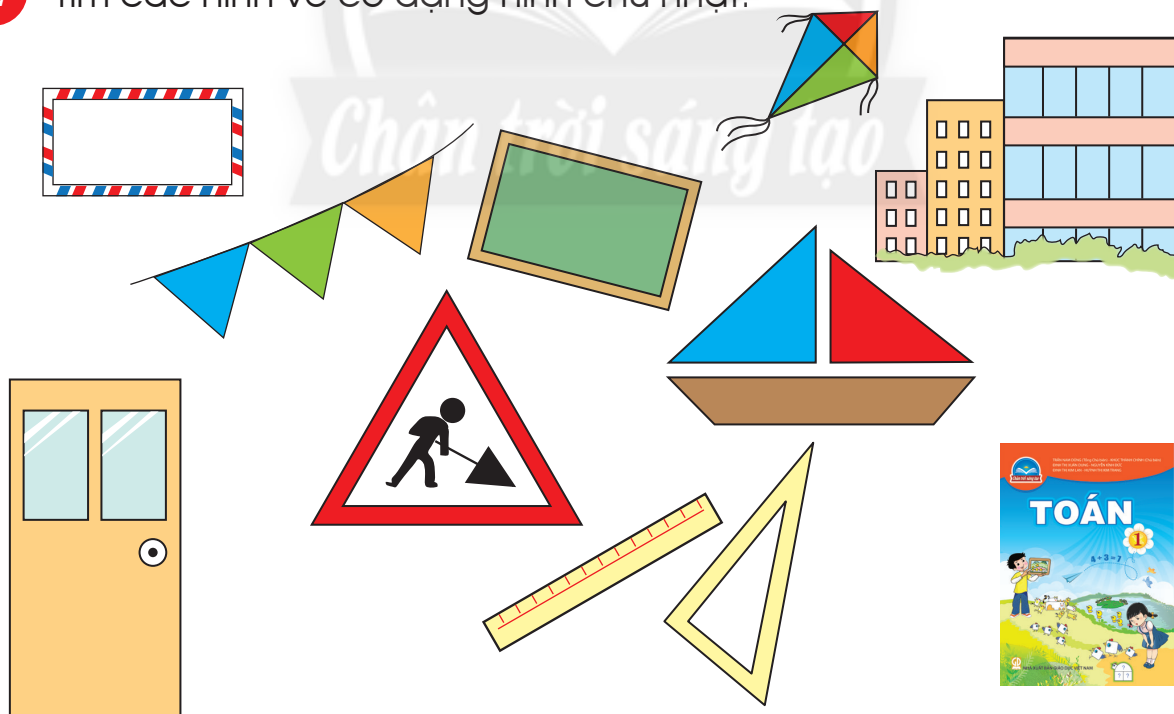
b



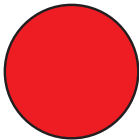
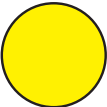
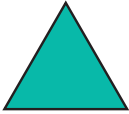
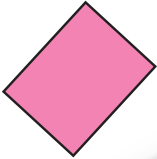
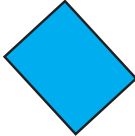
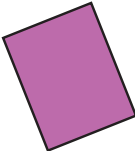
1 Tìm các hình vẽ có dạng hình tròn.



2 Tìm các hình vẽ có dạng hình chữ nhật.



3 Tìm hình theo hình mẫu.

 Hình tròn	   
 Hình tam giác	   
 Hình vuông	   
 Hình chữ nhật	   



Tập xếp xe.



Xếp hình

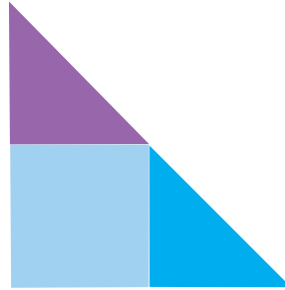
1

Dùng

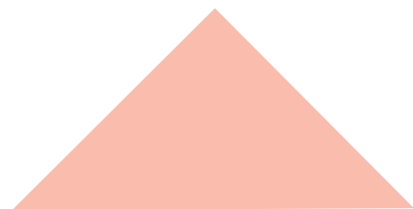
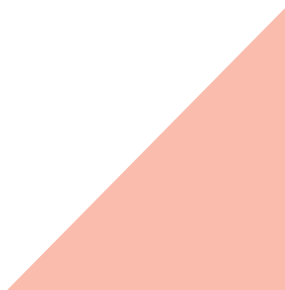
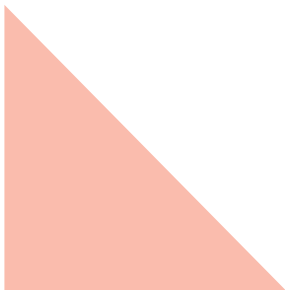


xếp các hình sau.

a



b



2

Xếp nhà và thiên nga.



Thực hành và trải nghiệm

Vui Trung thu

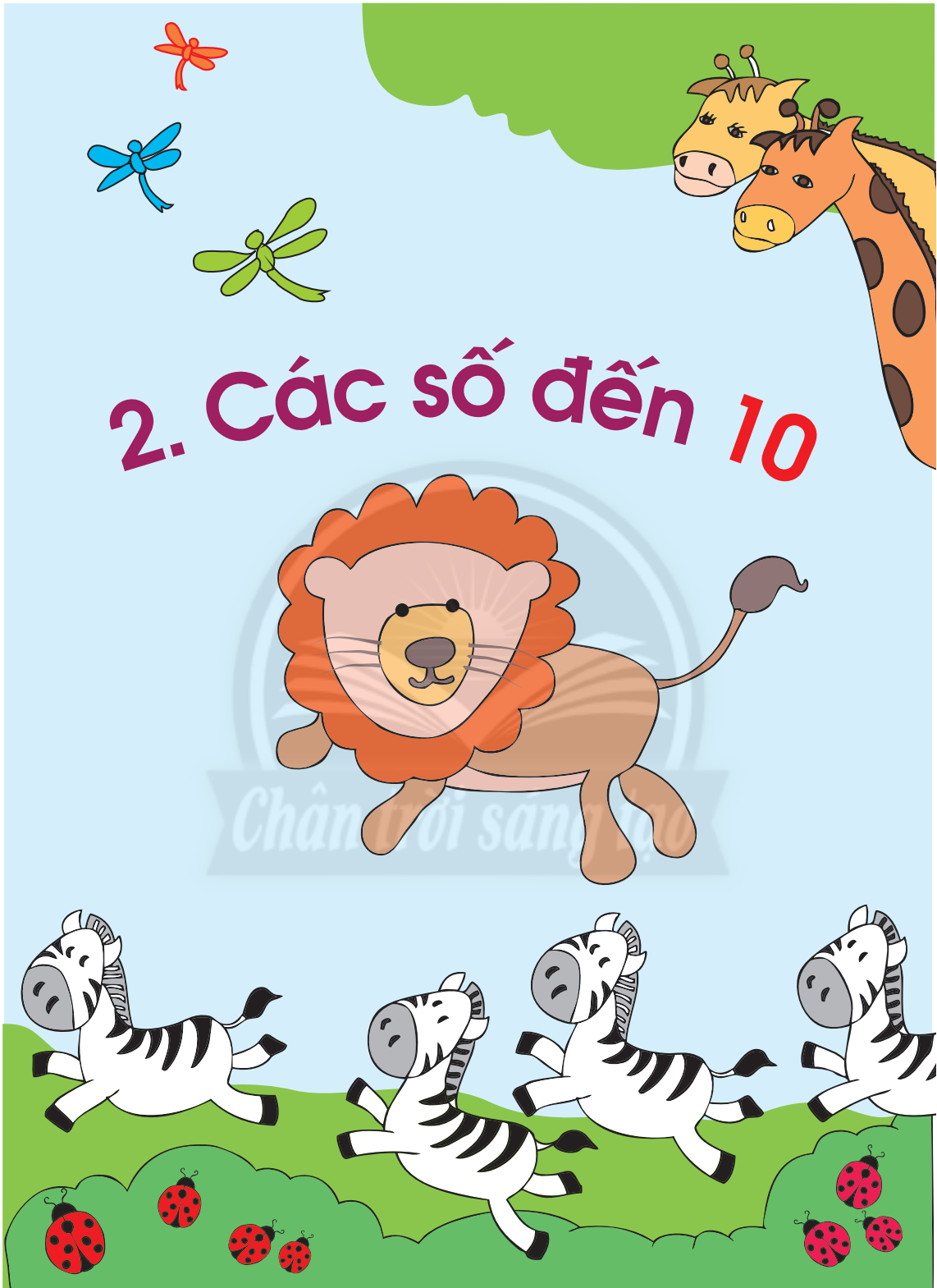
1. Chọn lồng đèn.



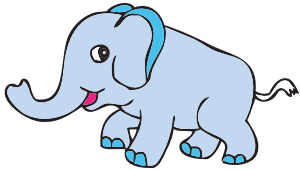
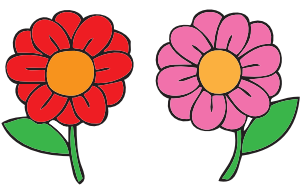
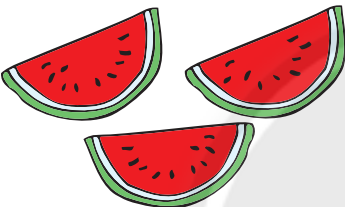
2. Rước đèn.

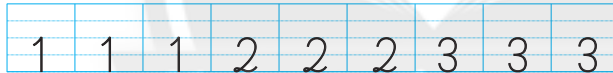


2. Các số đến 10



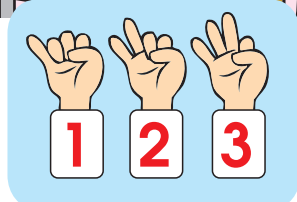
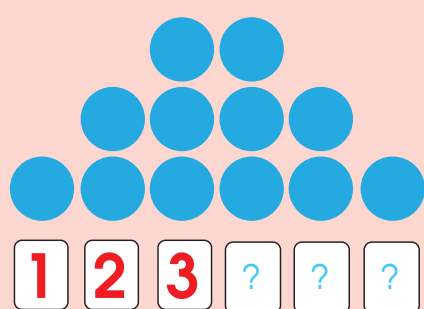
Các số 1, 2, 3

		1 một	
		2 hai	
		3 ba	

1  

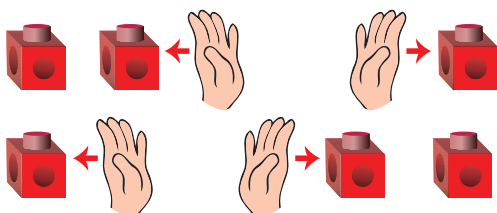
2 

3 



Hai gồm một và một.



Ba gồm hai và một.

Ba gồm một và hai.



Thức ăn được giấu trong hộp màu gì?



Chùa Một Cột
(Thủ đô Hà Nội)



- Trên khuôn mặt bé cái gì có 1, cái gì có 2?
- Kể 3 điều tốt bạn làm cho em, 3 việc em giúp cha mẹ.
- Em có biết vị trí Hà Nội trên bản đồ (trang 157) không?

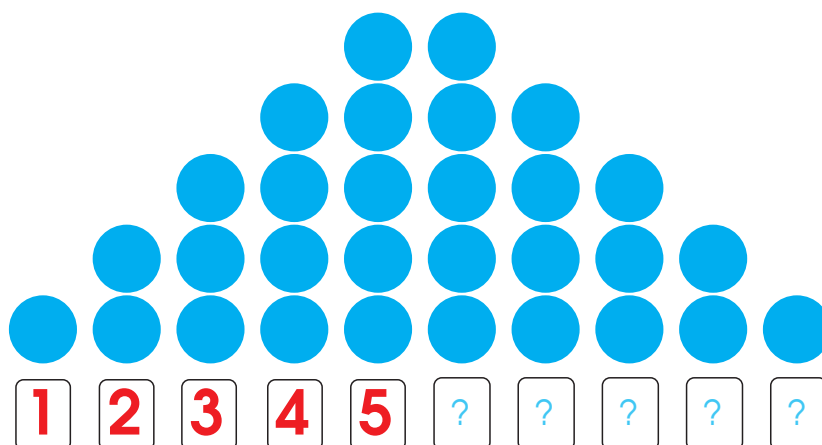
Các số 4, 5

		4	
bốn			
		5	
năm			



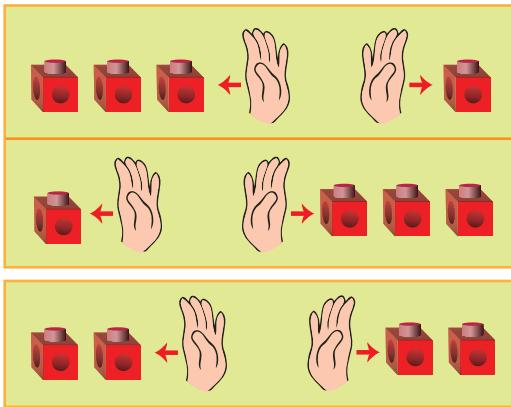
4	4	5	5		

1	2	3	4	5	
---	---	---	---	---	--



4

Tách và nói.



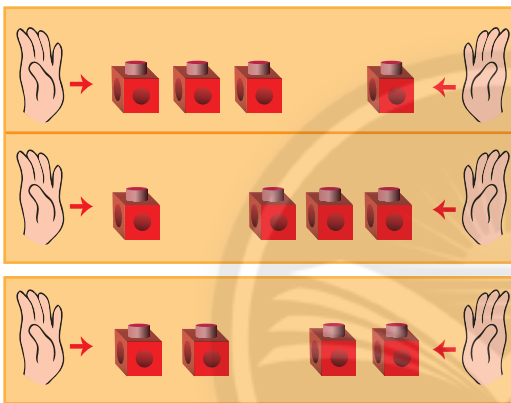
Bốn gồm ba và một.
Bốn gồm một và ba.



Bốn gồm hai và hai.

5

Gộp và nói.



Gộp ba và một được bốn.
Gộp một và ba được bốn.



Gộp hai và hai được bốn.



Chân trời sáng tạo

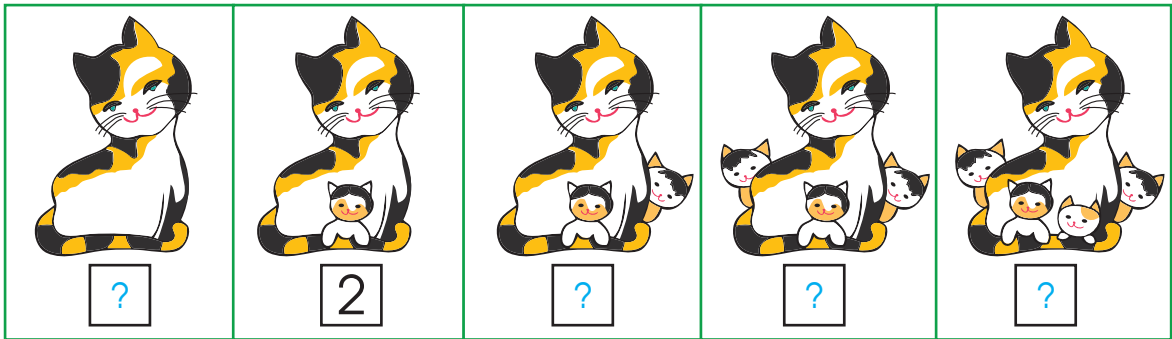


Chợ Bến Thành
(Thành phố Hồ Chí Minh)
có 4 cửa chính.



- Thường xuyên sử dụng 5 từ: Thưa – Dạ – Cảm ơn – Xin lỗi – Vui lòng.
- Em có biết vị trí Thành phố Hồ Chí Minh trên bản đồ (trang 157) không?

1 Số?



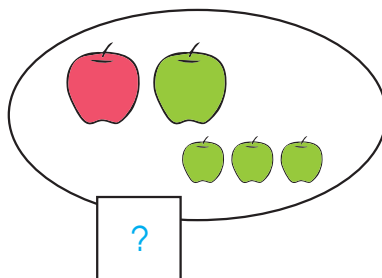
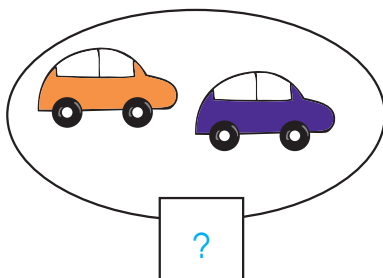
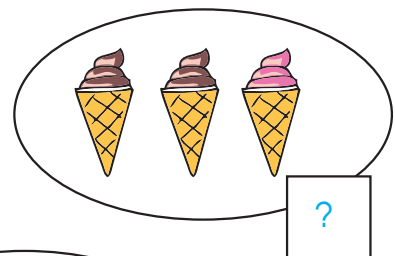
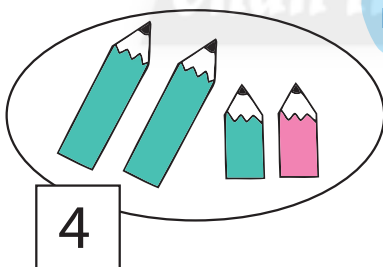
2 Số?



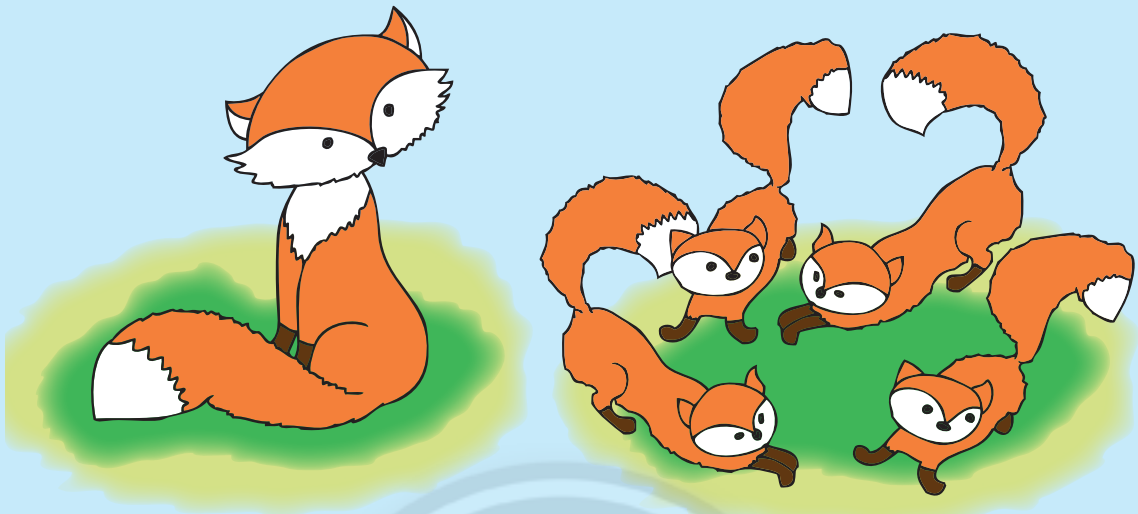
3 Đếm và nói theo mẫu.

Mẫu:

Bốn gồm ba và một.
Bốn gồm hai và hai.

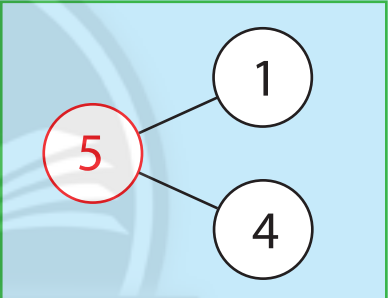


Tách – Gộp số

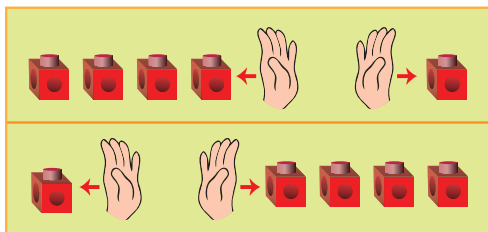


Có 1 cáo mẹ và 4 cáo con.
 5 gồm 1 và 4.
 5 gồm 4 và 1.

Gộp 1 và 4 được 5.
 Gộp 4 và 1 được 5.

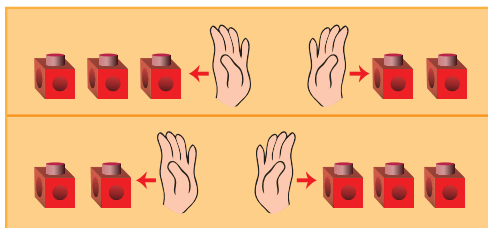
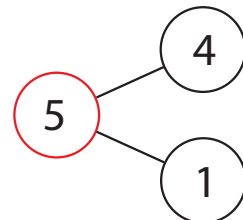


Làm theo mẫu.



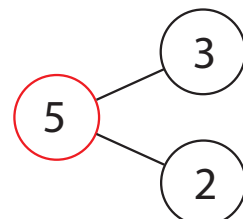
5 gồm 4 và 1

5 gồm 1 và 4

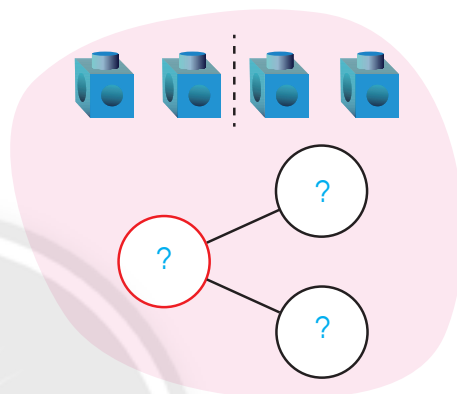
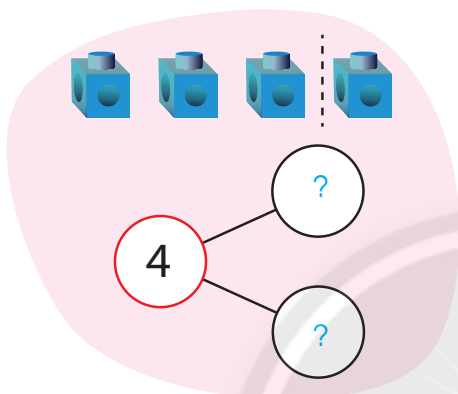
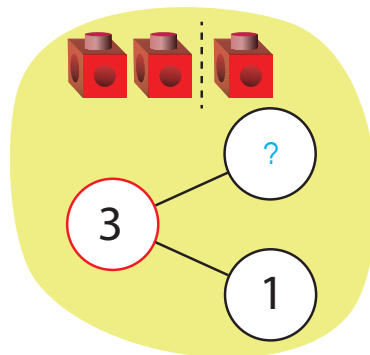
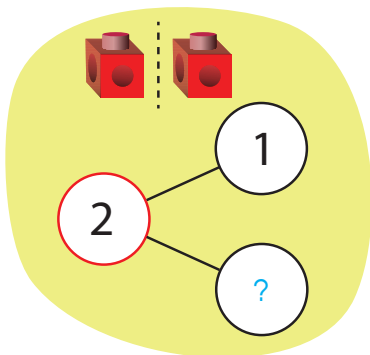


5 gồm 3 và 2

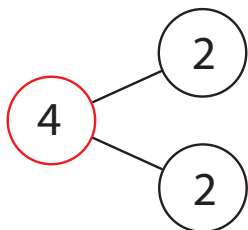
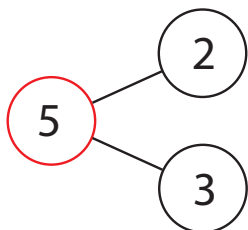
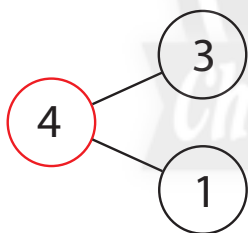
5 gồm 2 và 3



1 SỐ?

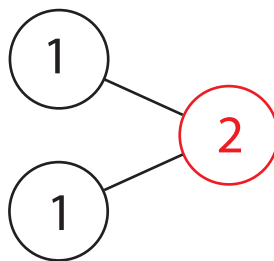


2 Tìm hình vẽ phù hợp.



3 Làm theo mẫu.

Mẫu:



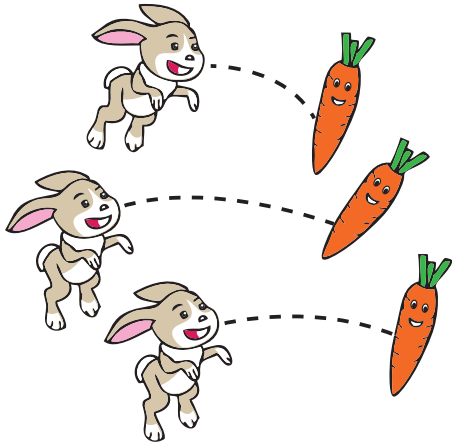
Gộp một và một được hai.



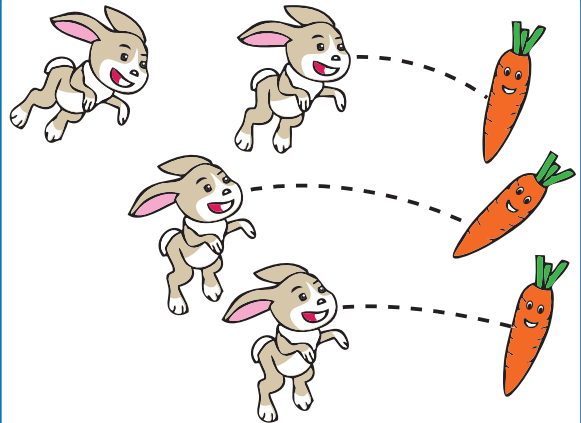
4 Nói theo tranh.



Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn



Số thỏ **bằng** số cà rốt.



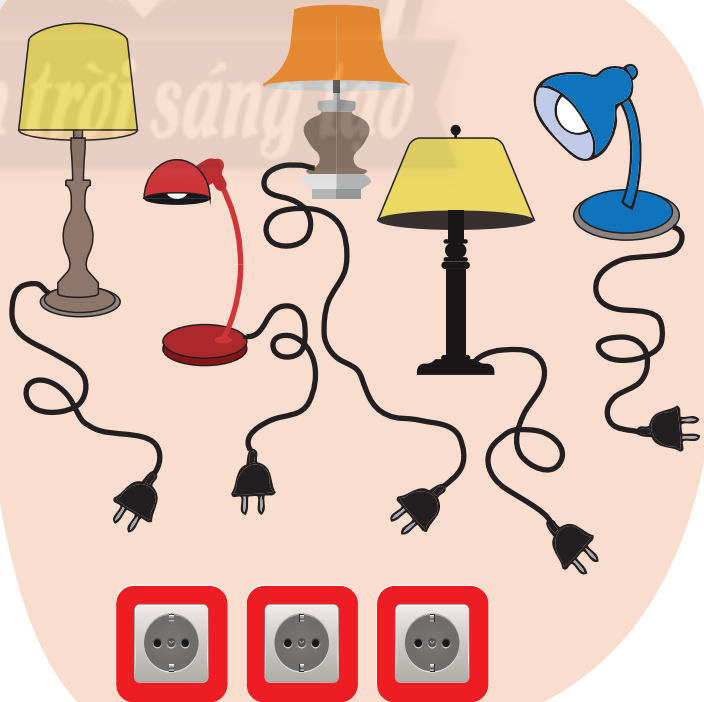
Số thỏ **nhiều hơn** số cà rốt.
Số cà rốt **ít hơn** số thỏ.

Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn?

1



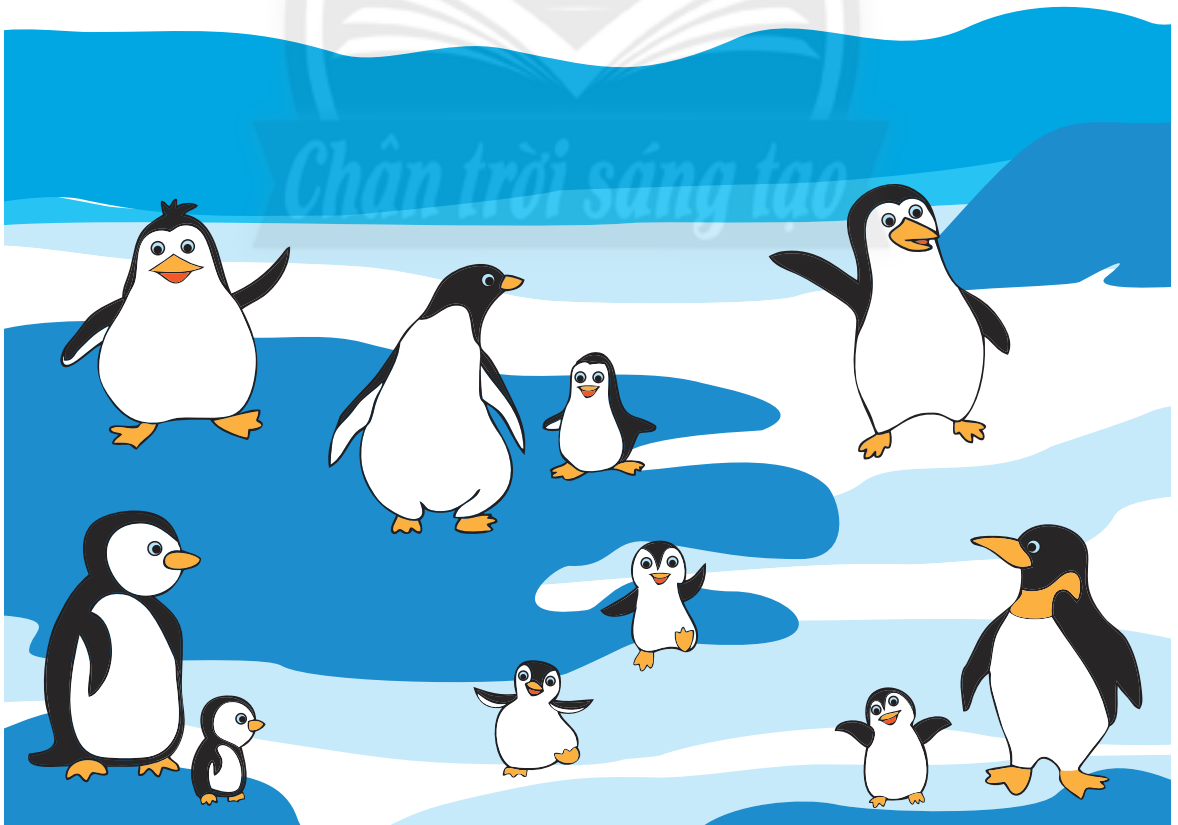
2



3



4



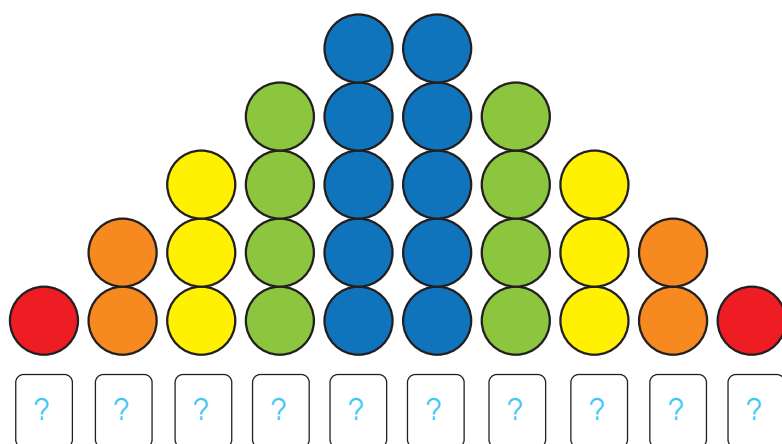
So sánh các số: bằng, lớn hơn, bé hơn



Chân trời sáng tạo



1



2



Từ bé đến lớn.

1	2	3		
3	?	5		
?	3	?	5	
?	2	?	4	?



Từ lớn đến bé.

		3	2	1
		5	?	3
	4	?	?	1
5	?	3	?	?

3

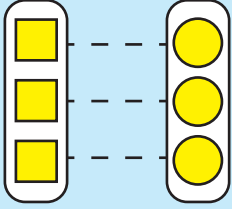
So sánh các số.

Bốn lớn hơn hai.
Tớ thắng!

Hai bé hơn bốn.
Tớ thua!



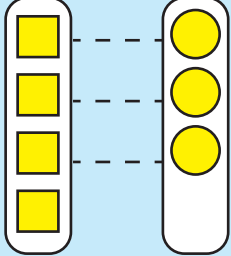
Các dấu =, >, <

$3 = 3$
Ba **bằng** ba.



dấu bằng

$4 > 3$ Bốn **lớn hơn** ba. $3 < 4$ Ba **bé hơn** bốn.



dấu lớn hơn



dấu bé hơn



=	=	=
>	>	>
<	<	<



Làm theo mẫu.

Mẫu:

2 5

2 < 5

5 > 2



Tớ là
dấu bé hơn.



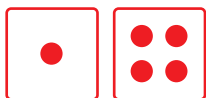
Tớ là
dấu lớn hơn.



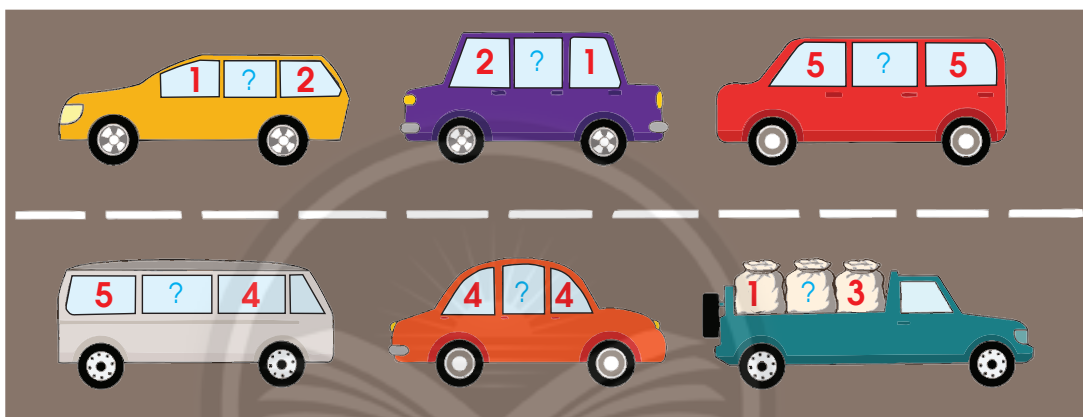
1



Mẫu:



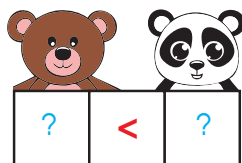
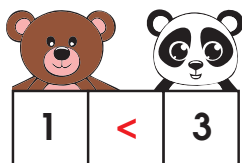
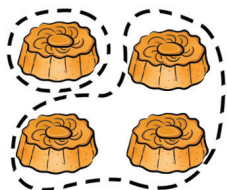
2



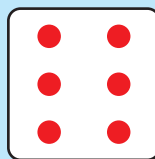
3 Số?



Chia bánh cho anh em Gấu.



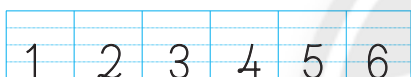
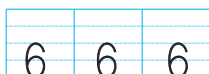
SỐ 6



sáu



1

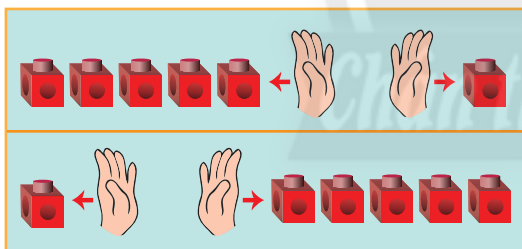


2



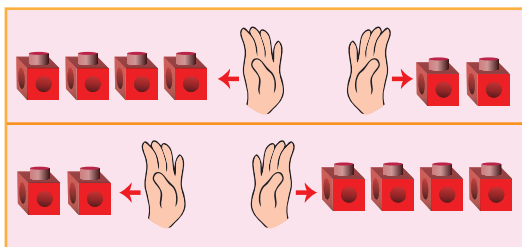
3

Làm theo mẫu.



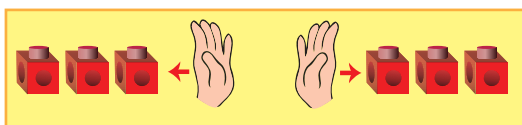
6 gồm 5 và 1

6 gồm 1 và 5

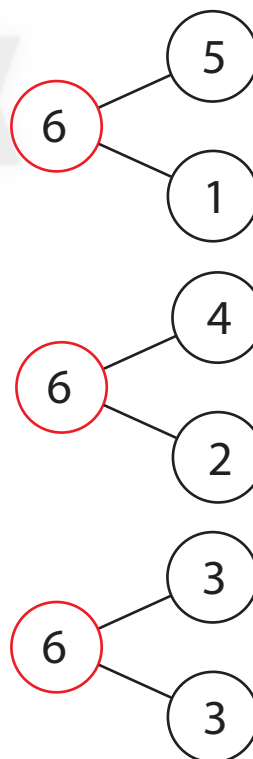


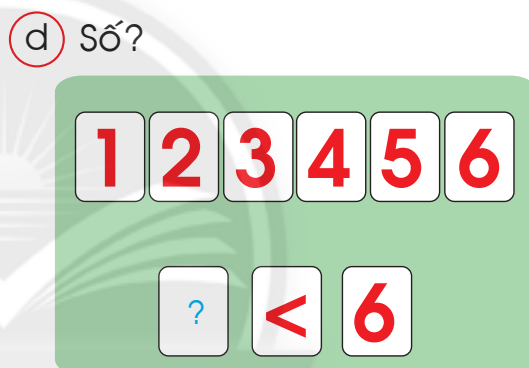
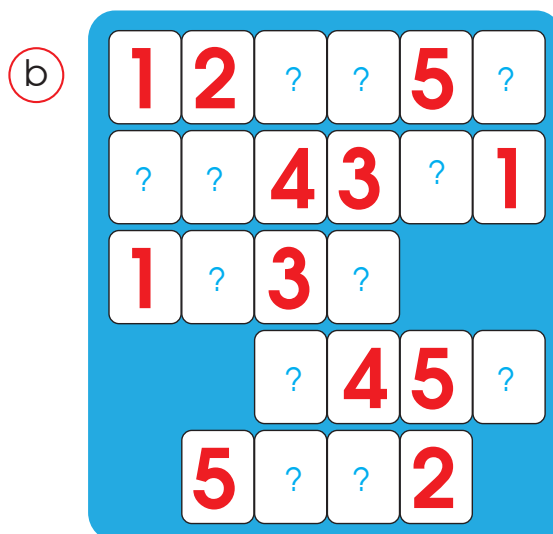
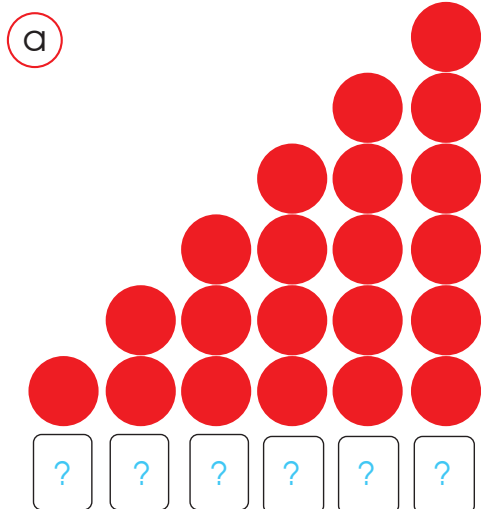
6 gồm 4 và 2

6 gồm 2 và 4

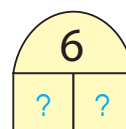
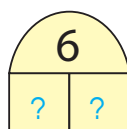
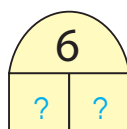
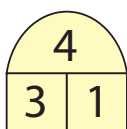
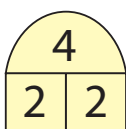
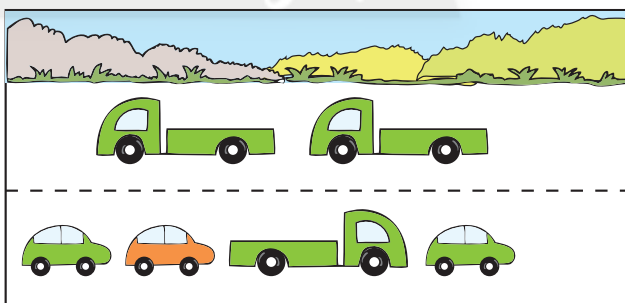


6 gồm 3 và 3



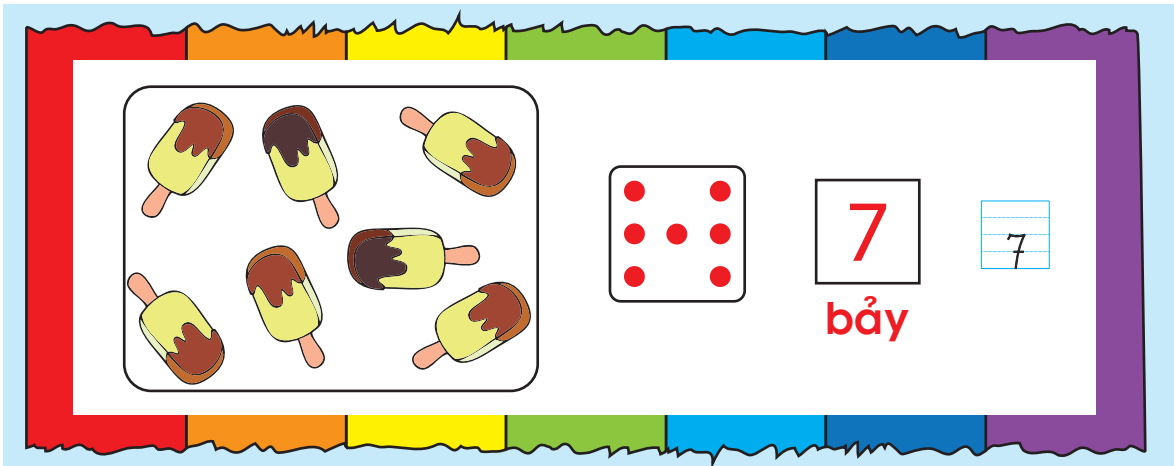


2 Tìm số và giải thích cách làm.

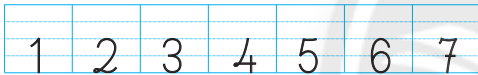
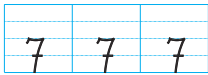


Em nói trôi chảy các cách tách – gộp từ 2 đến 6.

SỐ 7



1

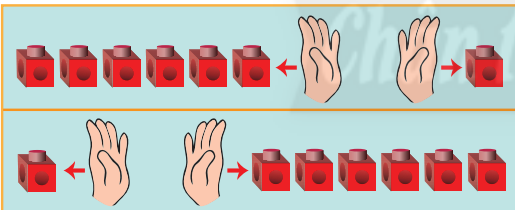


2



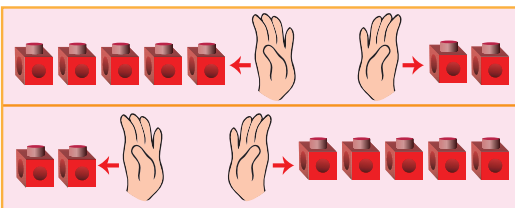
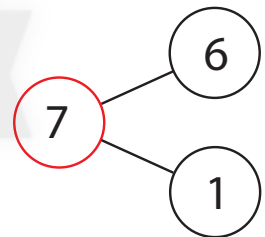
3

Làm theo mẫu.



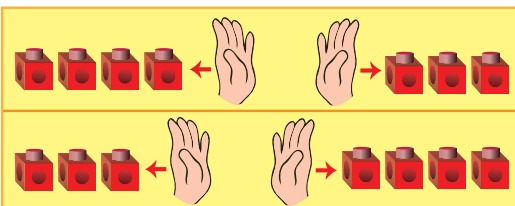
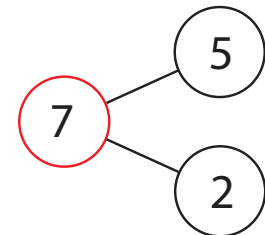
7 gồm 6 và 1

7 gồm 1 và 6



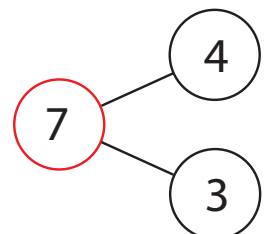
7 gồm 5 và 2

7 gồm 2 và 5



7 gồm 4 và 3

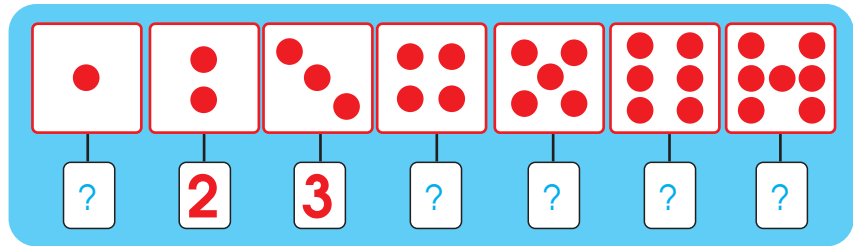
7 gồm 3 và 4



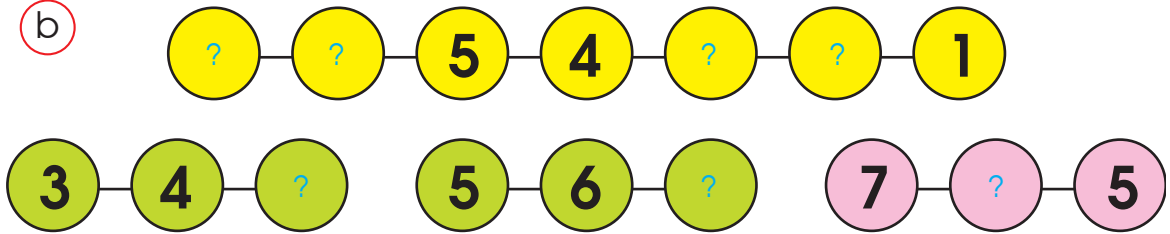
1



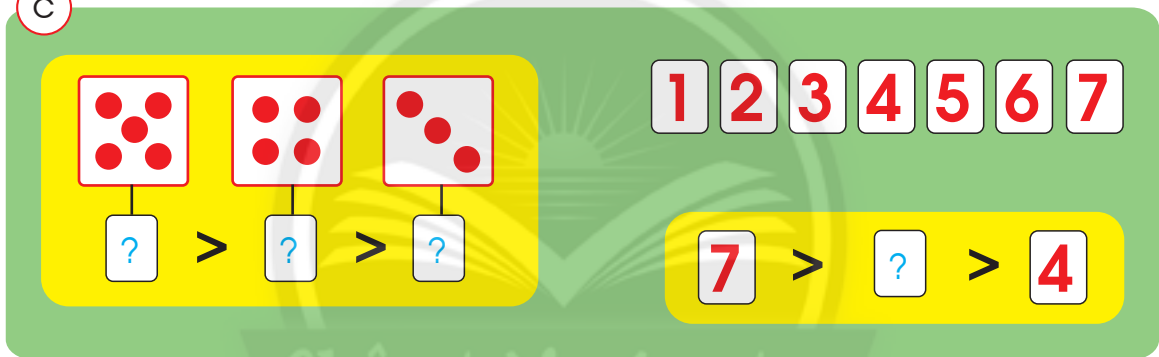
a



b



c



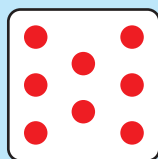
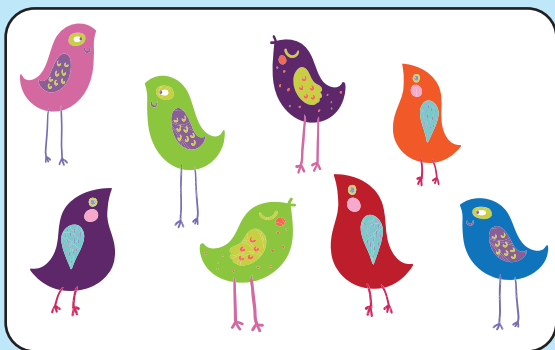
2

Cầu vồng có mấy màu?
 Tính từ màu đỏ thì:
 • Màu xanh lá cây là màu thứ mấy?
 • Màu thứ bảy là màu gì?



Em có biết tên bảy màu cầu vồng không?

SỐ 8



tám



1



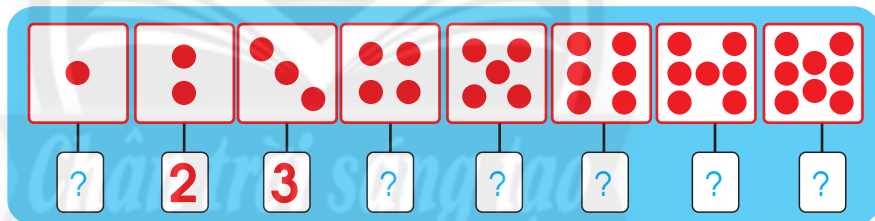
8	8	8	8
---	---	---	---

5	6	7	8
---	---	---	---

2



3



1	2	?
---	---	---

?	5	6
---	---	---

?	7	8
---	---	---

4	?	?	7	?
---	---	---	---	---

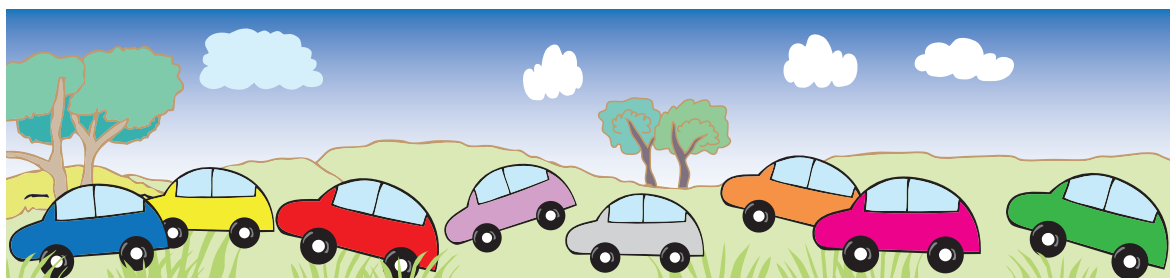
?	7	?	5	?
---	---	---	---	---

6	?	?	3	?
---	---	---	---	---

?	?	3	2	?
---	---	---	---	---

4

Có bao nhiêu chiếc xe?



1 Nói các cách tách – gộp 8.

8

7 và 1

6 và 2

5 và 3

4 và 4

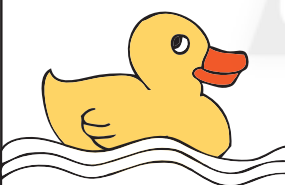
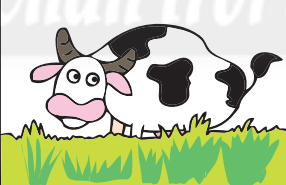
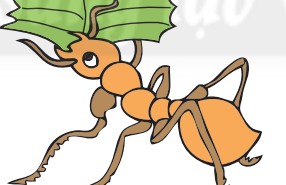
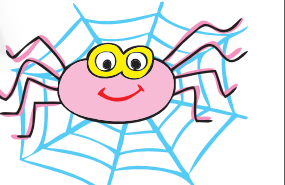
2 $> = <$

8 ? 5

4 ? 7

6 ? 6

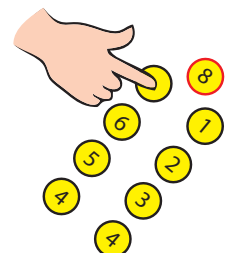
3 Mỗi con vật có mấy chân?

			
2	?	?	?

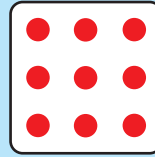
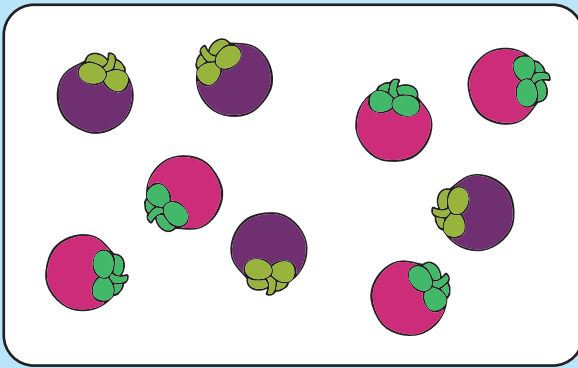


Em nói trôi chảy các cách tách – gộp 6, 7, 8, ví dụ:

- 8 gồm 7 và 1.
- Gộp 6 và 2 được 8.



SỐ 9



9

chín

9

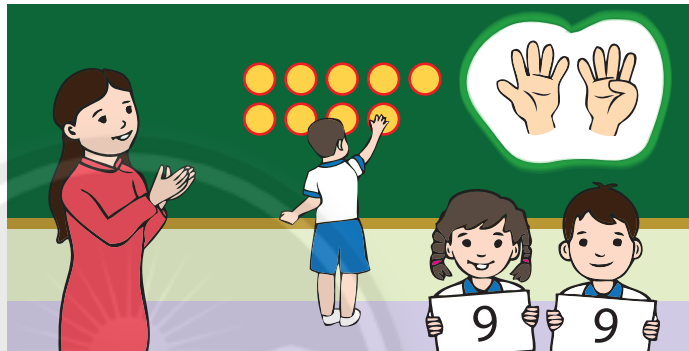
1



9 9 9 9

6 7 8 9

2



3

Nói các cách tách – gộp 9.



9

8 và 1

7 và 2

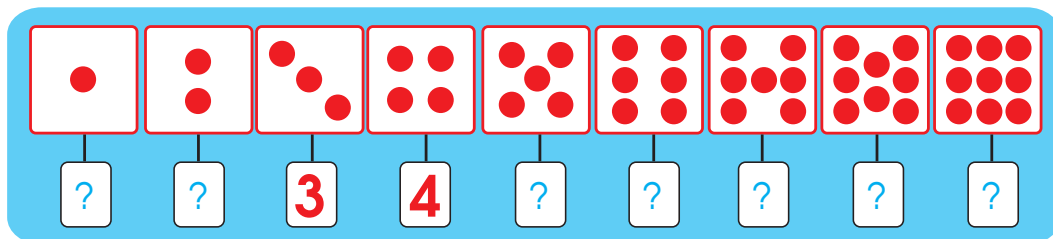
6 và 3

5 và 4



Cửu Đỉnh (9 cái đỉnh)
(Thành phố Huế)

1



2 ? 4

? 7 8 ?

? 8 ? 6 ?

2

Tìm số và giải thích cách làm.



3



8 ? 9

9 ? 5

7 ? 4

9 ? 9

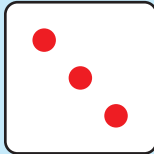
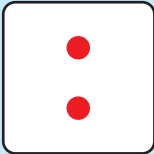
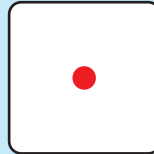
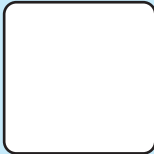
8
1 7

?
? ?

?
? ?

?
? ?

SỐ 0

  3	  2	  1	  0 không
--	--	--	--

1 

0	0	0	0
0	1	2	3

2 



3 

									
?	?	2	3	?	?	?	?	?	?

?	1	2
9	?	7

0	?	2	?
?	5	?	3

?	6	?	8	?
?	3	2	?	?

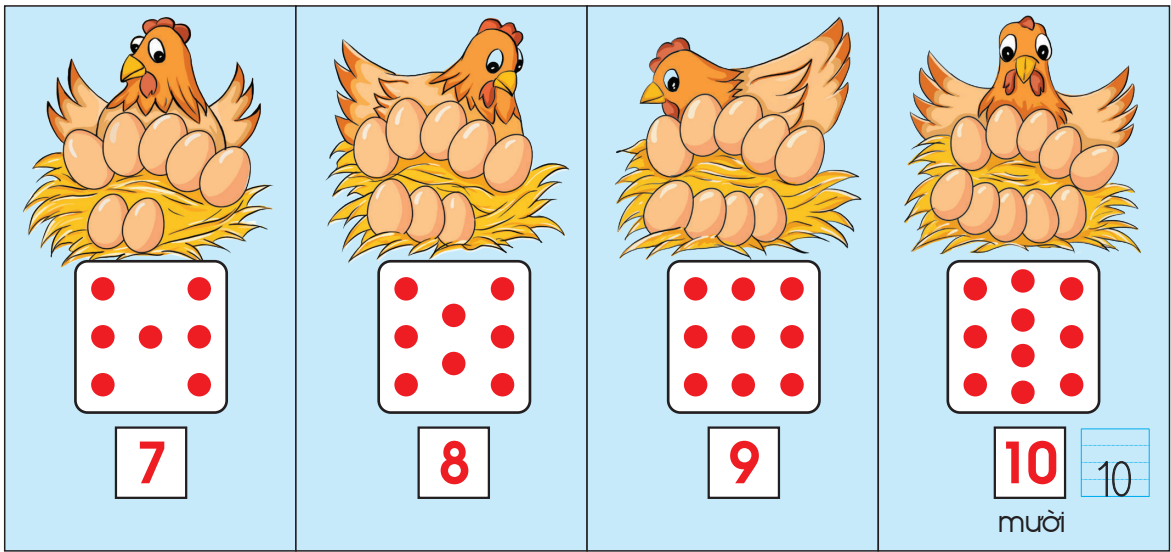
4 

0	?	1
---	---	---

3	?	0
---	---	---

0	?	0
---	---	---

SỐ 10



1



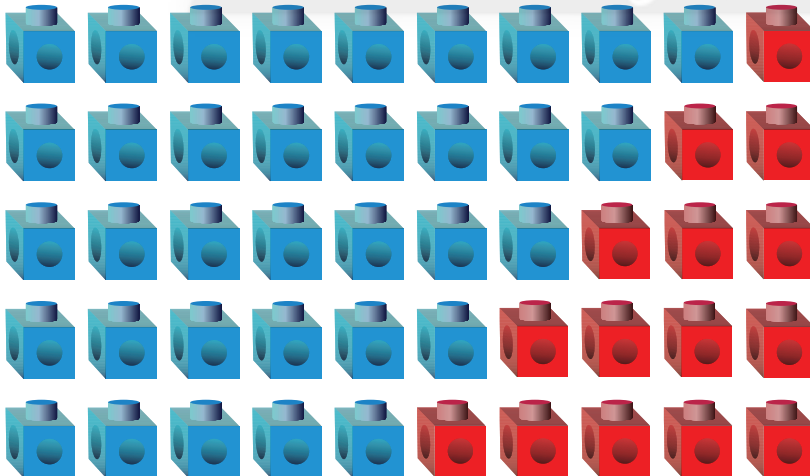
10	10	10	10
7	8	9	10

2



3

Nói các cách tách – gộp 10.

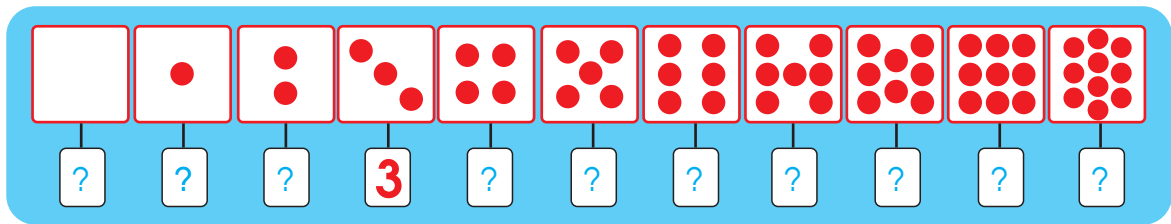


10	
9	và 1
8	và 2
7	và 3
6	và 4
5	và 5



Em nói trôi chảy các cách tách – gộp 6, 7, 8, 9, 10.

1



Gắn tiếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn.



0

2

5

6

8

10

7

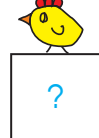
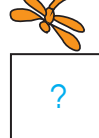
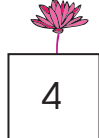
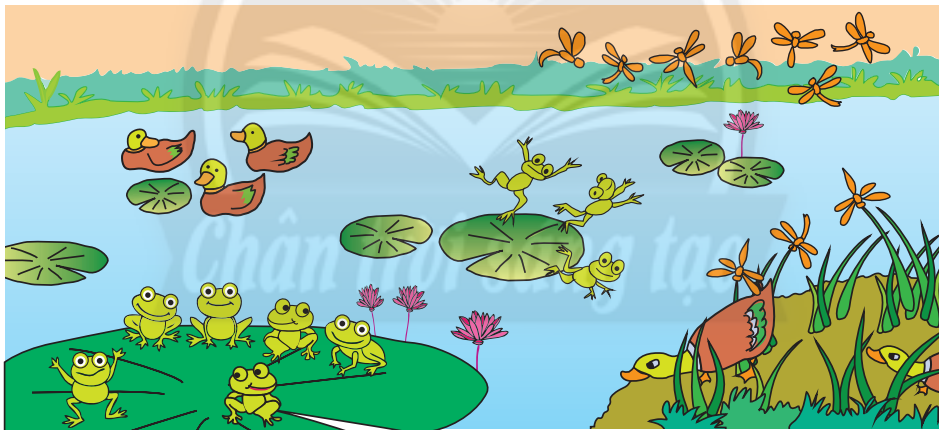
9

4

3

2

Số?



3

9

5

0

10

- a) Sắp xếp các số trên theo thứ tự từ bé đến lớn.
- b) Số nào bé nhất? Số nào lớn nhất?

4

Tim xe cho bạn.



5

Theo em, kết quả cuộc đua xe thể nào?



6

Nói theo mẫu câu:
Có con cá
gồm
và

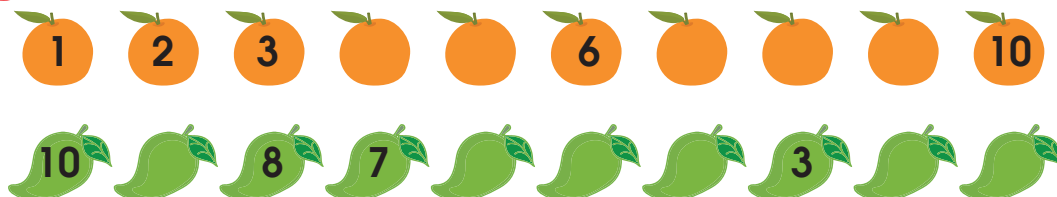


Sếu đầu đỏ
Vườn Quốc gia
Tràm Chim
(Tỉnh Đồng Tháp)

Em làm được những gì?



1

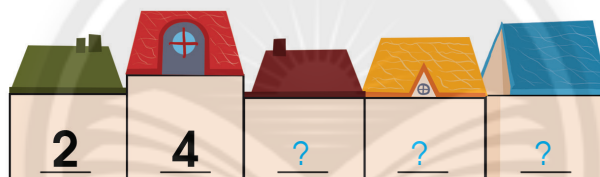


2

a



b



3

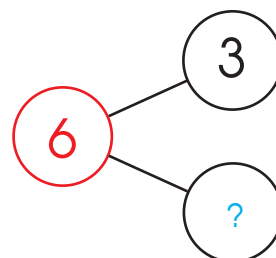
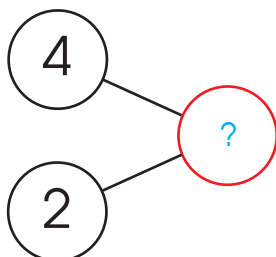
Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé: 4 1 8 7

4

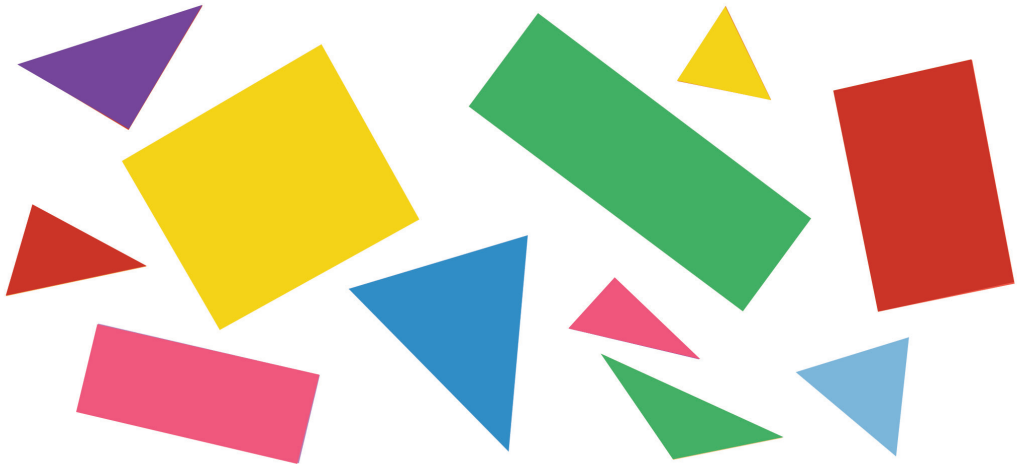
a



b



5 Số hình chữ nhật hay số hình tam giác nhiều hơn?



6 Em đoán xem khi trải thẳng ra, tấm thảm sẽ có dạng hình gì?

- A. Hình vuông
- B. Hình chữ nhật
- C. Hình tam giác



Đi đường nào để tìm thức ăn nhỉ?

2	5	2	6				7	3	9	5	5
3	7	1	5	10	6	0	5	8	10	6	8
5	8	6	3	8	10	3	6	1	2	4	0
		4	10	4	9	8					
			2	7	7	1					
			8	5	5	2	9	8			
				4	0	3	6	10			
				5	9	2	2	7			

Tim tiếp các cặp số gộp lại được 10.

Thực hành và trải nghiệm

Sông nước miền Tây

- 1 Số mặt hàng
mỗi ghe (thuyền) bán:

5

?

?

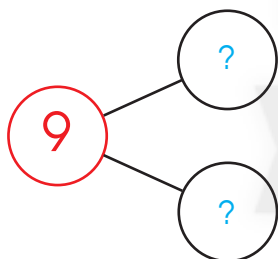
?

Sắp xếp các số trên theo
thứ tự từ bé đến lớn.



- 2 Số?

Số quả
dưa hấu.



- 3 Trò chơi: Đi chợ nổi.

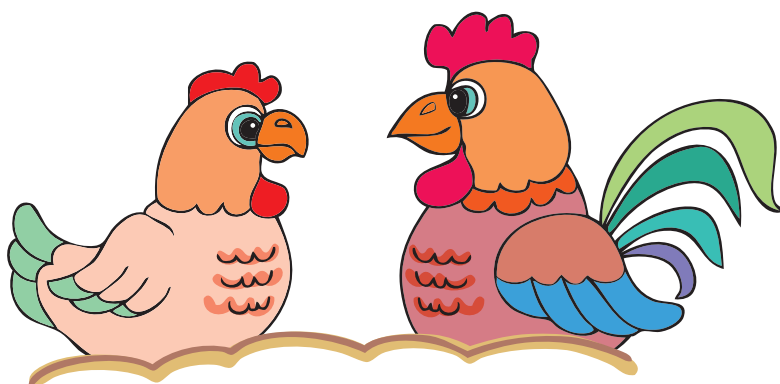
Nhìn tranh bài 1, nói theo mẫu:

– “Mua gì? Mua gì?”

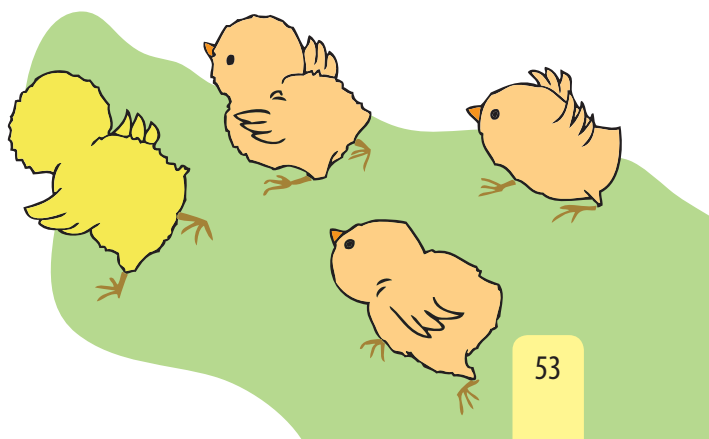
– “Mua 7 trái (quả) gồm 3 trái xoài
và 4 trái cà tím.”

Hay “Mua 3 trái xoài và 4 trái cà tím,
tất cả là 7 trái.”





3. Phép cộng, phép trừ trong phạm vi 10



Phép cộng





$3 + 2 = 5$
Ba cộng hai bằng năm.



Dấu cộng.

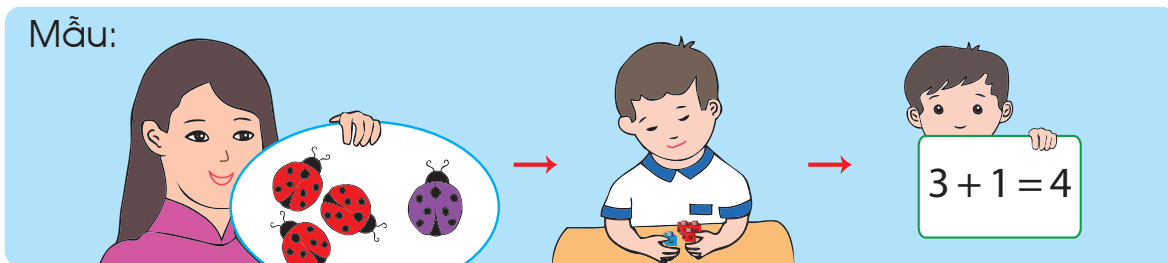




$5 + 1 = 6$

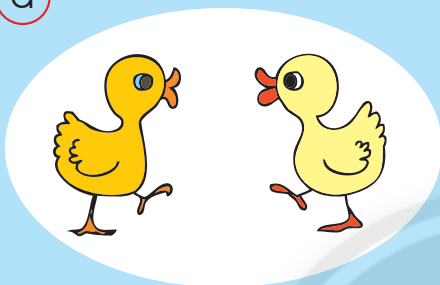
Xem tranh và làm theo mẫu.

Mẫu:

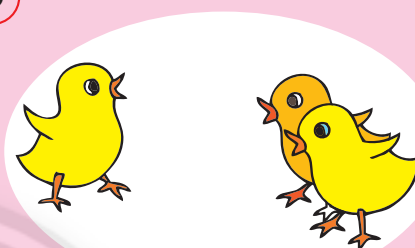


1

a

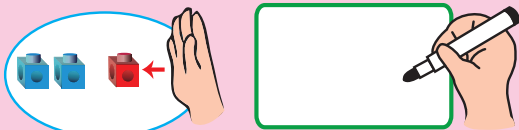
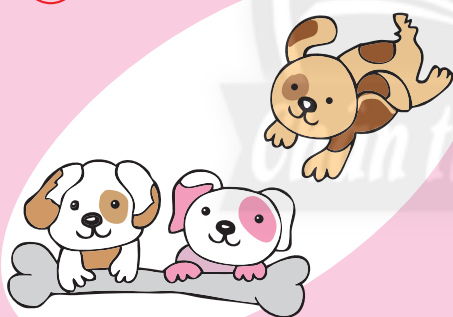


b

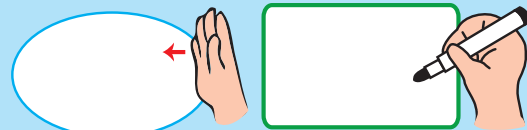
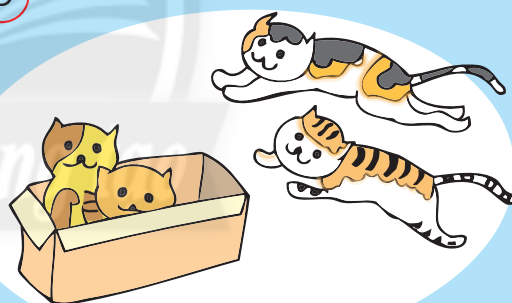


2

a



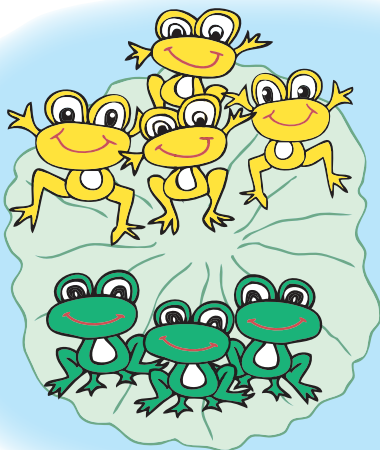
b



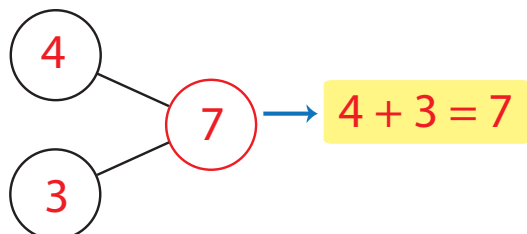
Em tập nói về phép cộng, ví dụ:

- Nhà có 2 nữ và 1 nam, có tất cả 3 người: $2 + 1 = 3$.
- Có 3 cái chén, lấy thêm 2 cái chén, có tất cả 5 cái chén: $3 + 2 = 5$.

Phép cộng trong phạm vi 10

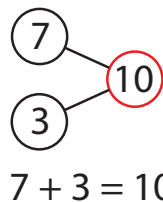
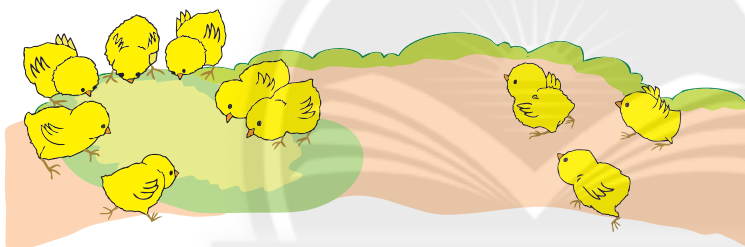


$$4 + 3 = ?$$



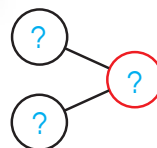
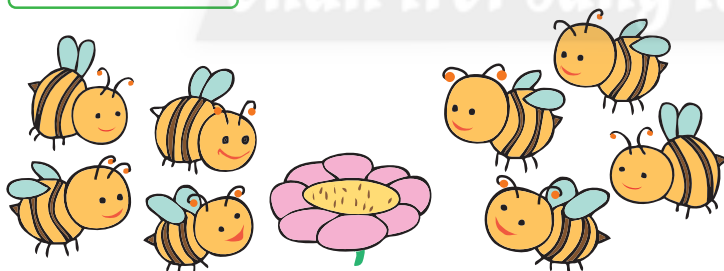
Làm theo mẫu.

Mẫu: $7 + 3 = ?$



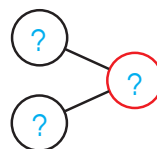
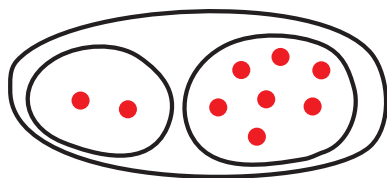
1

$$4 + 4 = ?$$



2

$$2 + 7 = ?$$



1 Số, phép cộng?

a

5

4 và 1

$4 + 1 = 5$
 $1 + 4 = 5$

3 và ?

?

?

b

6

5 và ?

?

?

4 và ?

?

?

3 và ?

?

2 Tính:

$$\begin{array}{l} 1 + 1 \\ 2 + 2 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 2 + 1 \\ 1 + 2 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 3 + 1 \\ 1 + 3 \end{array}$$

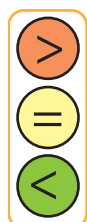
3 Tính:

$$\begin{array}{l} 3 + 3 \\ 2 + 3 \end{array}$$

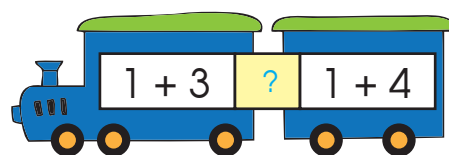
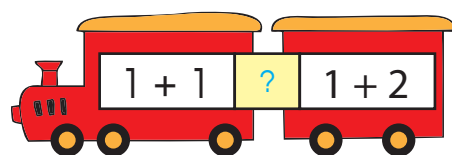
$$\begin{array}{l} 1 + 4 \\ 1 + 5 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 2 + 4 \\ 4 + 2 \end{array}$$

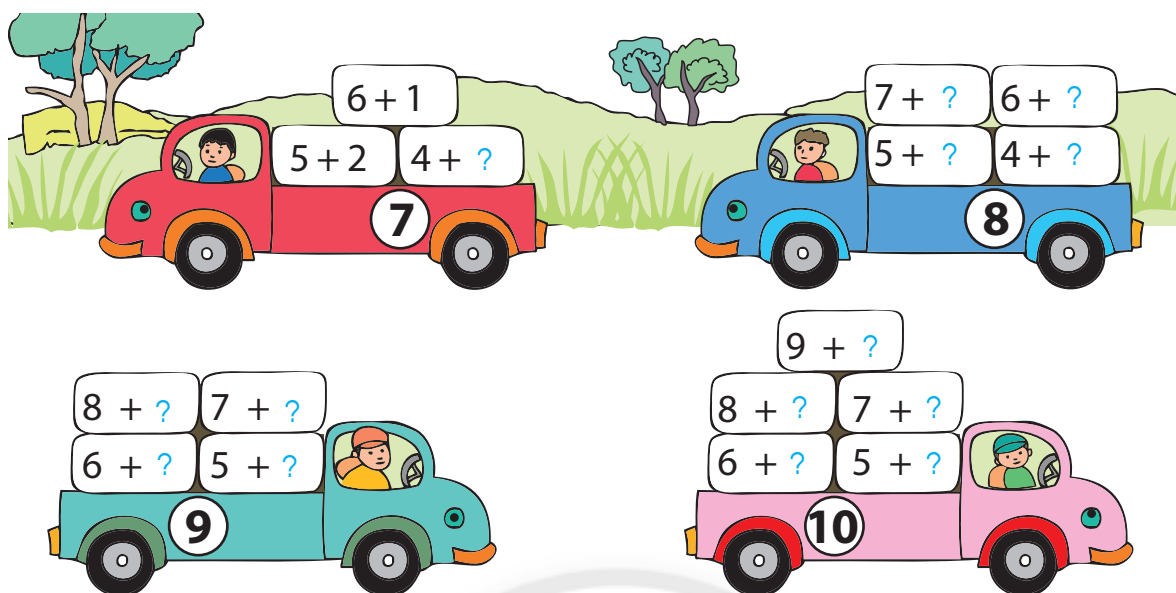
4



?



5 Làm theo mẫu.



6 Tính:

$1 + 8$

$2 + 6$

$3 + 6$

$4 + 4$

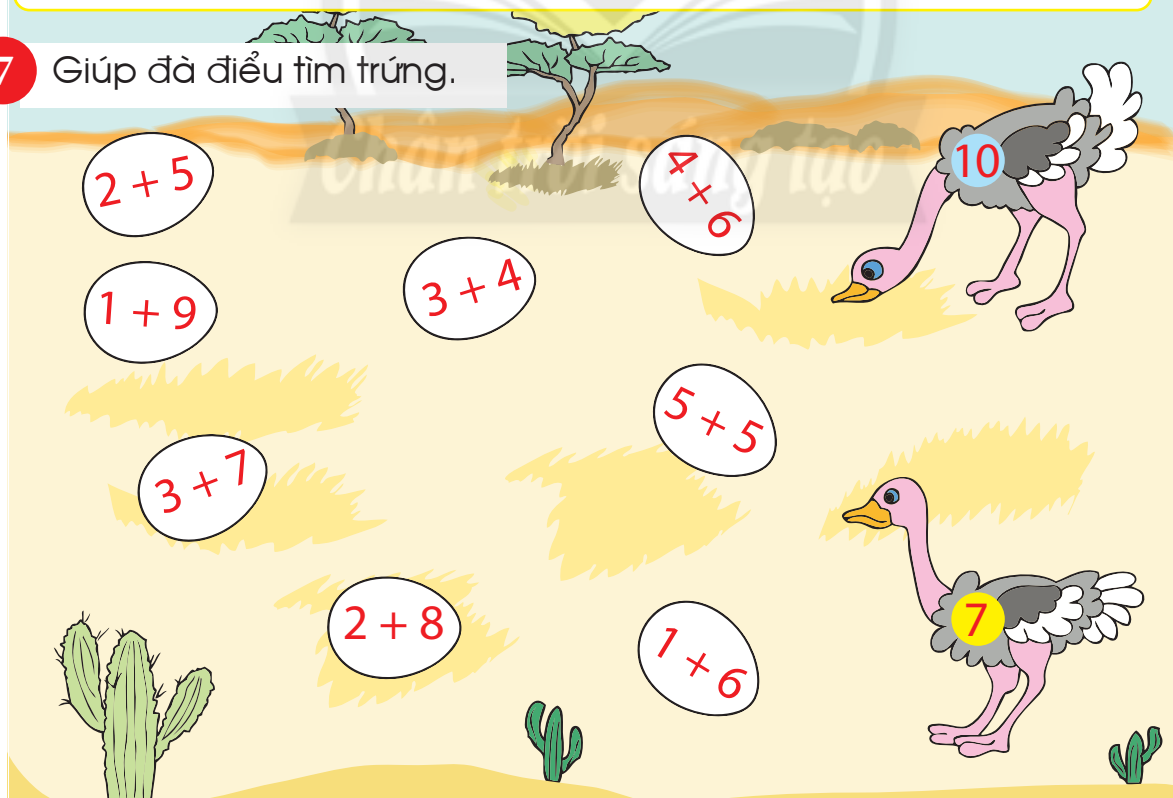
$1 + 7$

$2 + 7$

$3 + 5$

$4 + 5$

7 Giúp đà điều tìm trứng.

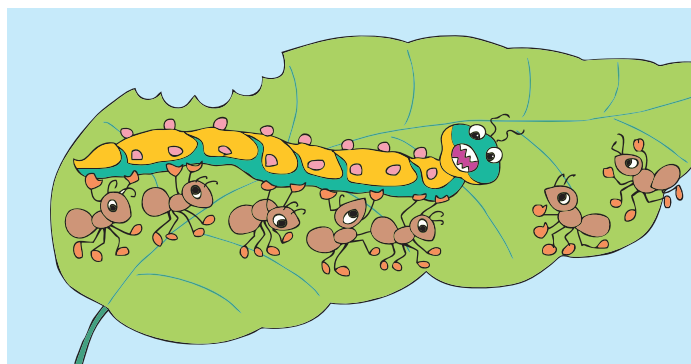


8

Xem tranh và viết hai phép cộng trong phạm vi 10.



Cộng bằng cách đếm thêm



$5 + 2 = ?$

5 6 7

7

Năm, sáu, bảy.

$5 + 2 = 7$

1 Làm theo mẫu.

Mẫu:

Bốn, năm, sáu.

$4 + 2 = 6$

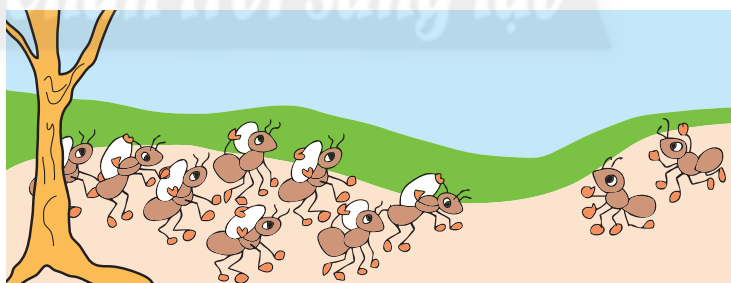
$5 + 2$

$3 + 3$

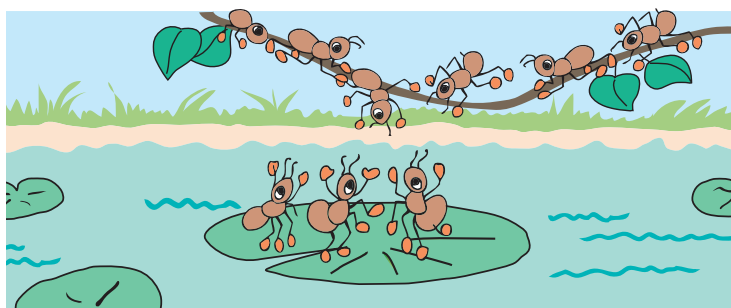
$6 + 4$

2 Tính:

a $8 + 2$



b $6 + 3$



1

Tính:

$3 + 1$

$4 + 3$

$4 + 6$

$3 + 5$

$6 + 3$

$2 + 8$

$1 + 6$

$5 + 4$

$3 + 7$

$3 + 3$

$4 + 1$

$2 + 6$

2

Tính theo mẫu.

Mẫu: $3 + 2 + 1 = ?$ 

Ba cộng hai bằng năm.
Năm cộng một bằng sáu.

$3 + 2 + 1 = 6$

$8 + 1 + 1$

$6 + 1 + 2$

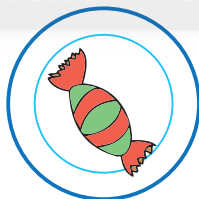
$4 + 3 + 2$

$2 + 6 + 1$

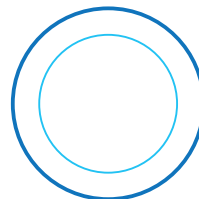
3



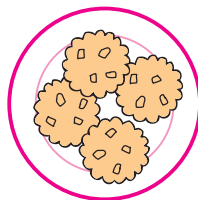
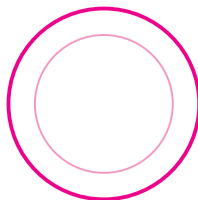
a



$3 + 1 = \boxed{?}$



$3 + 0 = \boxed{?}$



$0 + 4 = \boxed{?}$

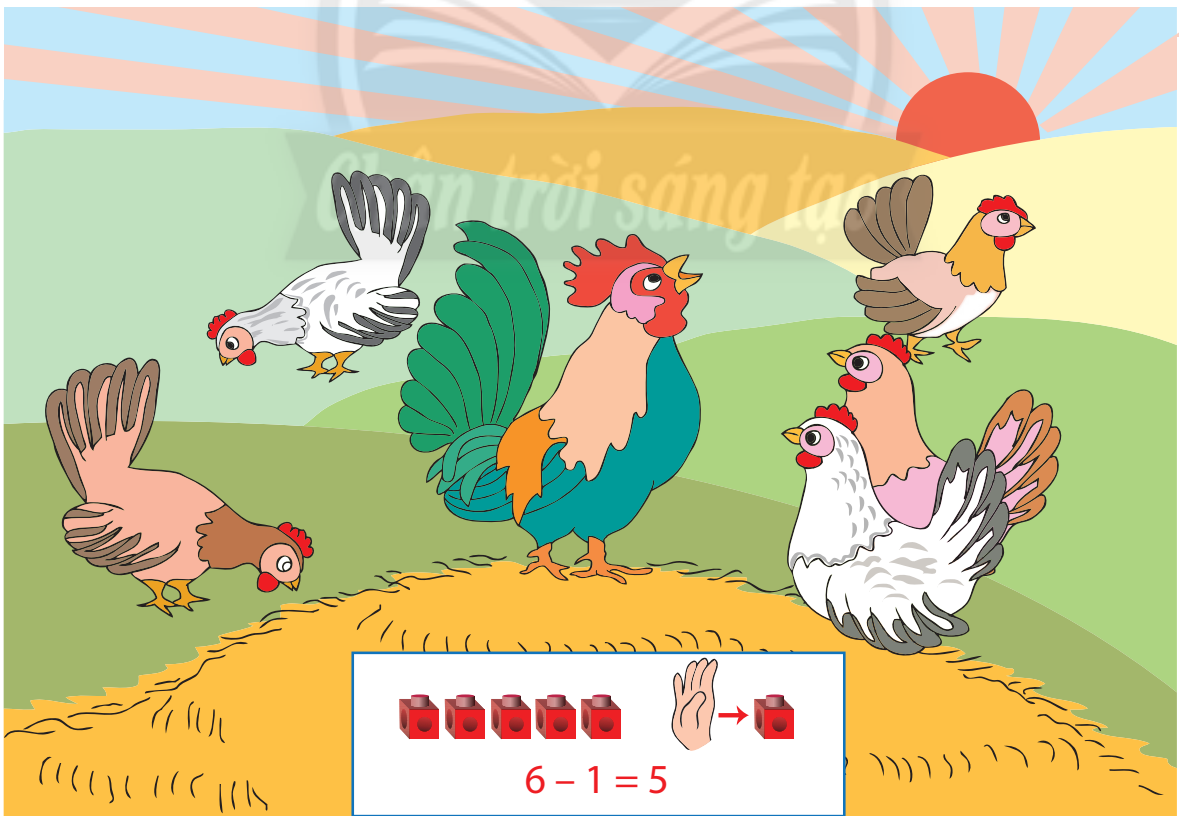
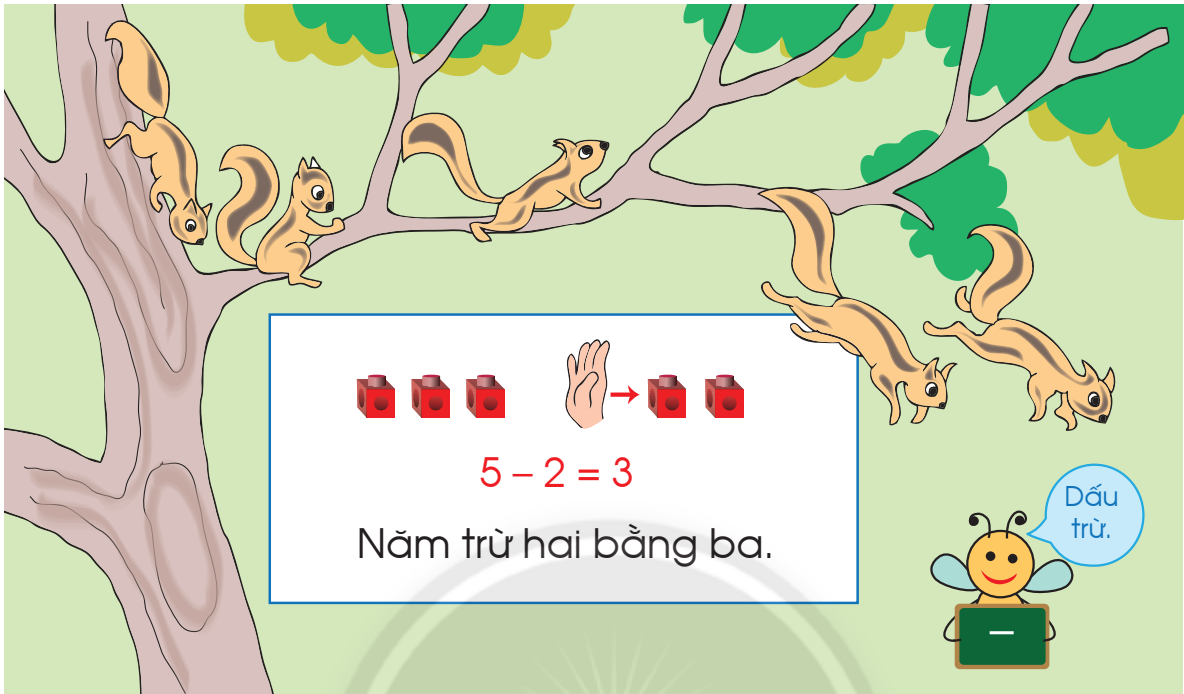
b

$1 + 0 = \boxed{?}$

$0 + 3 = \boxed{?}$

$0 + 0 = \boxed{?}$

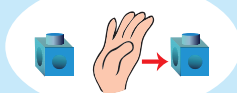
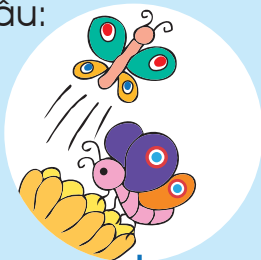
Phép trừ



Xem tranh và làm theo mẫu.

1

Mẫu:

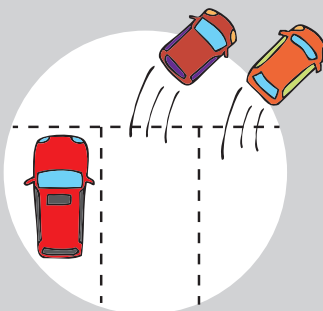


$$2 - 1 = 1$$

a

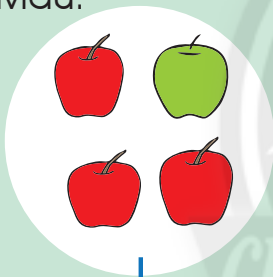


b



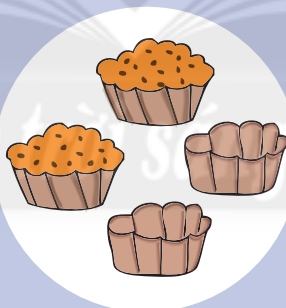
2

Mẫu:

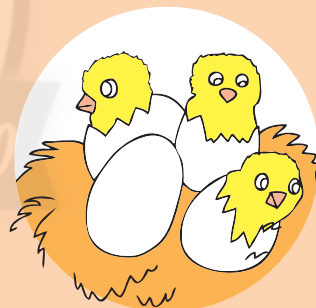


$$4 - 1 = 3$$

a

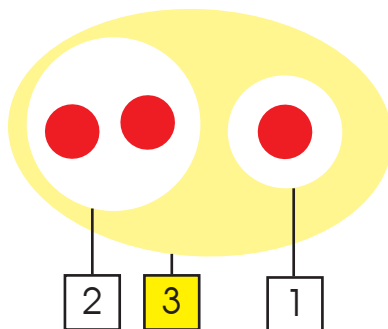


b



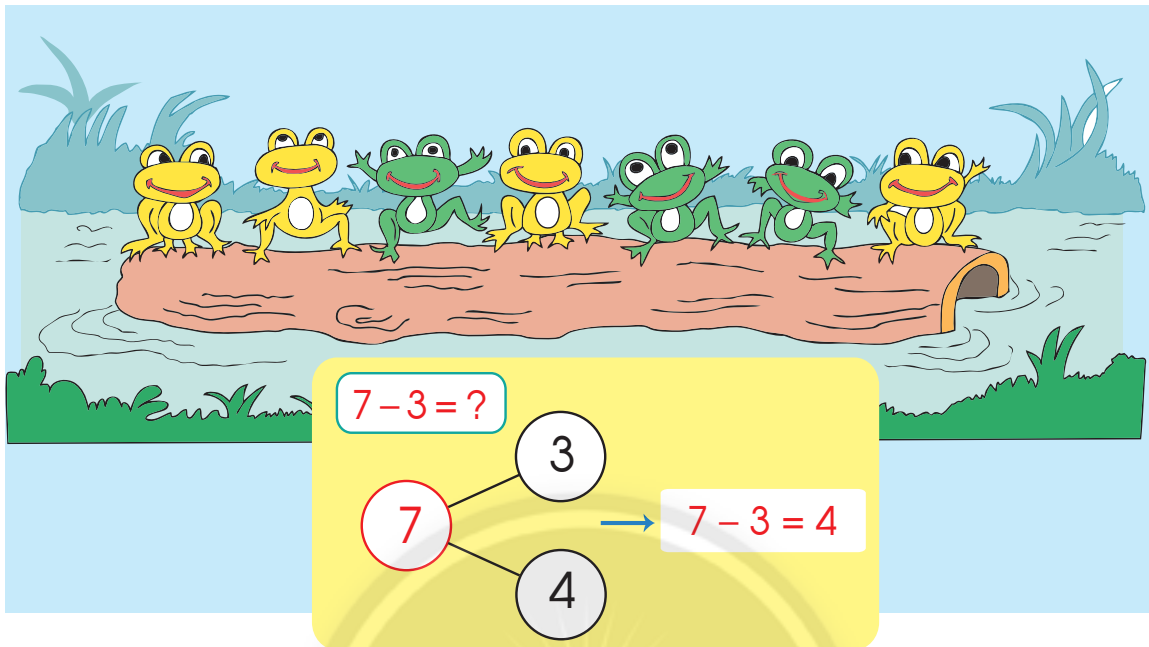
3

$$\begin{aligned} 2 + 1 &= 3 \\ 1 + 2 &= 3 \end{aligned}$$



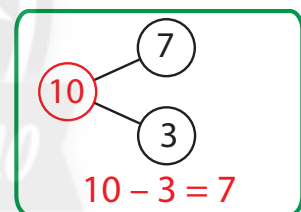
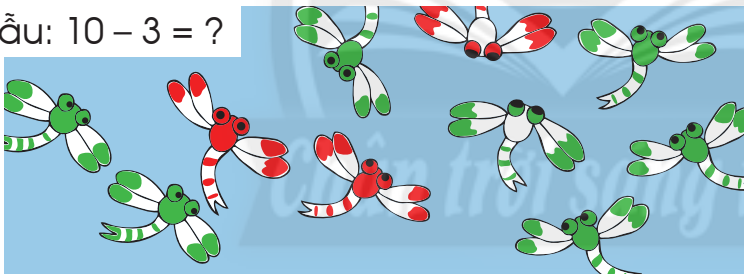
$$\begin{aligned} 3 - 1 &= 2 \\ 3 - 2 &= 1 \end{aligned}$$

Phép trừ trong phạm vi 10



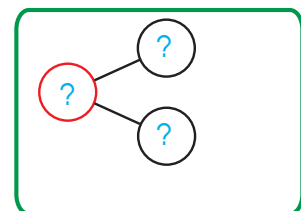
Làm theo mẫu.

Mẫu: 10 - 3 = ?



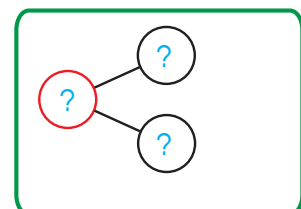
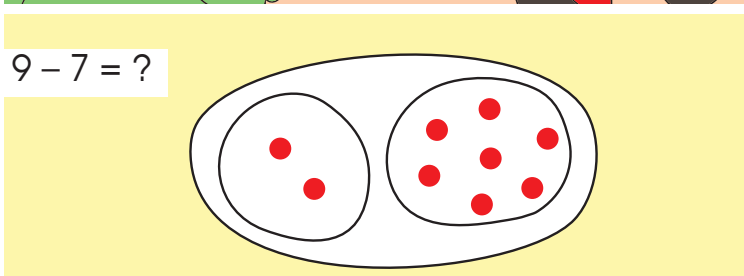
1

8 - 4 = ?



2

9 - 7 = ?



1 Số, phép trừ?

a

5

4
và
?

$5 - 1 = 4$
 $5 - 4 = 1$

3
và
?

$.....?$
 $.....?$

b

6

5
và
?

$.....?$
 $.....?$

4
và
?

$.....?$
 $.....?$

3
và
?

$.....?$

2 Tính:

$$\begin{array}{r} 2 - 1 \\ 3 - 1 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 3 - 2 \\ 4 - 2 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 4 - 1 \\ 4 - 3 \end{array}$$

3 Tính:

$$\begin{array}{r} 5 - 2 \\ 5 - 4 \end{array}$$

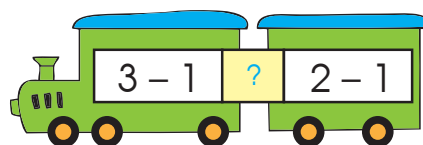
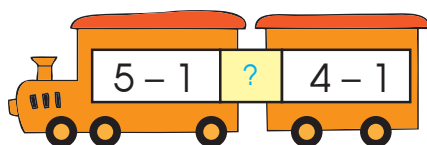
$$\begin{array}{r} 5 - 3 \\ 6 - 3 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 6 - 1 \\ 6 - 5 \end{array}$$

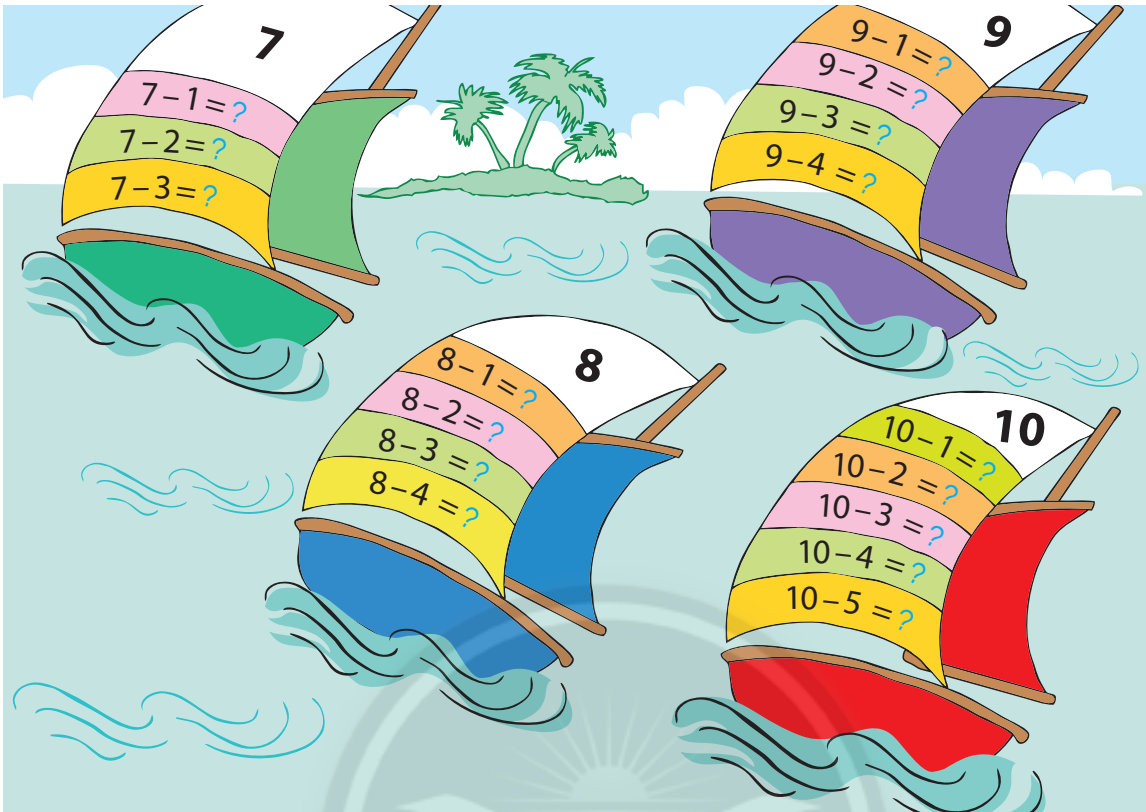
4

>
=
<

?



5 Số?



6 Tính:

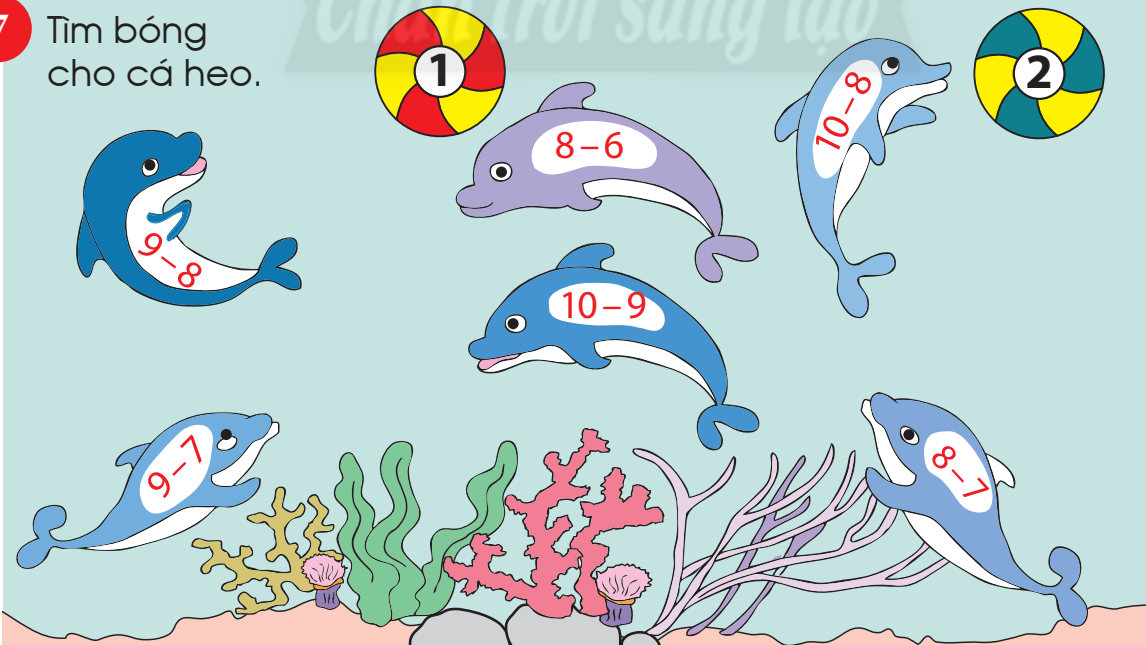
$$\begin{array}{l} 7-4 \\ 9-5 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 10-6 \\ 7-5 \end{array}$$

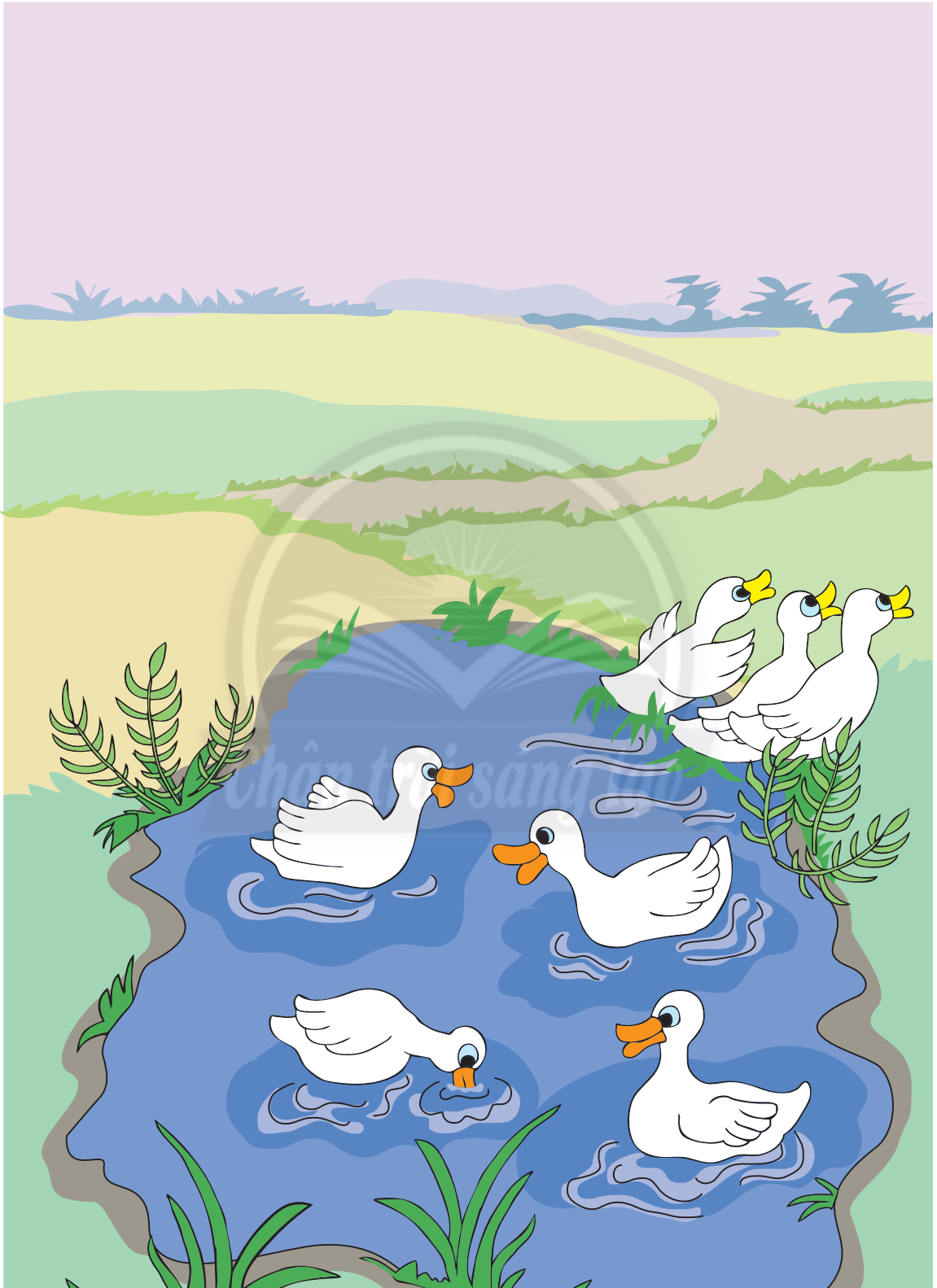
$$\begin{array}{l} 9-6 \\ 10-7 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 7-6 \\ 8-5 \end{array}$$

7 Tìm bóng cho cá heo.



8 Xem tranh và viết hai phép trừ thích hợp.



Trừ bằng cách đếm bớt



Làm theo mẫu.

Mẫu:

7 - 3 = ?

→

7 - 3 = 4

Bảy, sáu, năm, bốn.

8 - 3

7 - 1

9 - 2

7 - 4

1

Tính:

$$\begin{array}{r} 10 - 4 \\ 8 - 3 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 6 - 2 \\ 9 - 1 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 8 - 1 \\ 10 - 2 \end{array}$$

2

Tính theo mẫu.

Mẫu: $6 - 2 + 1 = ?$




Sáu trừ hai bằng bốn.




Bốn cộng một bằng năm.

$$6 - 2 + 1 = 5$$

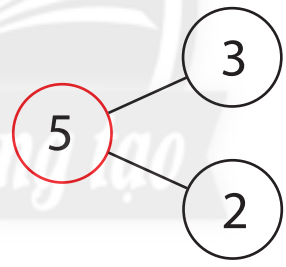
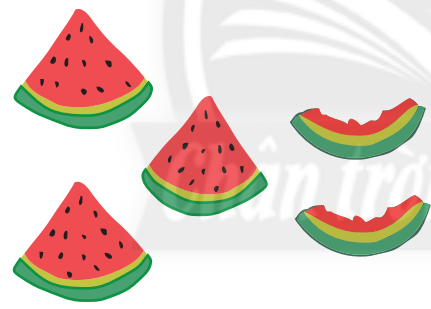
$$\begin{array}{r} 10 - 1 - 4 \\ 6 + 4 - 3 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 7 - 3 + 4 \\ 5 + 3 + 2 \end{array}$$

3

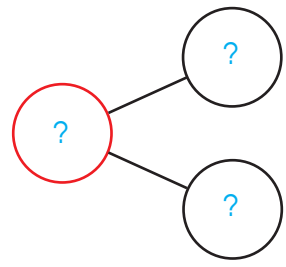
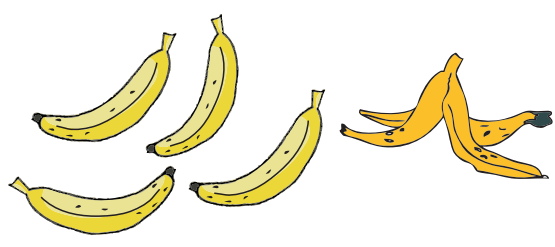


a



$$\begin{array}{l} 3 + 2 = ? \\ 2 + 3 = ? \\ 5 - 2 = ? \\ 5 - 3 = ? \end{array}$$

b



$$\begin{array}{l} 4 + 1 = ? \\ ? + ? = ? \\ ? - ? = ? \\ ? - ? = ? \end{array}$$



- Em có biết $3 + 4$ và $4 + 3$ đều có kết quả như nhau không?
- Có 3 cái kẹo đỏ và 4 cái kẹo xanh, tất cả có 7 cái kẹo.
 - Có 4 cái kẹo xanh và 3 cái kẹo đỏ, tất cả có 7 cái kẹo.

Em làm được những gì?

1 Bảng cộng – bảng trừ trong phạm vi 10.

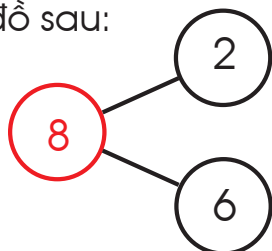
a) Đọc bảng cộng theo hàng, theo cột, theo màu.

1 + 1	2 + 1	3 + 1	4 + 1	5 + 1	6 + 1	7 + 1	8 + 1	9 + 1
1 + 2	2 + 2	3 + 2	4 + 2	5 + 2	6 + 2	7 + 2	8 + 2	
1 + 3	2 + 3	3 + 3	4 + 3	5 + 3	6 + 3	7 + 3		
1 + 4	2 + 4	3 + 4	4 + 4	5 + 4	6 + 4			
1 + 5	2 + 5	3 + 5	4 + 5	5 + 5				
1 + 6	2 + 6	3 + 6	4 + 6					
1 + 7	2 + 7	3 + 7						
1 + 8	2 + 8							
1 + 9								

b) Đọc bảng trừ theo hàng, theo cột.

2 - 1	3 - 1	4 - 1	5 - 1	6 - 1	7 - 1	8 - 1	9 - 1	10 - 1
	3 - 2	4 - 2	5 - 2	6 - 2	7 - 2	8 - 2	9 - 2	10 - 2
		4 - 3	5 - 3	6 - 3	7 - 3	8 - 3	9 - 3	10 - 3
			5 - 4	6 - 4	7 - 4	8 - 4	9 - 4	10 - 4
				6 - 5	7 - 5	8 - 5	9 - 5	10 - 5
					7 - 6	8 - 6	9 - 6	10 - 6
						8 - 7	9 - 7	10 - 7
							9 - 8	10 - 8
								10 - 9

c) Đọc 4 phép tính từ sơ đồ sau:



2

Tính nhẩm.

$5 + 3$

$8 - 5$

$7 + 1$

$1 + 8$

$10 - 6$

$10 - 8$

$3 + 4$

$9 - 8$

$8 - 7$

3



$6 - 5 = \boxed{?}$

$6 + \boxed{?} = 8$

$6 + \boxed{?} = 10$

$5 + \boxed{?} = 6$

$8 - 6 = \boxed{?}$

$10 - 6 = \boxed{?}$

Trừ bằng cách **đếm thêm**.

$10 - 7 = ?$

$8 - 6 = ?$



$10 - 7 = 3$

$8 - 6 = 2$

Tính:

$9 - 6$

$5 - 3$

$7 - 5$

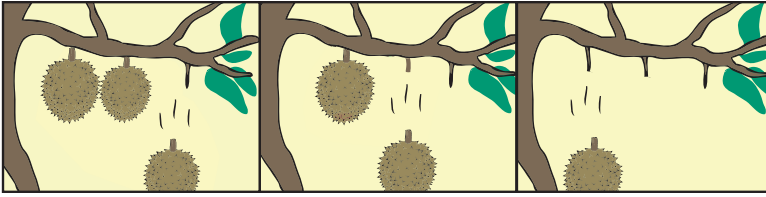
$8 - 7$

$10 - 9$

$6 - 2$

4 Tính:

a

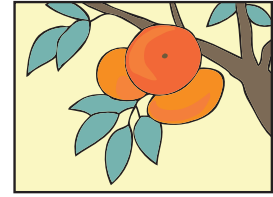


$$3 - 1$$

$$2 - 1$$

$$1 - 1$$

$$3 - 3$$



$$3 - 0$$

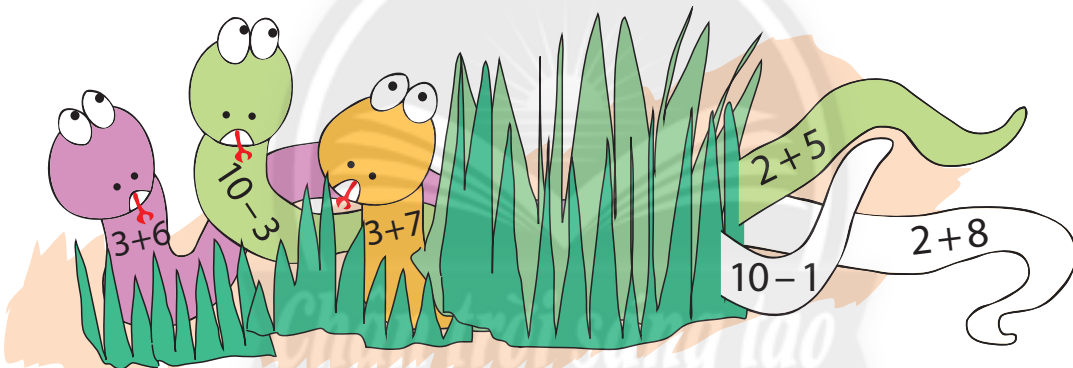
b $4 + 0$

$4 - 0$

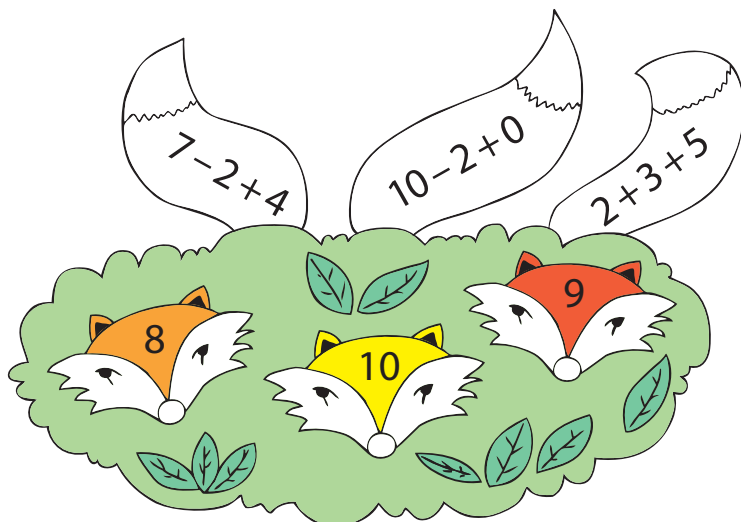
$0 + 4$

$4 - 4$

5 Làm sao để tìm đuôi cho rắn?

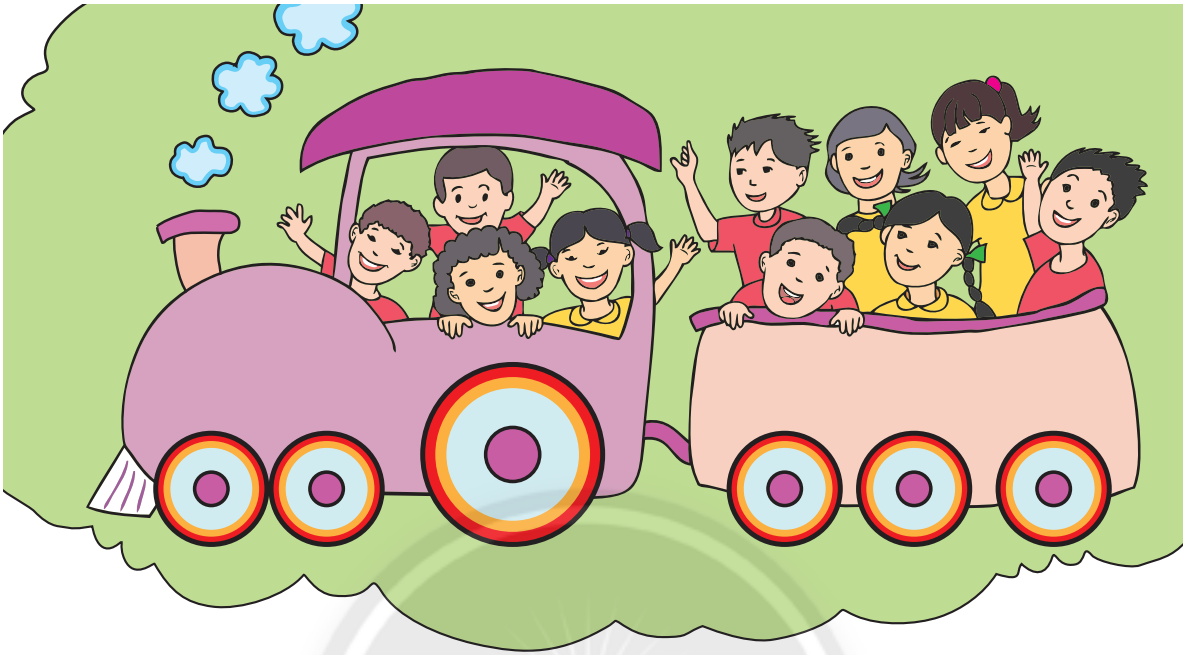


6 Tìm đuôi cho cáo.



7

Xem tranh và viết một phép cộng thích hợp.

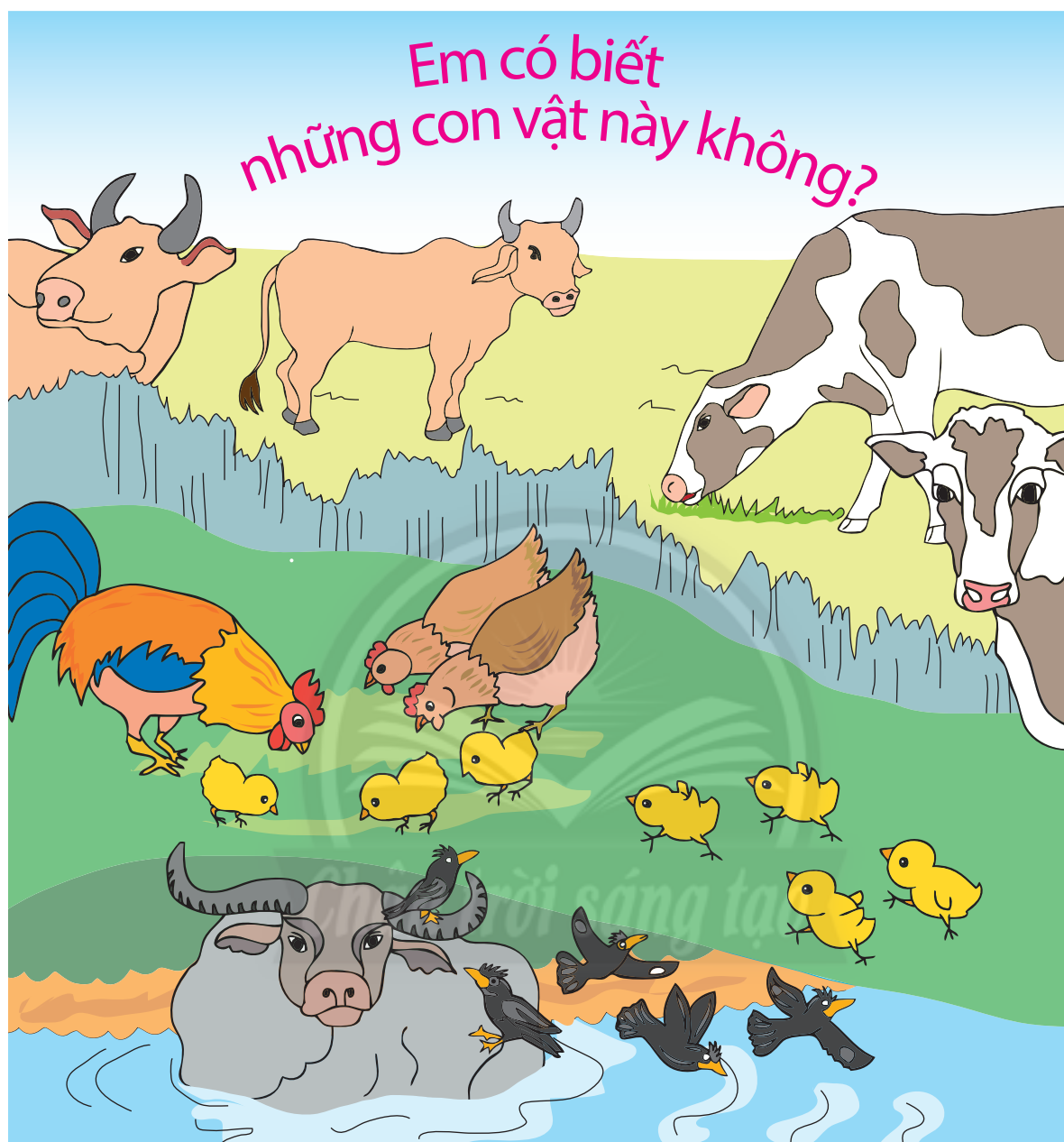


8

Có 10 bạn chơi trốn tìm. Trong tranh vẽ thiếu mấy bạn?
Em hãy viết một phép tính thích hợp.



Ôn tập học kì 1



1

Số con trâu	Số con bò	Số con gà	Số con chim sáo
1	?	?	?

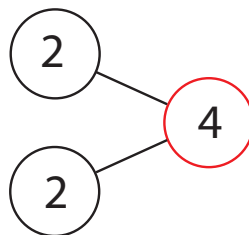
2 Nói theo tranh.

Số

Phép tính

a) Có 2 con bò vàng
và ? con bò sữa.
Có tất cả ? con bò.

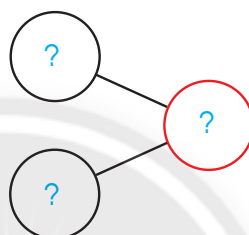
Có tất cả ? con bò,
trong đó có ? con bò vàng,
còn lại ? con bò sữa.



$$2 + 2 = ?$$

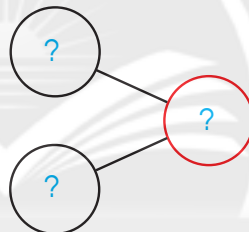
$$4 - ? = ?$$

b) Có 6 con gà đang ăn,
thêm ? con gà chạy tới.
Có tất cả ? con gà.



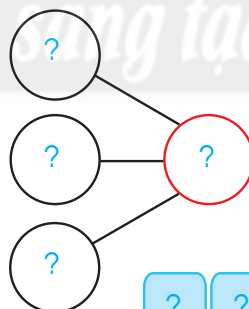
$$6 + ? = ?$$

c) Có 5 con chim sáo,
? con bay đi,
còn lại ? con.



$$5 - ? = ?$$

d) Có ? con trâu,
? con bò vàng
và ? con bò sữa.
Có tất cả ? con trâu
và bò.



$$7 + ? = ?$$

3



$$5 + 4 = ?$$

$$4 + 5 = ?$$

$$9 - ? = 5$$

$$9 - ? = 4$$

$$7 + 0 = ?$$

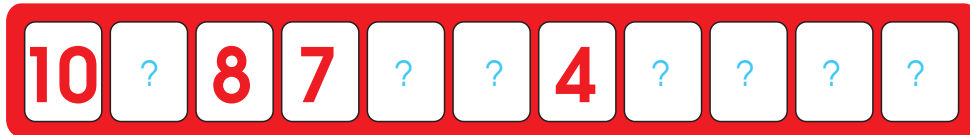
$$0 + 7 = ?$$

$$7 - ? = 0$$

$$7 - ? = 7$$

4

a



b) Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn:



c



d



Làm theo mẫu.

Mẫu:



Trò chơi: THÊM – BỚT

Ví dụ: Giáo viên: Thêm – bớt! Thêm – bớt!

Học sinh: Thêm mấy? Bớt mấy?

Giáo viên: 7 thêm 3 rồi bớt 2.

Học sinh viết ra bảng con: $7 + 3 - 2 = 8$.

5 Chọn một hình rồi xếp.



Gia đình gà



Thực hành và trải nghiệm

Em đi bộ theo luật giao thông

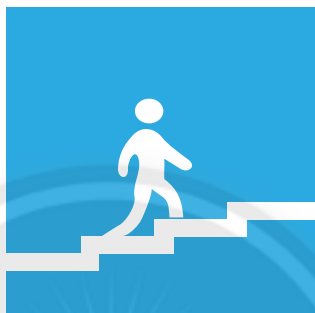


- 1** Quan sát các bạn đi trên lễ đường ở bức tranh.
- a) Tính từ phải sang trái, bạn thứ năm mặc áo màu gì?
 - b) Bạn mặc áo đỏ ở vị trí nào trong hàng?

- 2** Thảo luận về các biển báo giao thông dưới đây.
- a) Hình dạng, màu sắc mỗi biển báo.
 - b) Ý nghĩa của mỗi biển báo.



Giao nhau với đường sắt không có rào chắn

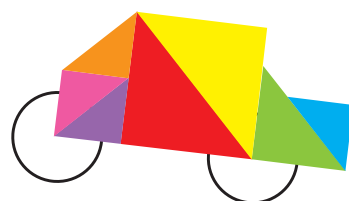
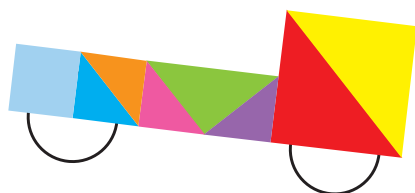
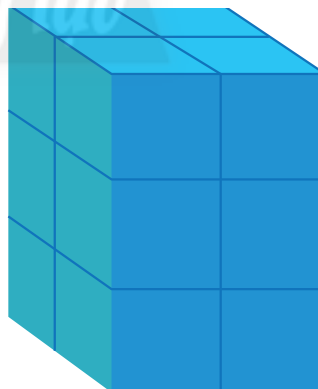
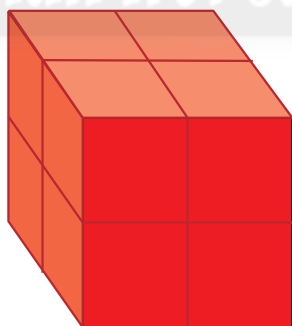


Cầu vượt qua đường cho người đi bộ



Cấm đi xe đạp

- 3** Xếp thành khối lập phương, khối hộp chữ nhật và xếp xe.





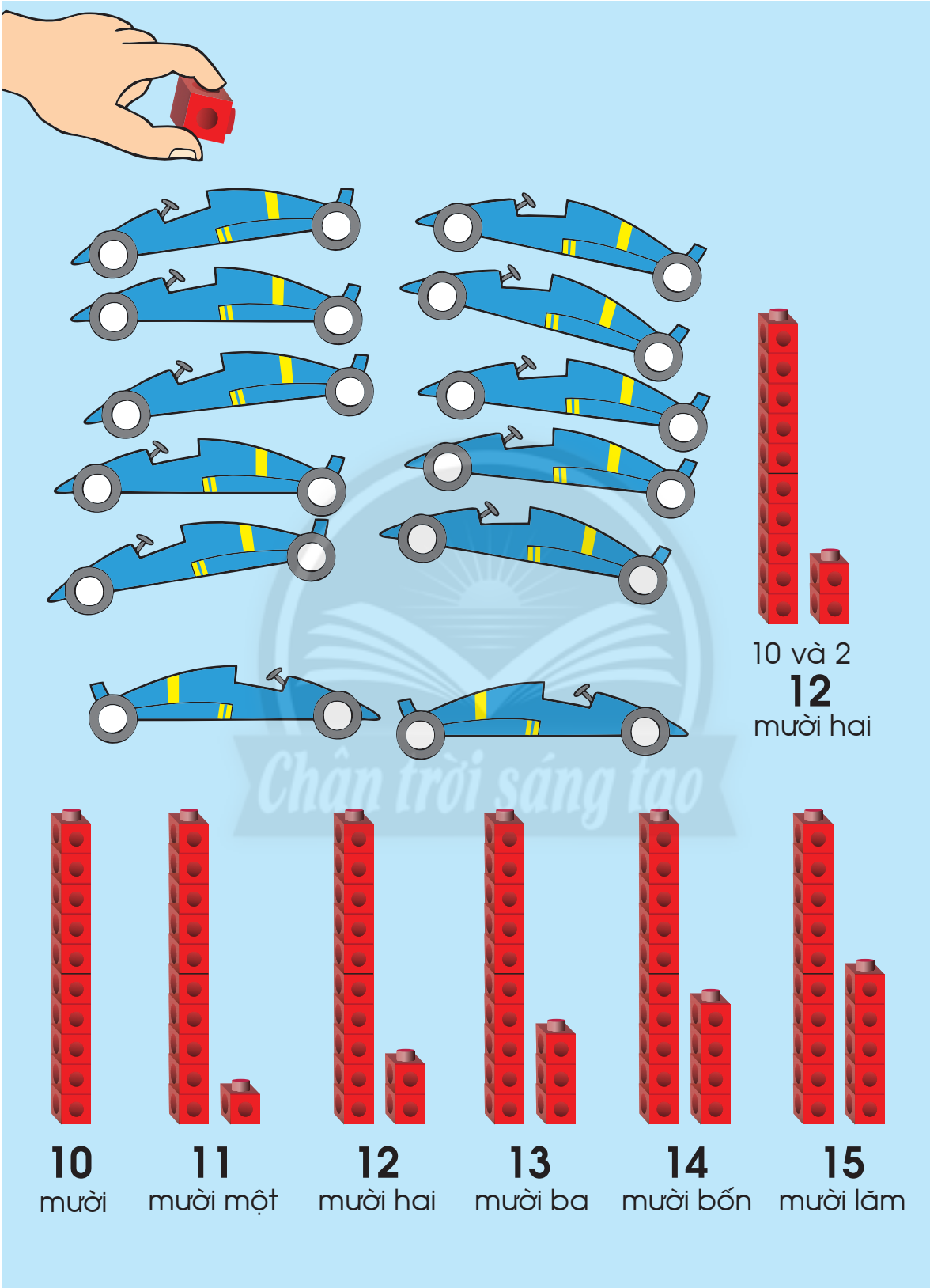
Xem tranh, viết một phép cộng và một phép trừ trong phạm vi 10.

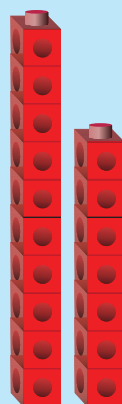
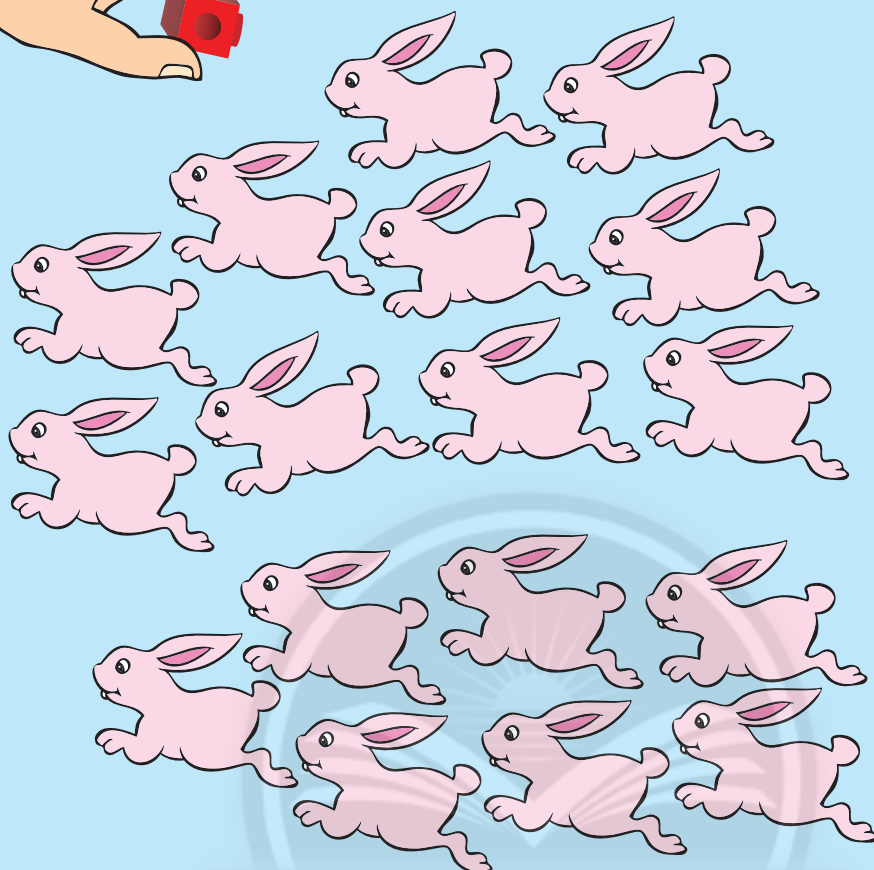
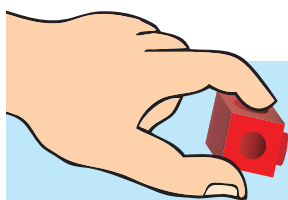


4. Các số đến 20

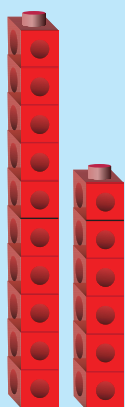


Các số đến 20

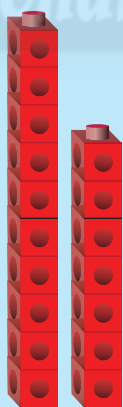




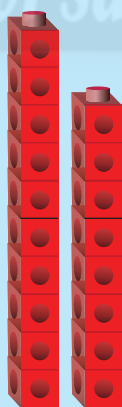
10 và 7
17
mười bảy



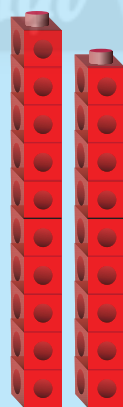
16
mười sáu



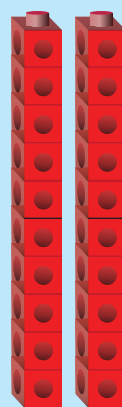
17
mười bảy



18
mười tám



19
mười chín



20
hai mươi

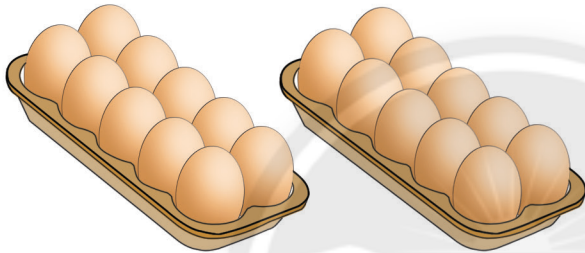
Chân trời sáng tạo

1 Số?

a



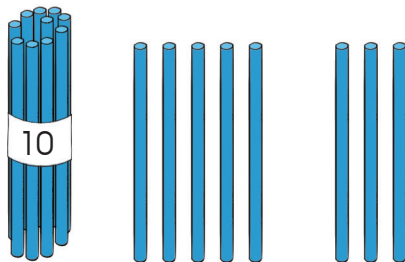
b



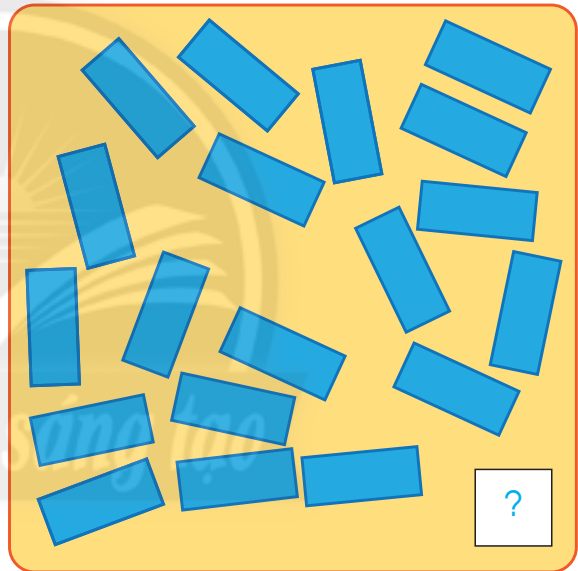
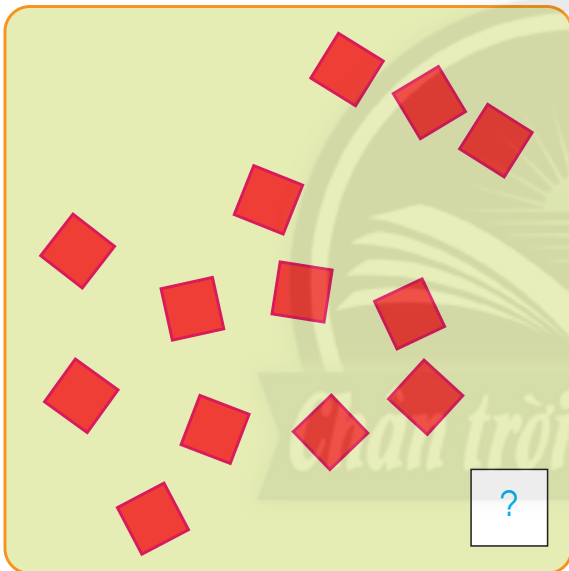
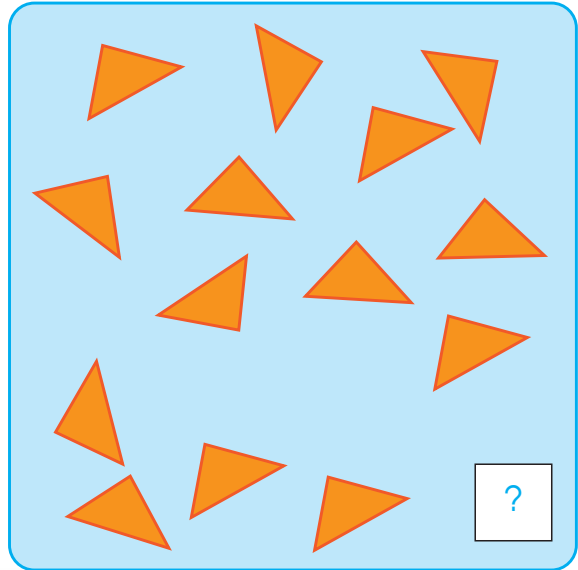
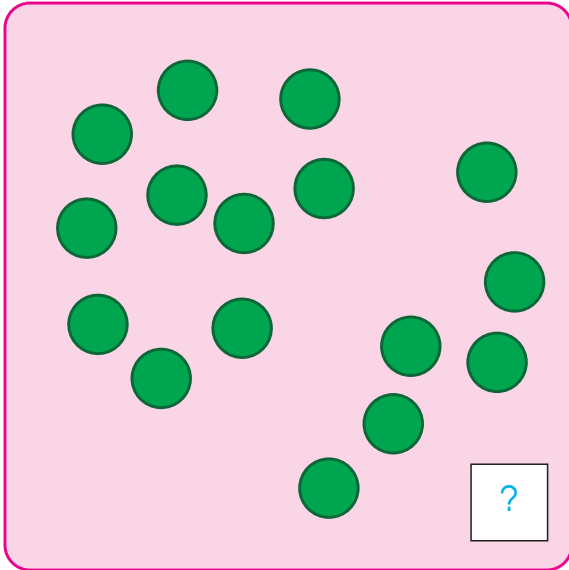
c



d



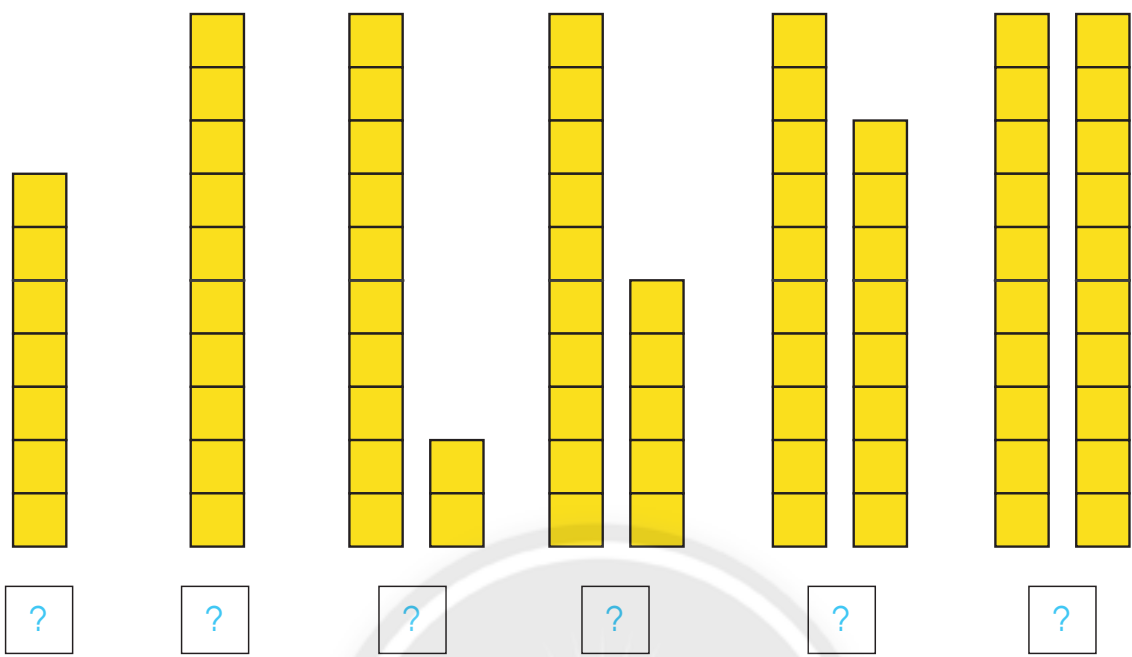
2 Số?



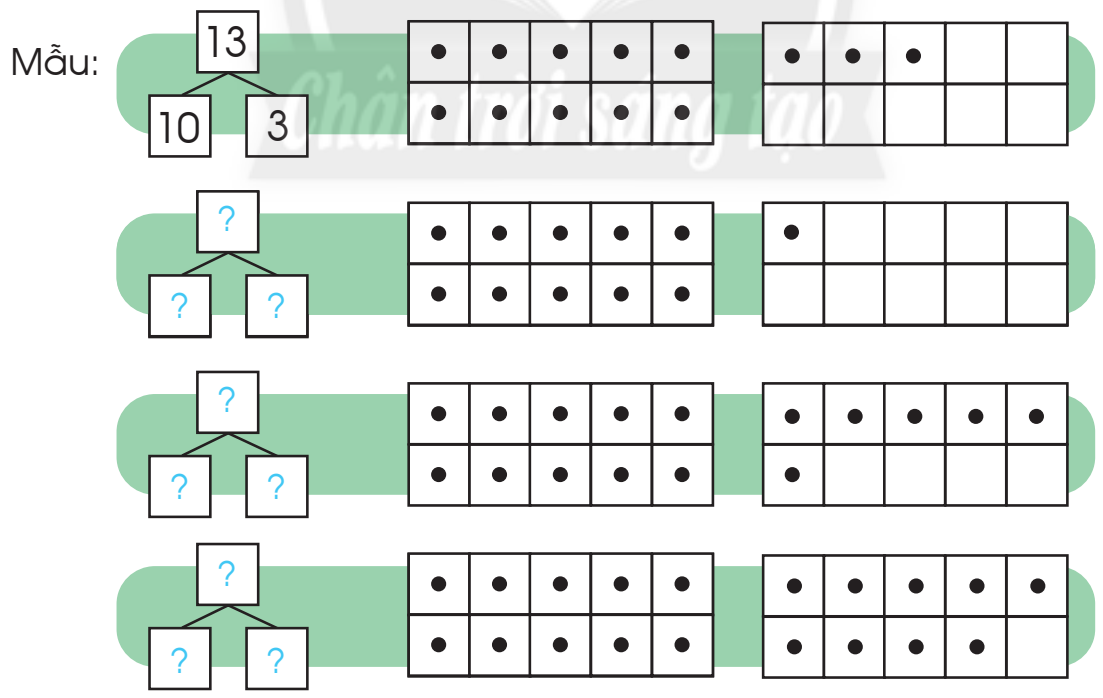
Đền Hùng
(tỉnh Phú Thọ) -
Nơi thờ 18 vị Vua Hùng.



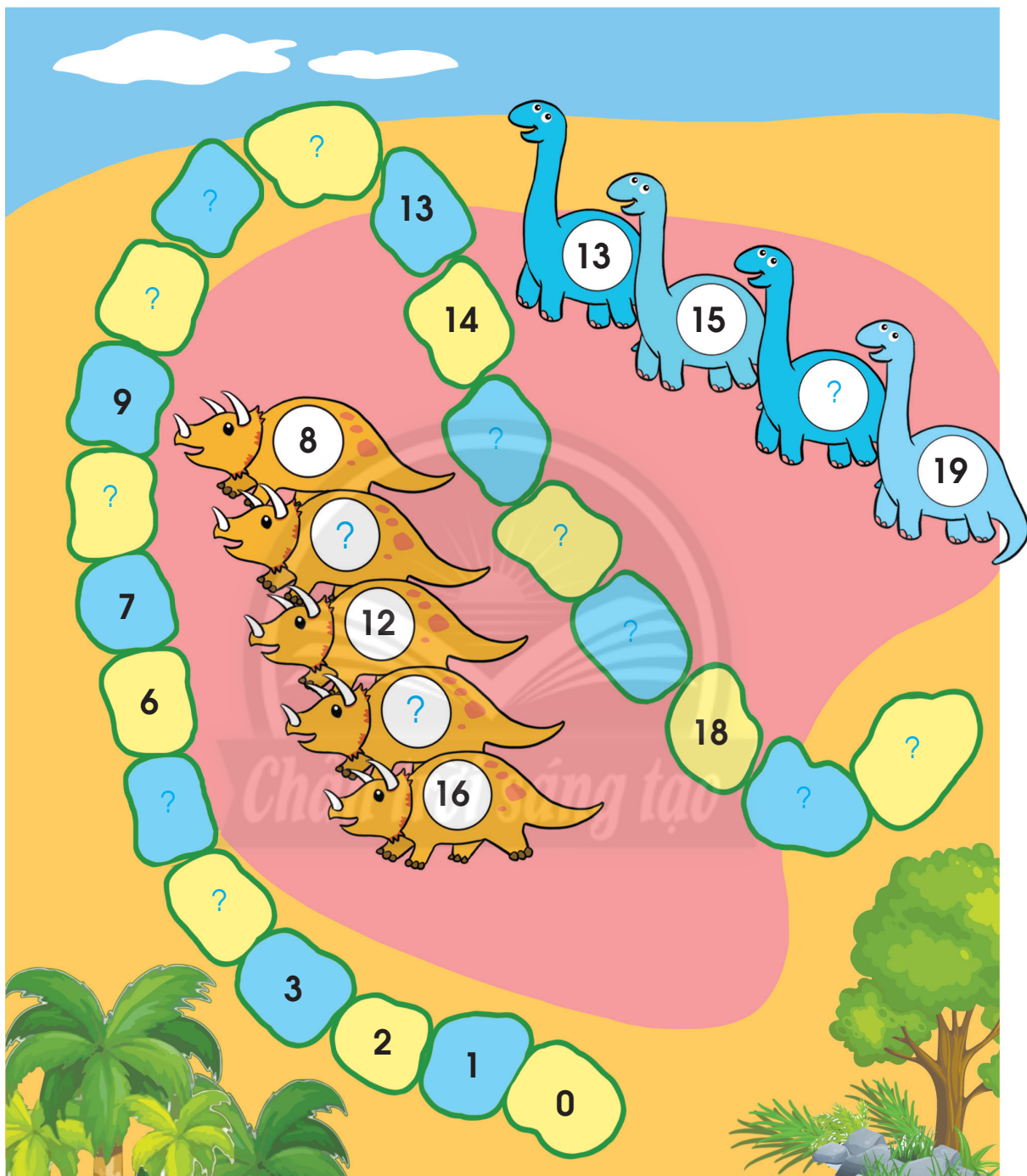
3 SỐ?



4 SỐ?



5 SỐ?

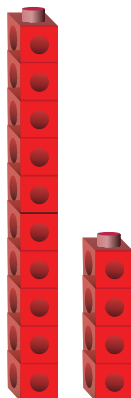


Em tập đếm:
 • từ 1 đến 20.
 • từ 20 về 1.

Các phép tính dạng $10 + 4$, $14 - 4$

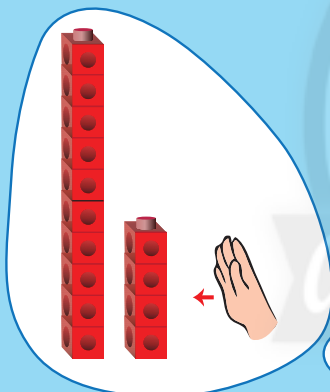
Dùng  thể hiện số:

14



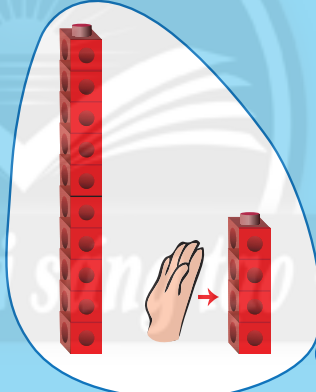
14 gồm 10 và 4

$$10 + 4 = ?$$

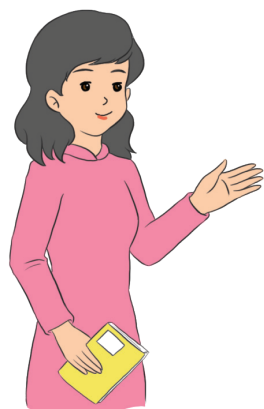


$$10 + 4 = 14$$

$$14 - 4 = ?$$



$$14 - 4 = 10$$



$$10 + 7 = ?$$

$$17 - 7 = ?$$

$$10 + 5 = ?$$

$$15 - 5 = ?$$

1 Tính:

$$\begin{array}{r} 10 + 8 \\ 18 - 8 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 10 + 9 \\ 16 - 6 \end{array}$$

2 Viết các phép tính theo mẫu.

Mẫu:



10	+	3	=	13
----	---	---	---	----

13	-	3	=	10
----	---	---	---	----

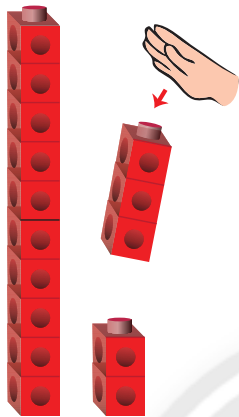


?	?	?	?	?
---	---	---	---	---

?	?	?	?	?
---	---	---	---	---

Các phép tính dạng $12 + 3, 15 - 3$

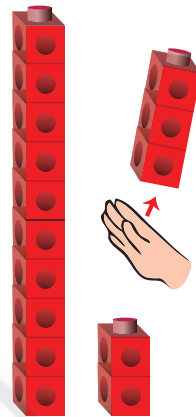
$$12 + 3 = ?$$



2 cộng 3 bằng 5.
10 cộng 5 bằng 15.
Vậy 12 cộng 3 bằng 15.

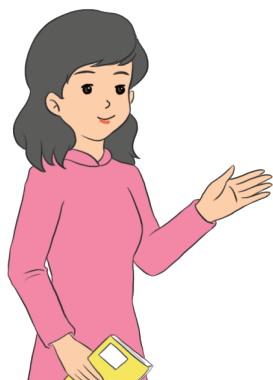
$$12 + 3 = 15$$

$$15 - 3 = ?$$



5 trừ 3 bằng 2.
10 cộng 2 bằng 12.
Vậy 15 trừ 3 bằng 12.

$$15 - 3 = 12$$



$$13 + 4 = ?$$

$$17 - 4 = ?$$

$$11 + 5 = ?$$

$$16 - 5 = ?$$

1

Tính:

$$\begin{array}{l} 12 + 5 \\ 17 - 5 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 13 + 6 \\ 18 - 4 \end{array}$$

2

a Cộng bằng cách **đếm thêm**.

b Trừ bằng cách **đếm bớt**.

Mẫu: $14 + 3 = ?$



$14 + 3 = 17$

Mẫu: $17 - 3 = ?$



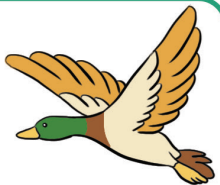
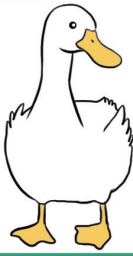
$17 - 3 = 14$

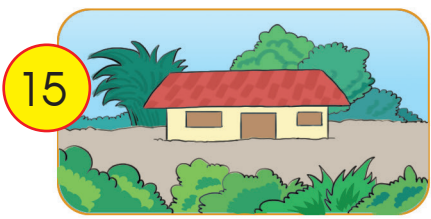
$15 + 3$

$19 - 3$

3

Tính để biết mỗi con vật sống ở đâu.

 $18 - 6$	 $17 - 2$	 $10 + 2$
 $10 + 5$	 $12 + 0$	 $18 - 3$



Chiếc đồng hồ của em



Đồng hồ chỉ 7 giờ.

1 Mỗi đồng hồ chỉ **mấy** giờ?



2 Xoay kim đồng hồ.

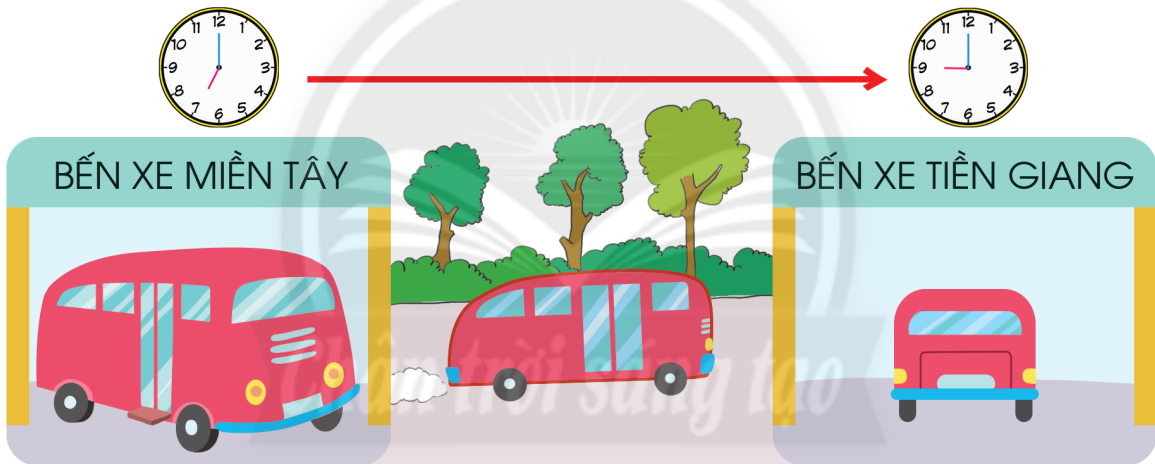
9 giờ

2 giờ

12 giờ



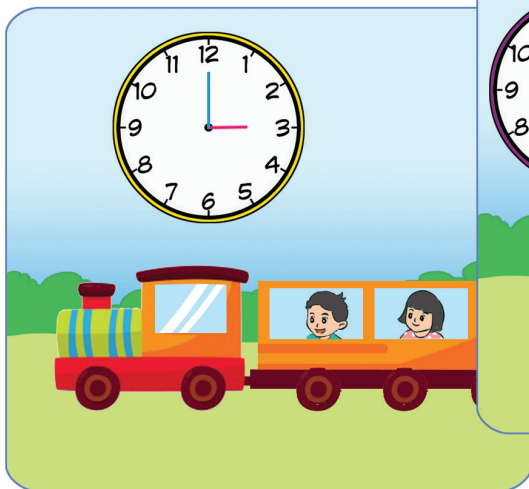
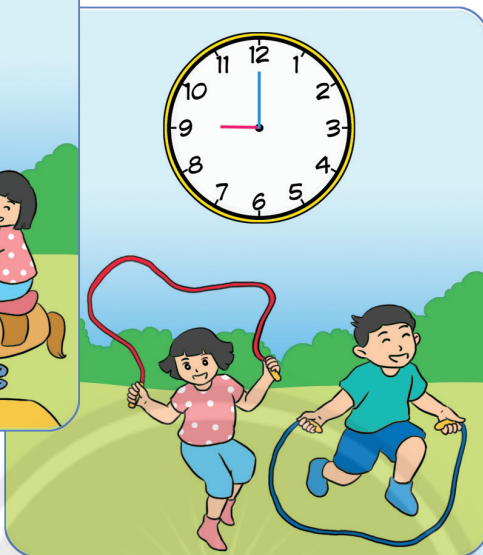
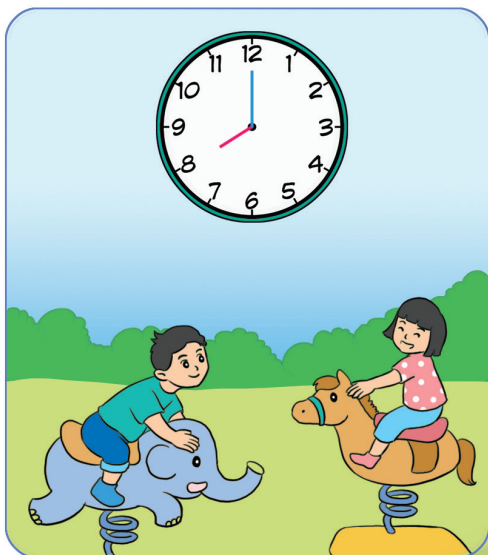
3 Nói theo tranh.



Chủ nhật, em giúp mẹ làm việc nhà.



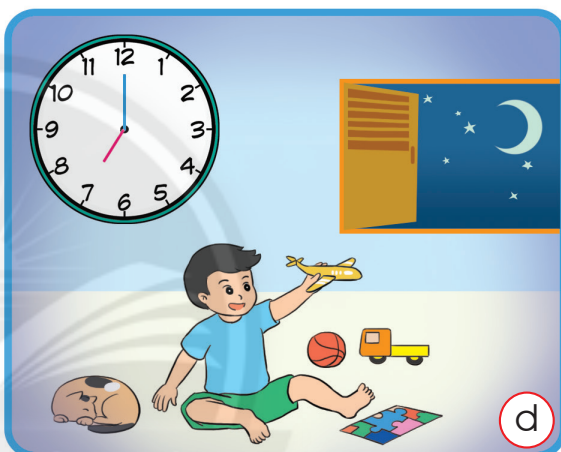
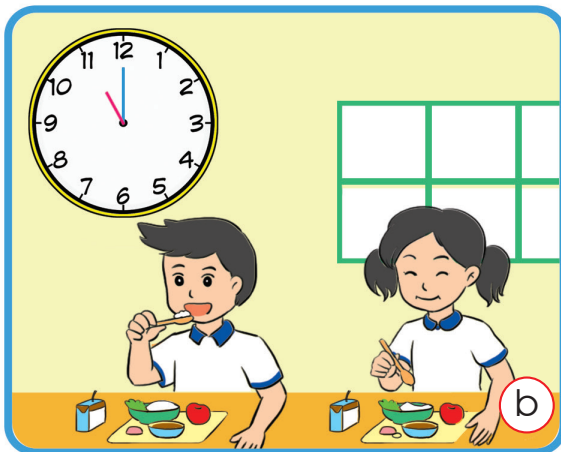
1 Mỗi đồng hồ chỉ mấy giờ?



2

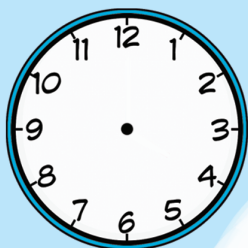
Nói theo mẫu.

Mẫu: Lúc 8 giờ, em học trong lớp.



Xoay kim giờ, kim phút thích hợp.

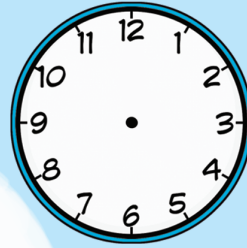
Mẹ bắt đầu làm bếp.



5 giờ



Mẹ nấu ăn xong.



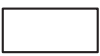
6 giờ



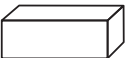
Em làm được những gì?

1 Có bao nhiêu?

...? 

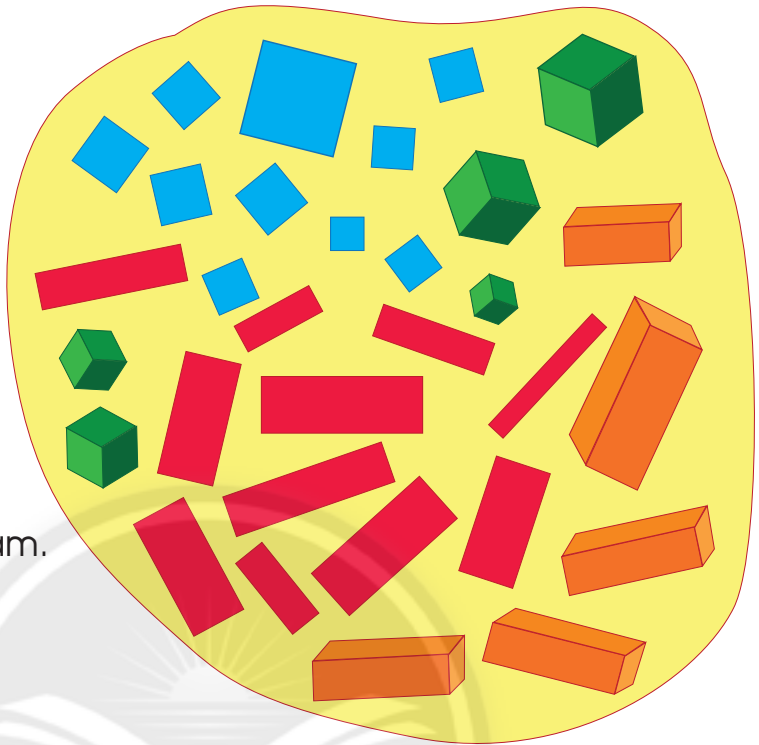
...? 

...? 

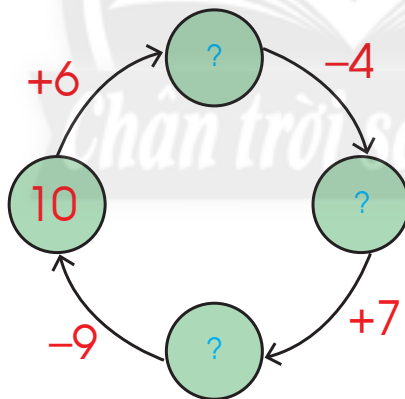
...? 

...? hình màu xanh.

...? hình màu đỏ và cam.



2 Số?



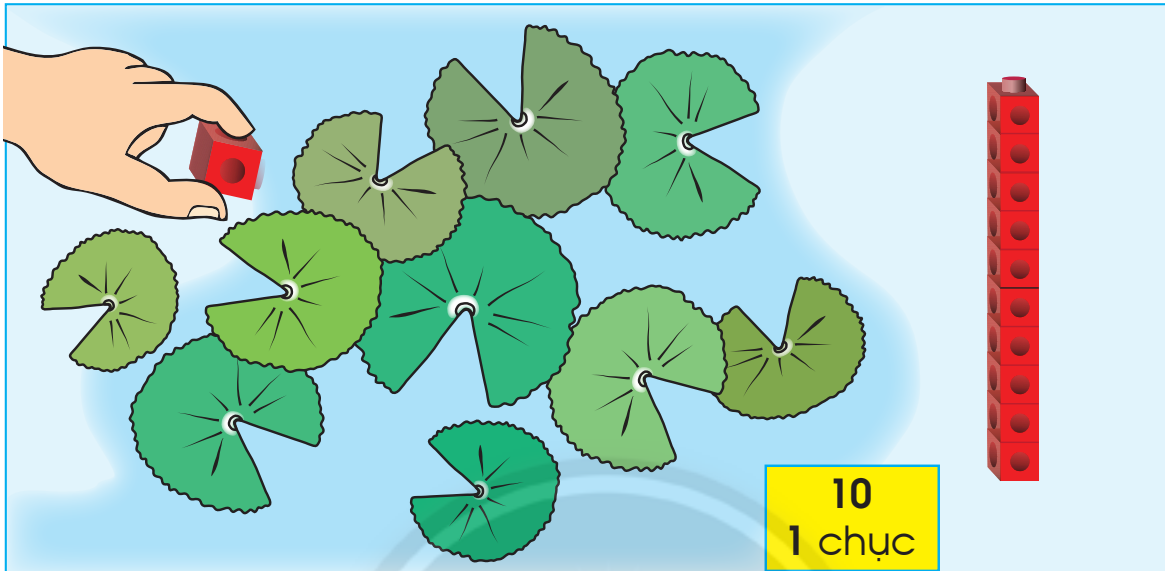
3 Sắp xếp các số 10, 16, 12, 19 theo thứ tự từ bé đến lớn.



5. Các số đến 100



Chục – Số tròn chục



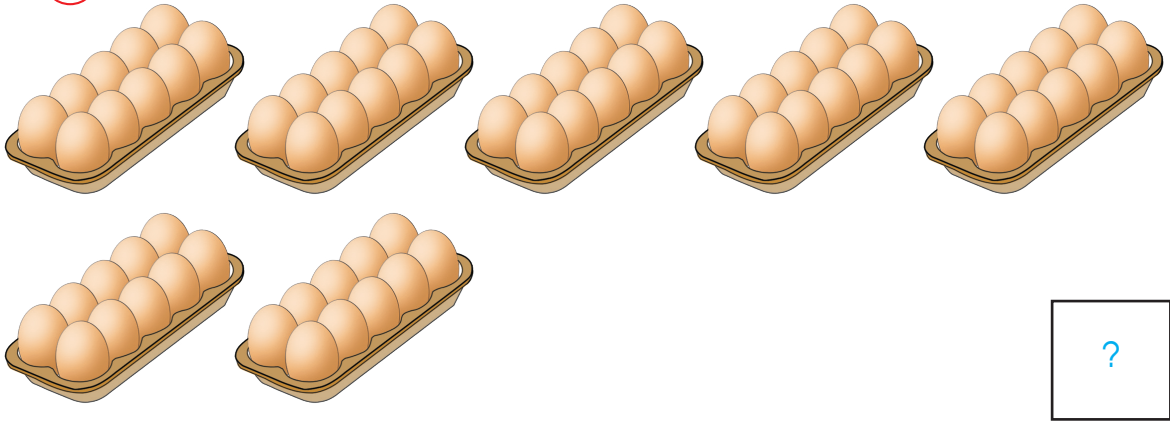
1 chục 10 mười	 một chục hai chục mười, hai mươi					
2 chục 20 hai mươi	 một chục hai chục ... mười chục mười, hai mươi, ..., một trăm					
3 chục 30 ba mươi	5 chục 50 năm mươi	6 chục 60 sáu mươi	7 chục 70 bảy mươi	8 chục 80 tám mươi	9 chục 90 chín mươi	10 chục 100 một trăm

1 SỐ?

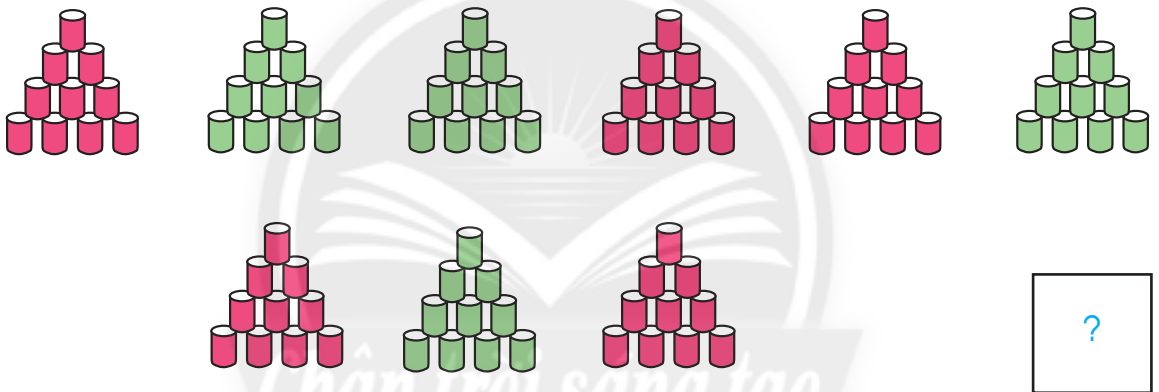
Đếm sao cho nhanh?



a



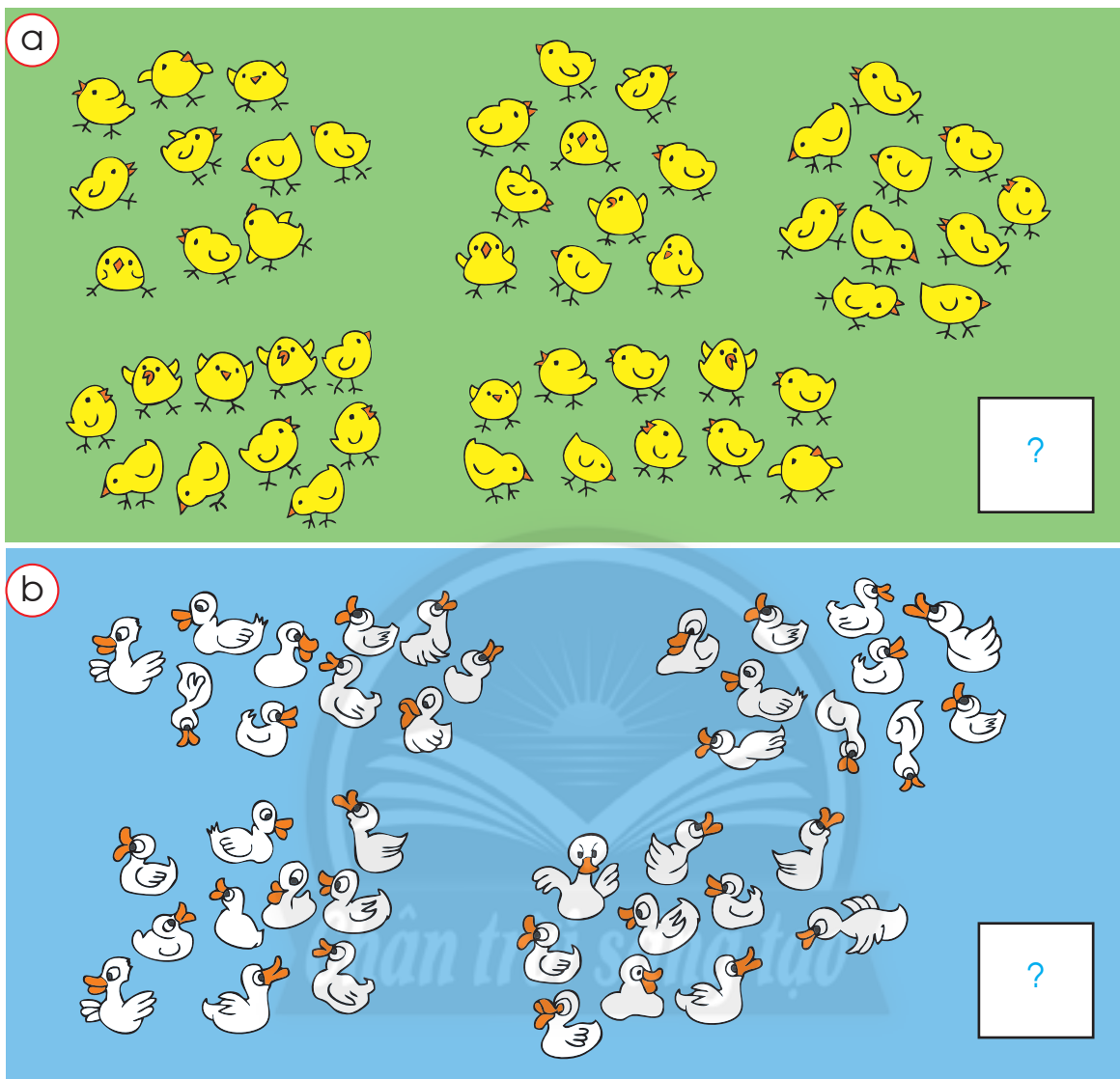
b



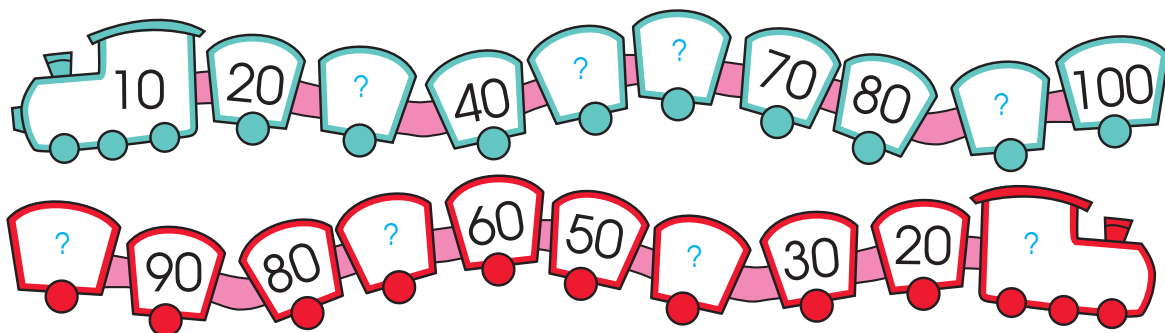
c



2 Số?



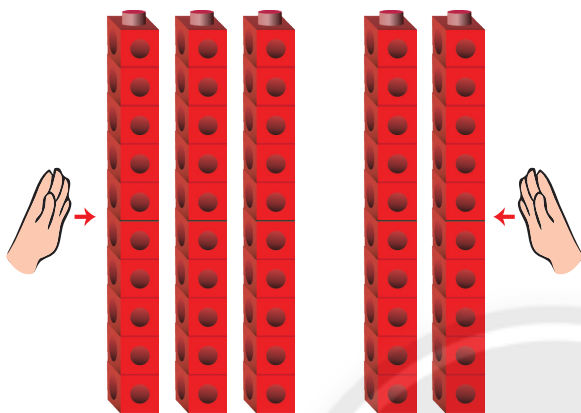
3 Số tròn chục?



Các phép tính dạng $30 + 20$, $50 - 20$

Dùng  thể hiện các số 30 và 20.

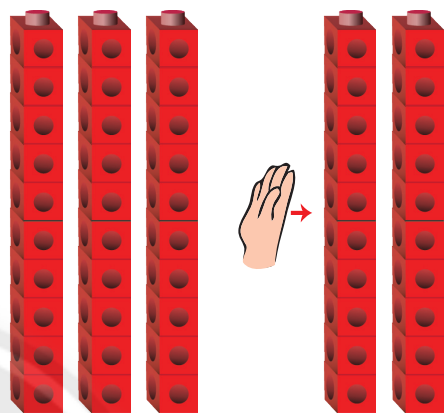
$$30 + 20 = ?$$



$$3 \text{ chục} + 2 \text{ chục} = 5 \text{ chục}$$

$$30 + 20 = 50$$

$$50 - 20 = ?$$



$$5 \text{ chục} - 2 \text{ chục} = 3 \text{ chục}$$

$$50 - 20 = 30$$

1 Tính nhẩm.

$$40 + 10$$

$$60 + 20$$

$$70 - 40$$

$$50 - 10$$

$$20 + 60$$

$$90 - 20$$

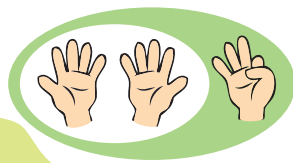
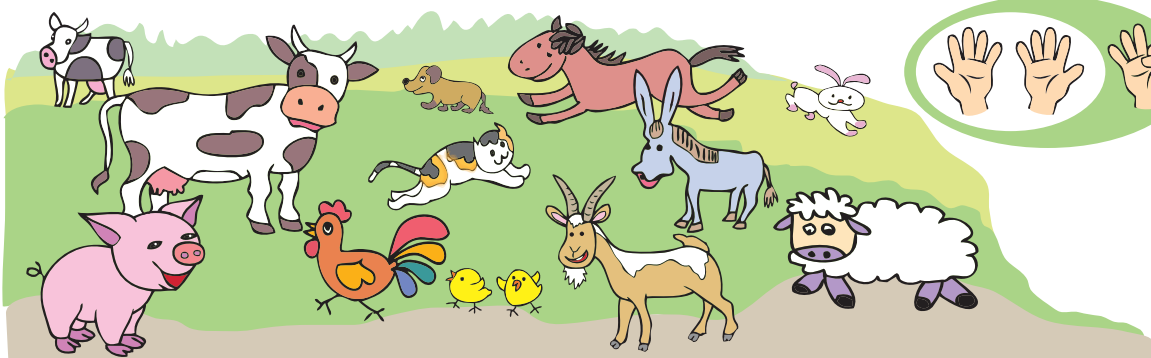
2 Tính nhẩm.

$$40 + 30 + 10$$

$$80 - 50 + 10$$

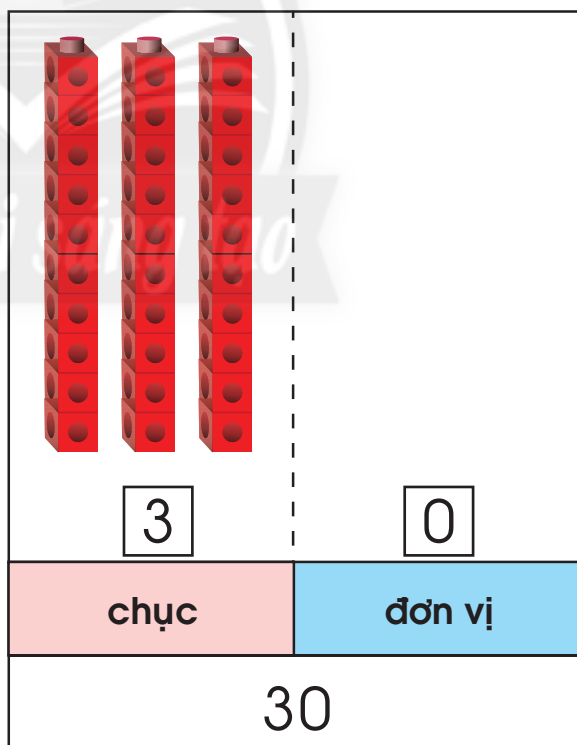
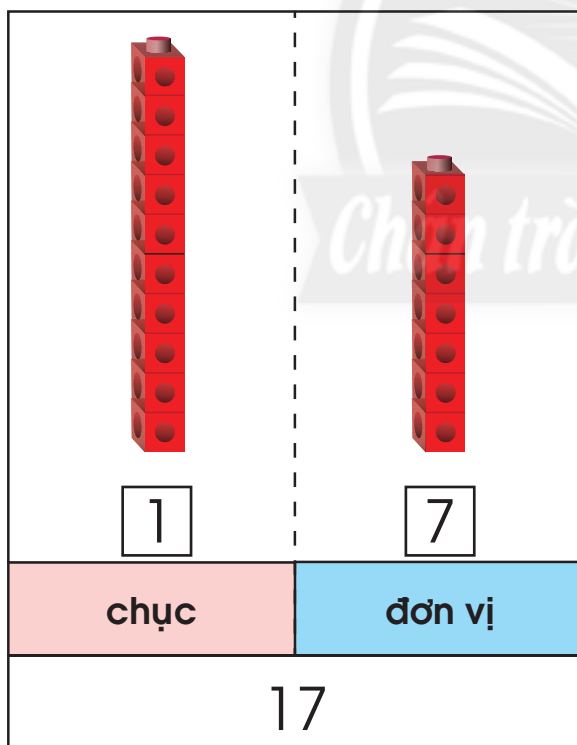
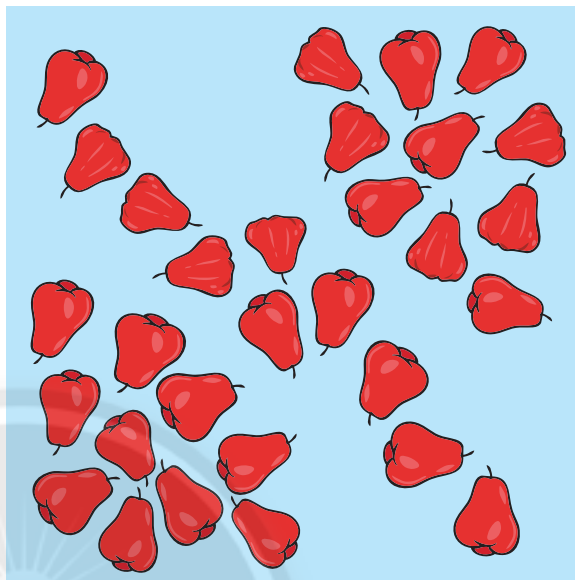
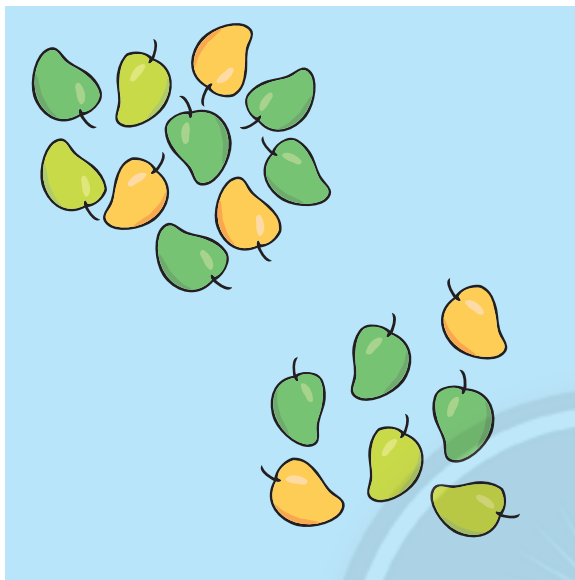


- Em đếm từ 1 đến 100.
- Em đếm tất cả các con vật trong hình vẽ sau:



Chục – Đơn vị

Đếm rồi dùng  thể hiện số.



10 đơn vị = 1 chục

1 Đếm rồi nói theo mẫu.

Có ... chục
và ... đơn vị.



a

b

2 Đếm, viết số rồi nói theo mẫu.



Gộp ... chục và ... đơn vị
được ...

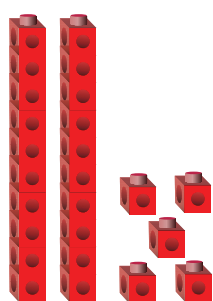
a	b	c
1	?	?
1	?	?
chục	chục	chục
đơn vị	đơn vị	đơn vị
11	?	?

Các số đến 40

Đếm:

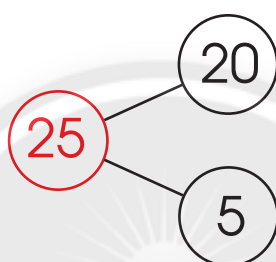


1 Làm theo mẫu.



25

hai mươi lăm



25 gồm **2** chục và **5** đơn vị.

Gộp **2** chục và **5** đơn vị được **25**.

2 Đọc và viết số.

21 hai mươi mốt	22 hai mươi hai	23 hai mươi ba	24 hai mươi tư hai mươi bốn	25 hai mươi lăm
26 hai mươi sáu	27 hai mươi bảy	28 hai mươi tám	29 hai mươi chín	30 ba mươi
31?	32 ba mươi hai	33 ba mươi ba	? ba mươi tư ba mươi bốn	35 ba mươi lăm
.....? ba mươi sáu	37?	38?	? ba mươi chín	40?

1 Làm theo mẫu.

Mẫu:

$\begin{array}{c} \textcircled{28} \\ \swarrow \quad \searrow \\ \textcircled{20} \quad \textcircled{8} \end{array}$	$\begin{array}{c} \textcircled{?} \\ \swarrow \quad \searrow \\ \textcircled{?} \quad \textcircled{?} \end{array}$	$\begin{array}{c} \textcircled{?} \\ \swarrow \quad \searrow \\ \textcircled{?} \quad \textcircled{?} \end{array}$
$\begin{array}{l} 20 + 8 = 28 \\ 28 - 8 = 20 \end{array}$	$\begin{array}{l} \\ \\ \end{array}$	$\begin{array}{l} \\ \\ \end{array}$

2 Số?

Chân trời sáng tạo

3 Tính:

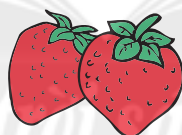
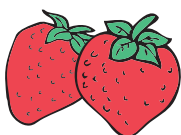
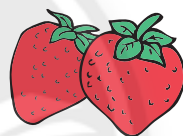
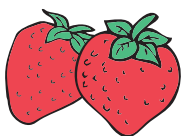
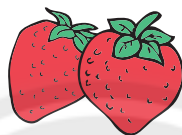
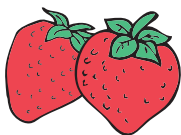
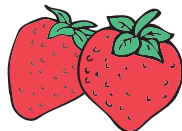
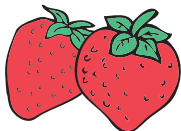
$$\begin{array}{l} 30 + 6 \\ 36 - 6 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 27 - 7 \\ 30 + 9 \end{array}$$

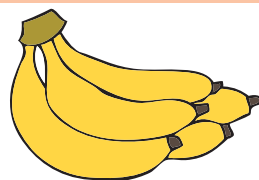
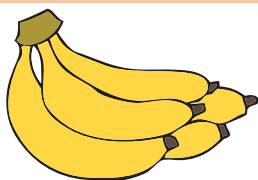
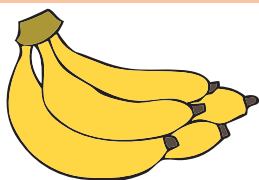
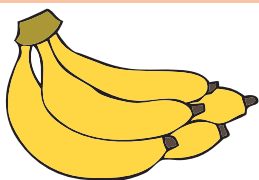
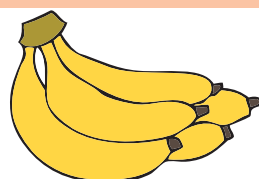
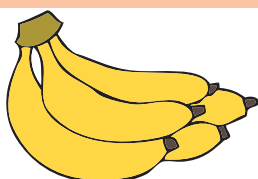
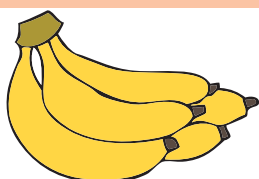
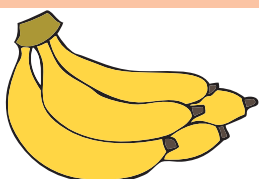
$$\begin{array}{l} 16 + 3 \\ 80 - 50 \end{array}$$

4 Số?

a



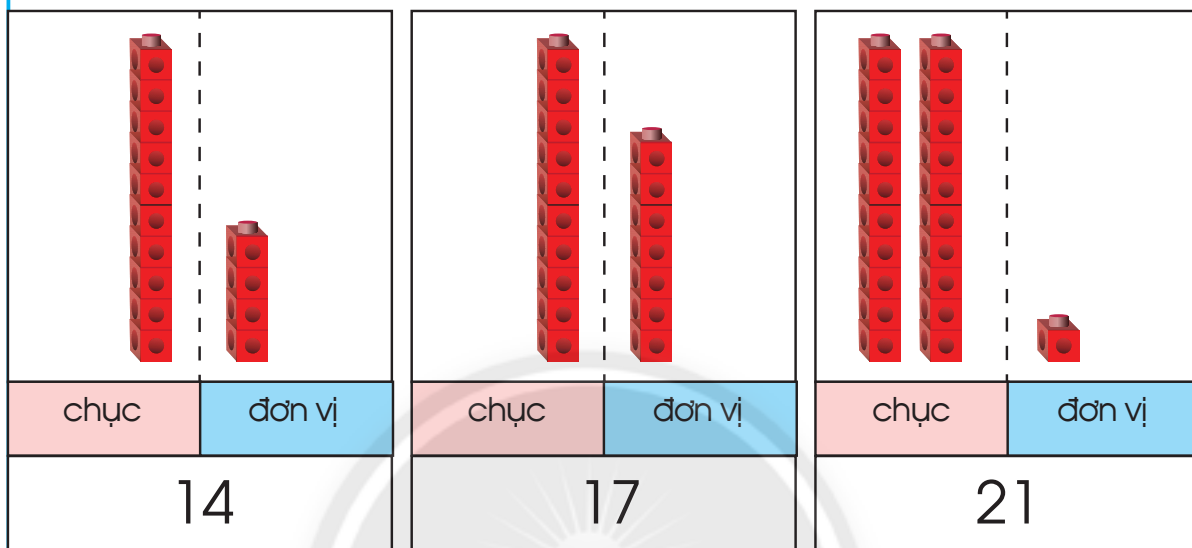
b



So sánh các số

SO SÁNH SỐ CHỤC, SỐ ĐƠN VỊ

Dùng  thể hiện các số 14, 17, 21.



1 chục = 1 chục
4 < 7

$$14 < 17$$

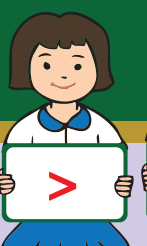
$$17 > 14$$



1 chục < 2 chục

$$17 < 21$$

$$21 > 17$$

25	?	31	39	?	30
					

1



a) $23 \dots ? \dots 28$
 $36 \dots ? \dots 34$
 $19 \dots ? \dots 15$

b) $27 \dots ? \dots 37$
 $22 \dots ? \dots 10$
 $32 \dots ? \dots 13$

c) $38 \dots ? \dots 30 + 8$
 $30 \dots ? \dots 35$
 $6 \dots ? \dots 24$

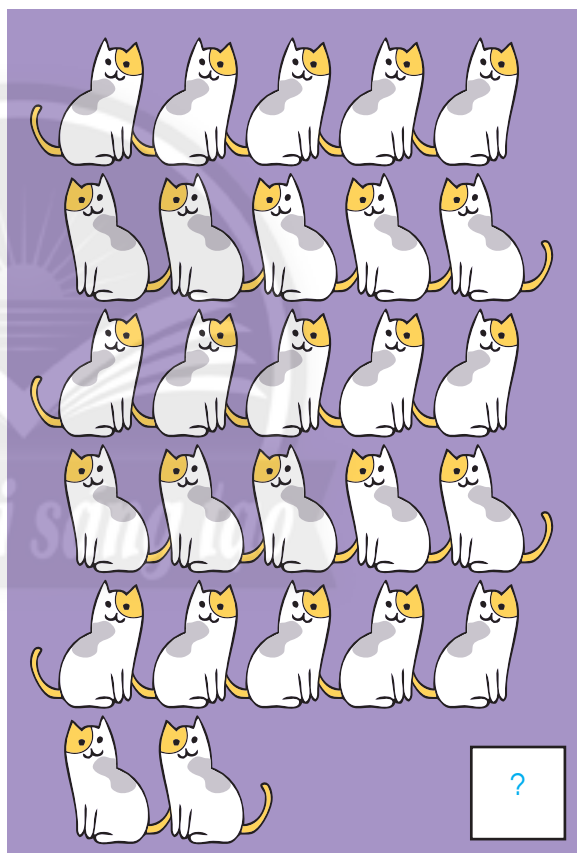
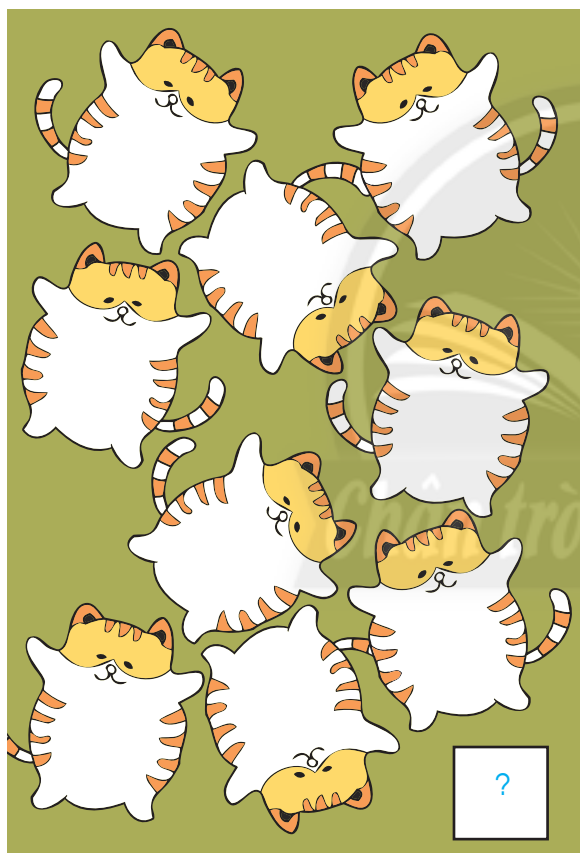
2

Sắp xếp các số sau theo thứ tự:

a) Từ bé đến lớn: 37, 21, 28.

b) Từ lớn đến bé: 29, 36, 33.

3



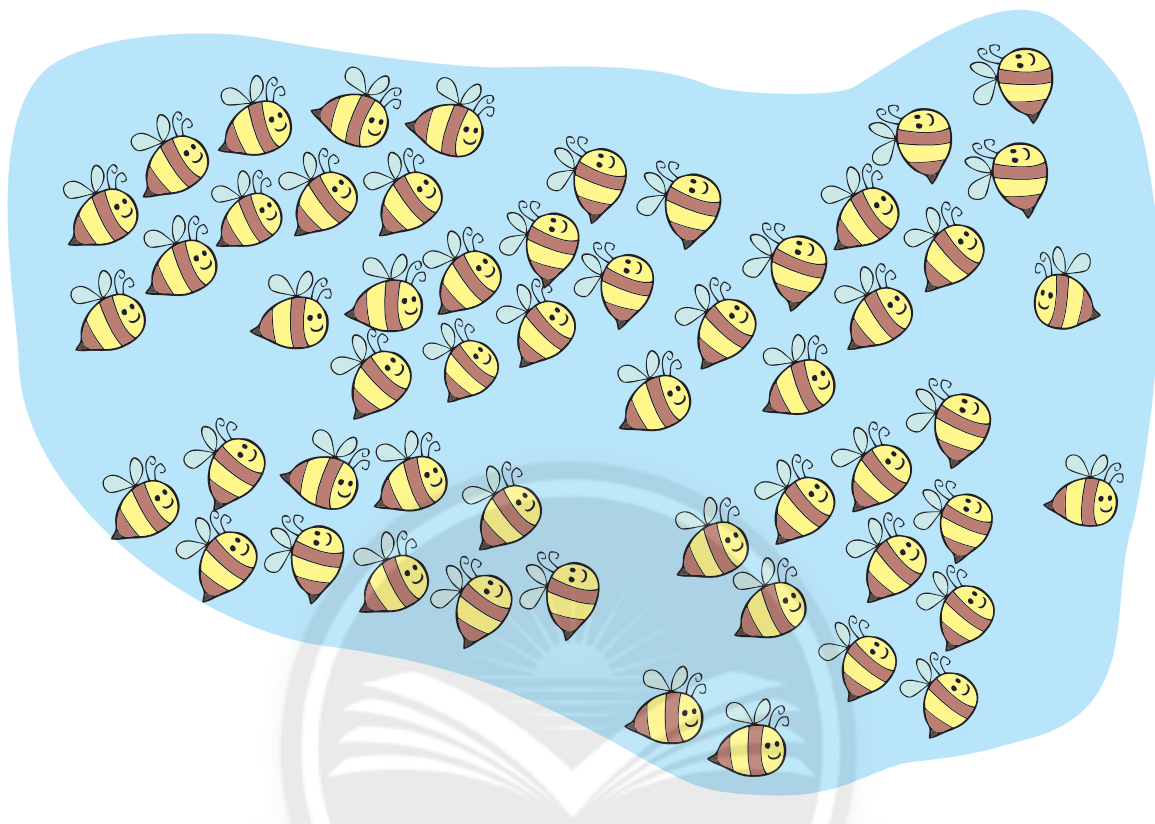
a) Quan sát tranh và nói ngay tranh nào có nhiều mèo hơn.

b) Đếm số con mèo ở mỗi bức tranh.

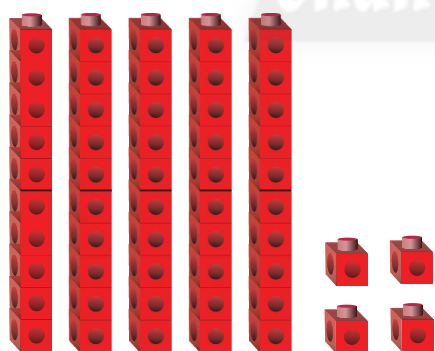
c) So sánh hai số vừa tìm được.

Các số đến 100

Đếm:

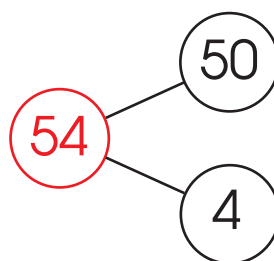


Làm theo mẫu.



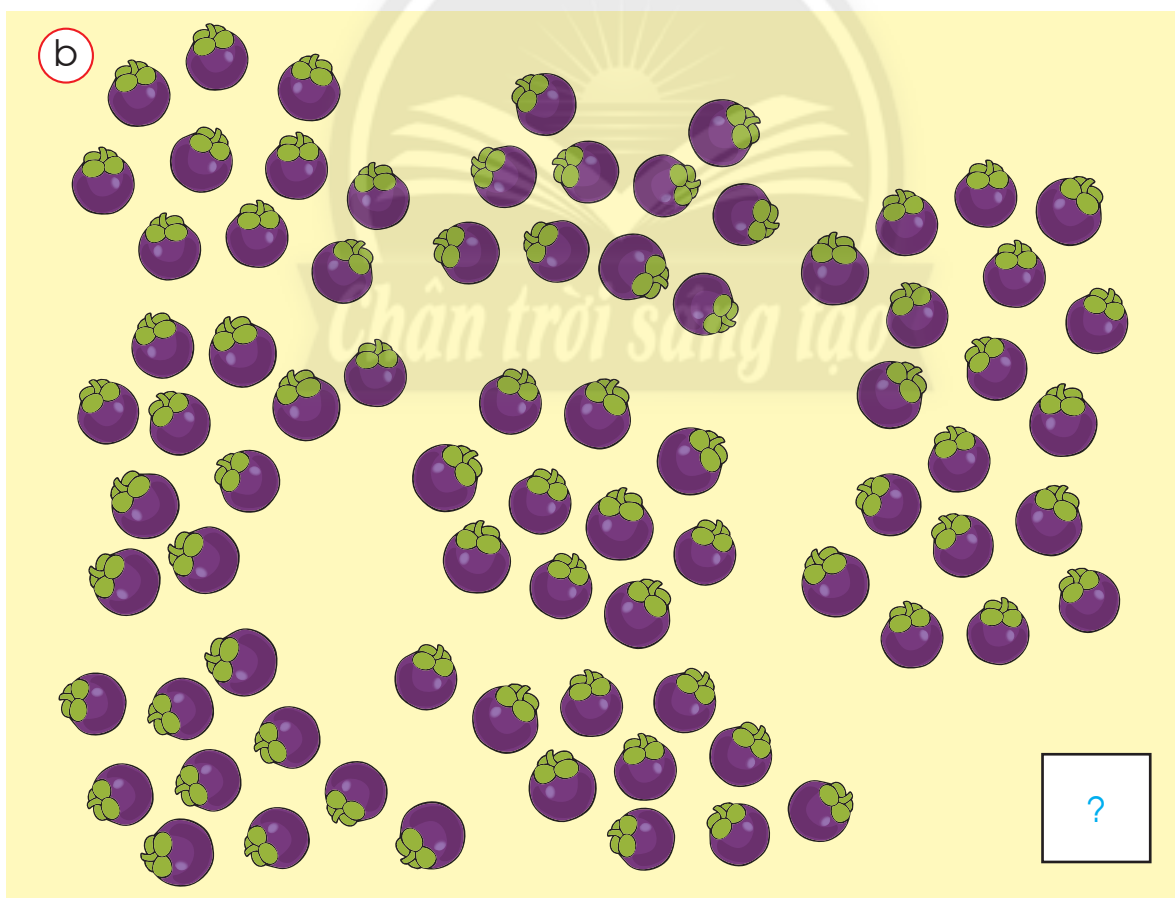
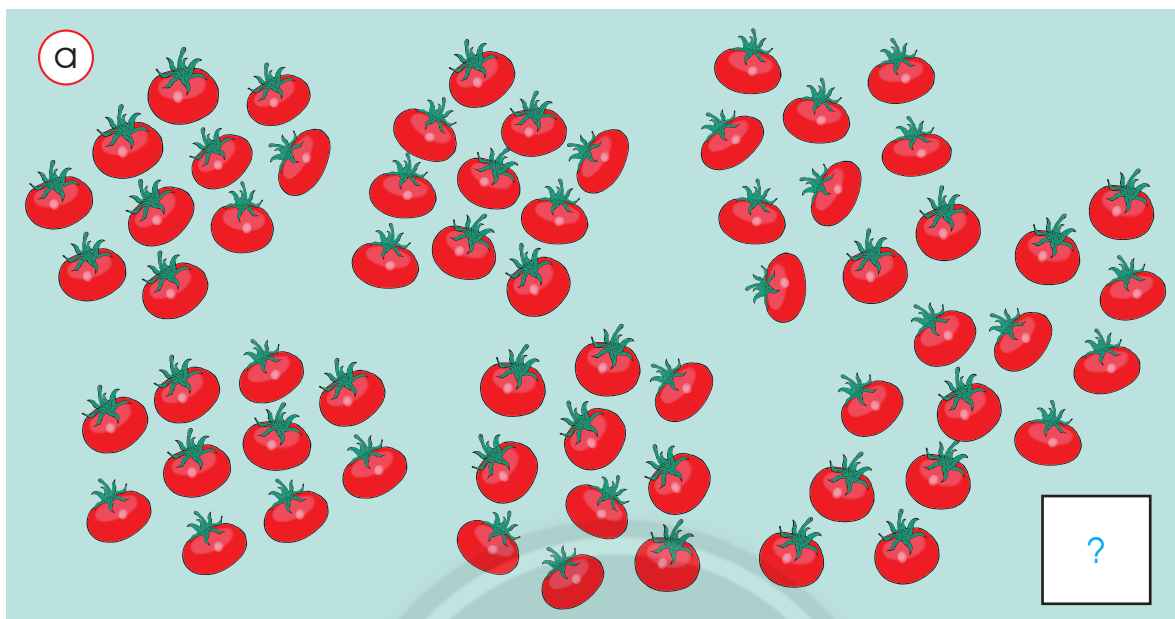
54

năm mươi tư
năm mươi bốn



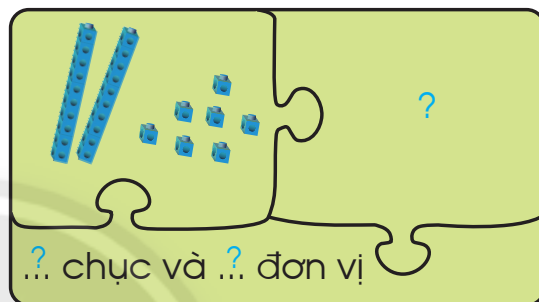
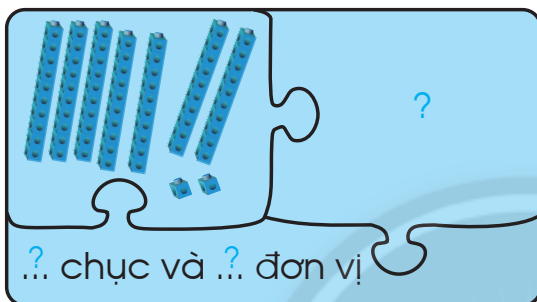
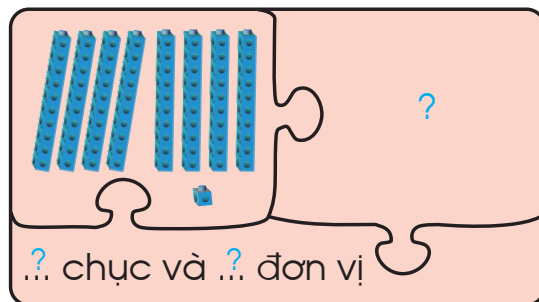
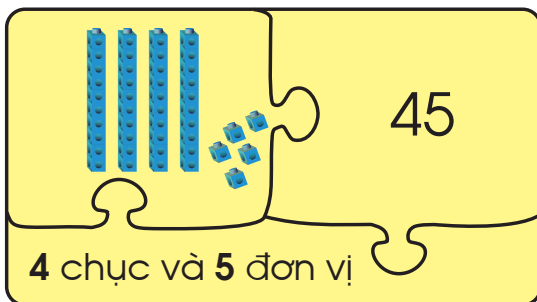
54 gồm **5 chục** và **4 đơn vị**.
Gộp **5 chục** và **4 đơn vị** được **54**.

1 SỐ?

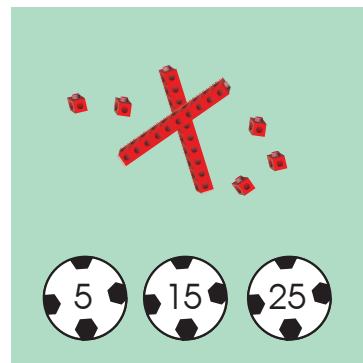
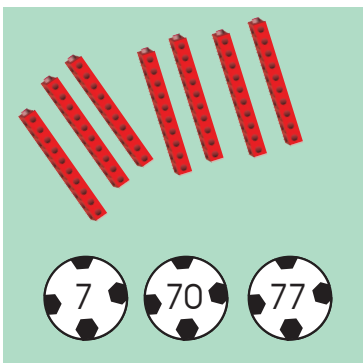
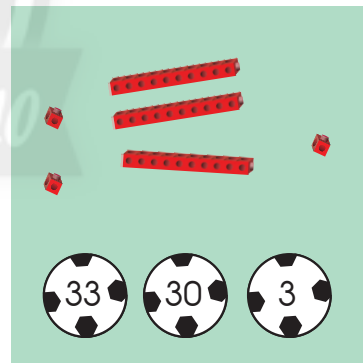
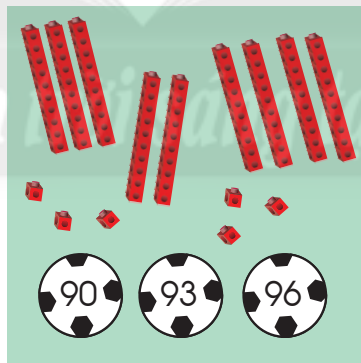


2 Số? (Theo mẫu)

Mẫu:



3 Quả bóng nào có số phù hợp (xem mẫu)?



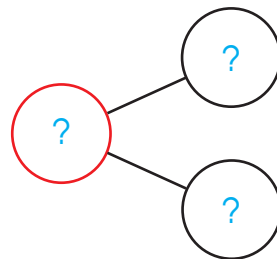
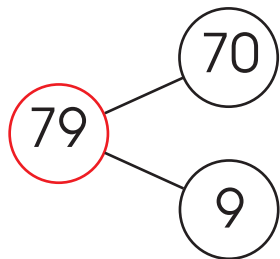
4 Số?

(79)

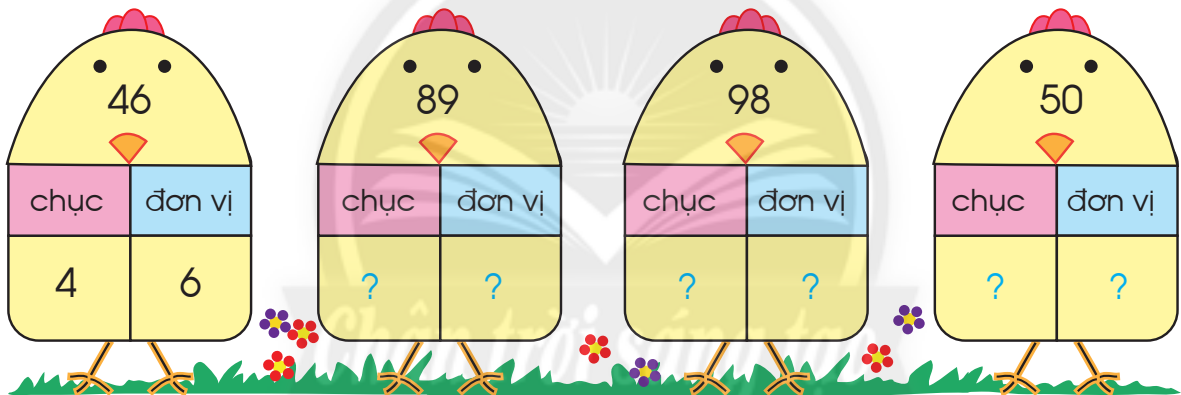
chục	đơn vị
7	9

(95)

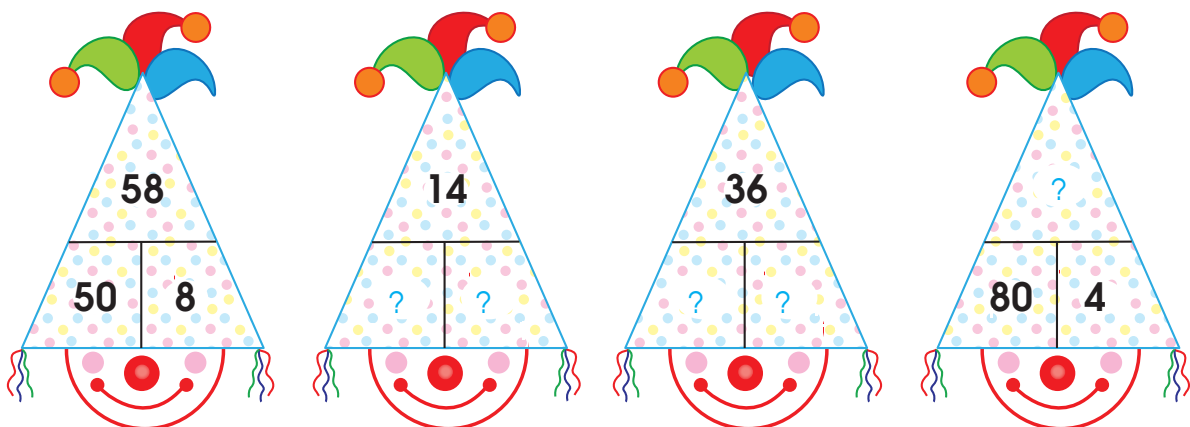
chục	đơn vị
?	?



5 Số?

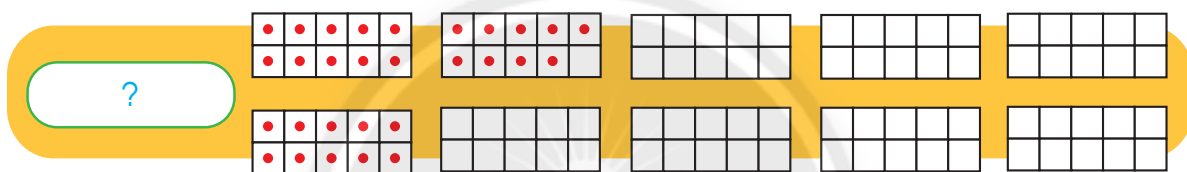
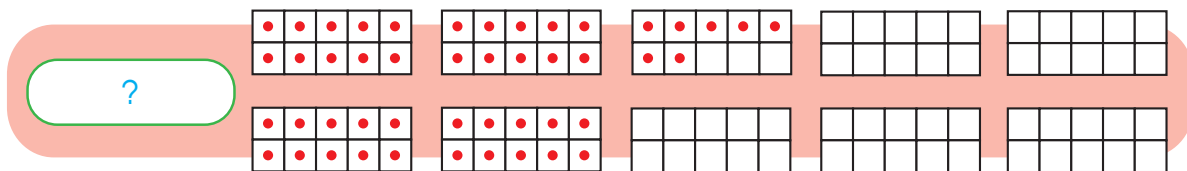
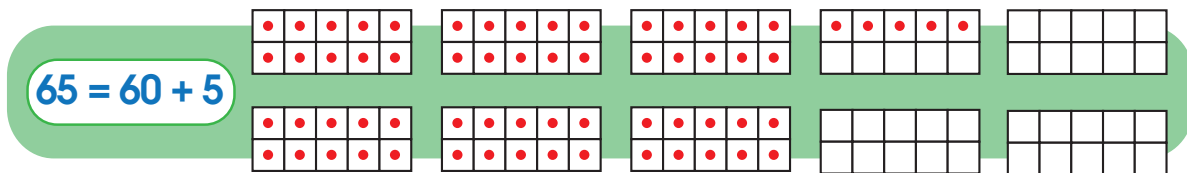


6 Số?



7 Làm theo mẫu.

Mẫu:



8 Tính:

$40 + 2$

$84 - 4$

$42 - 2$

$60 + 6$

9 Đúng (đ) hay sai (s)?

a $35 = 3 + 5$

$35 = 30 + 5$

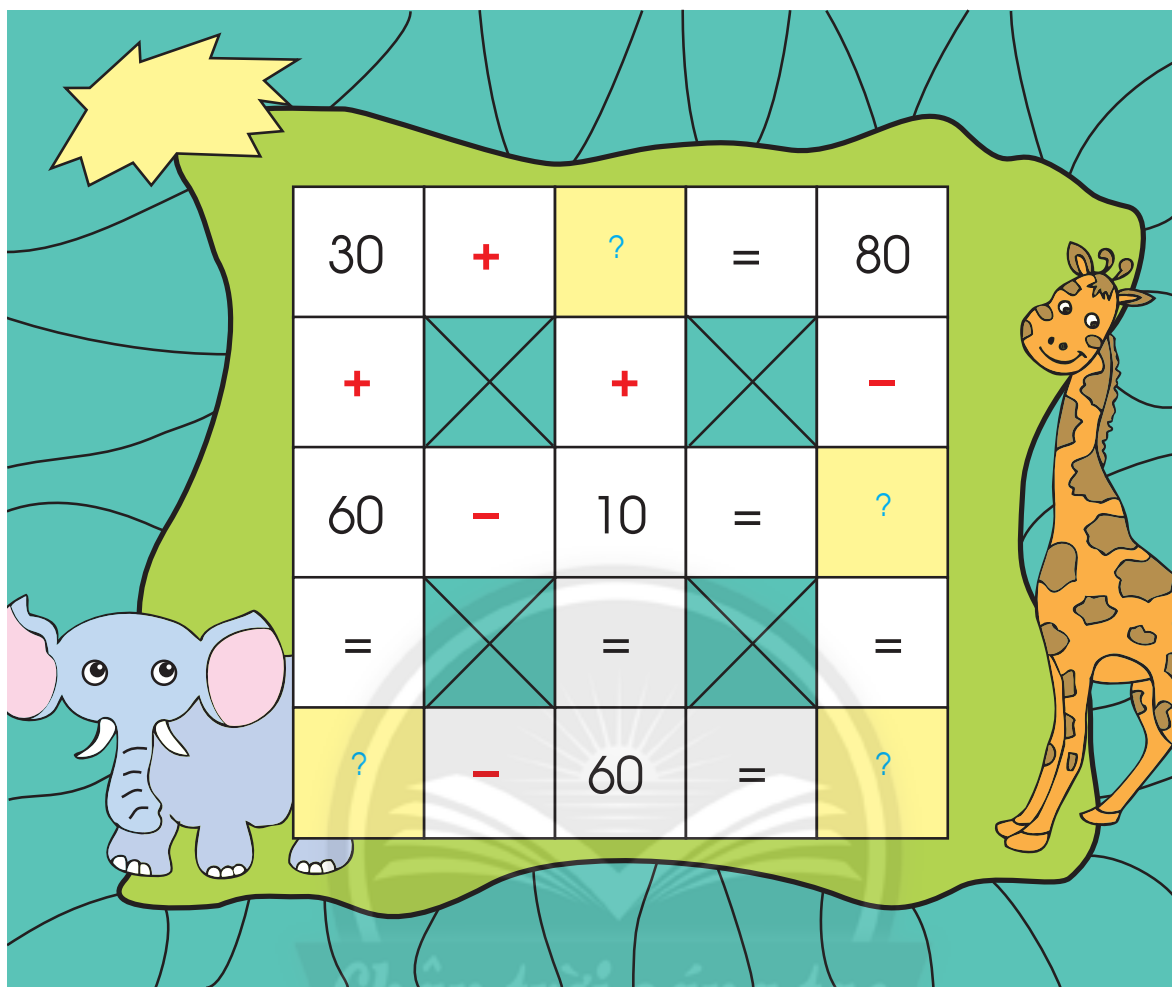
$35 = 5 + 30$

b $70 + 9 = 79$

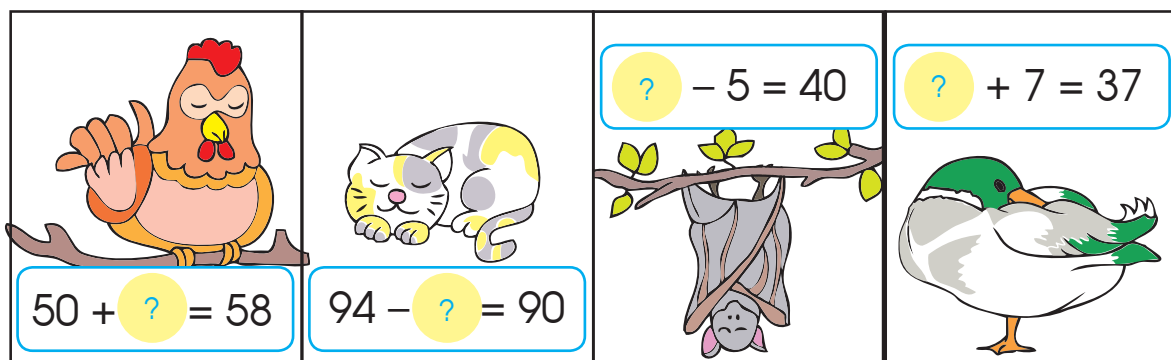
$70 + 9 = 709$

$90 + 7 = 79$

10 Số?



11 Số?





Xem hình và đếm số con tem.



Bảng các số từ 1 đến 100

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
51	52	53	54	55	56	57	58	59	60
61	62	63	64	65	66	67	68	69	70
71	72	73	74	75	76	77	78	79	80
81	82	83	84	85	86	87	88	89	90
91	92	93	94	95	96	97	98	99	100

- 1 Đọc các số theo thứ tự từ 1 đến 100.
- 2 Đọc tiếp: 2, 4, 6, ..., 100.
- 3 Em hãy đọc các số ở ba cột tô màu.



Em chọn một số trong bảng và đọc từ số đó đến 100, đọc từ 1 đến số đó.

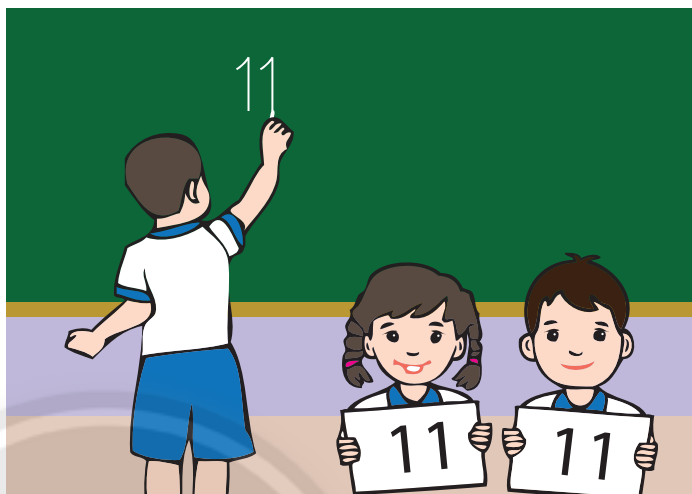
1 Số?

a) 72, 73, 74, ?, ?, ?, ?, ?

b) 47, 48, 49, ?, ?, ?, ?, ?

2 Viết các số.

- Mười một.
- Sáu mươi mốt.
- Bảy mươi lăm.
- Tám mươi tư.
- Chín mươi chín.
- Một trăm.

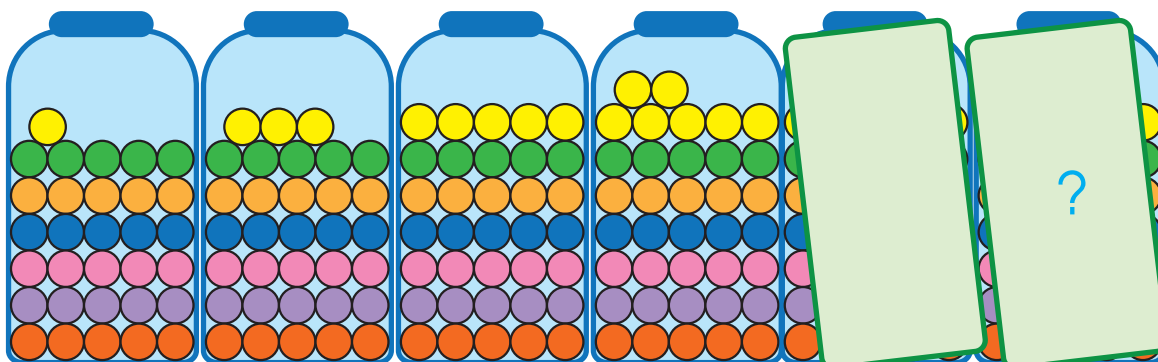


3 Số?

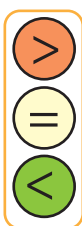
77	?	79	?
?	88	?	90

41	?	?	44
?	52	?	54

4 Bình cuối cùng có bao nhiêu viên kẹo?



5



$78 \text{ ? } 72$

$36 \text{ ? } 52$

$90 + 4 \text{ ? } 4 + 90$

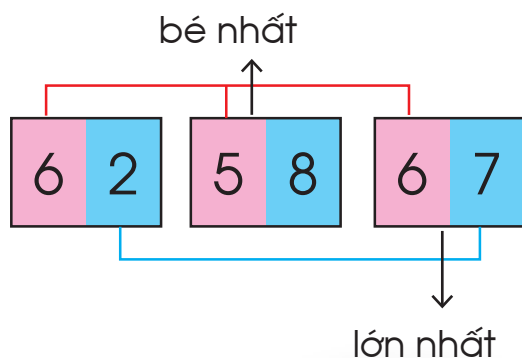
?

$84 \text{ ? } 90$

$67 \text{ ? } 9$

$40 + 2 \text{ ? } 40 + 1$

6



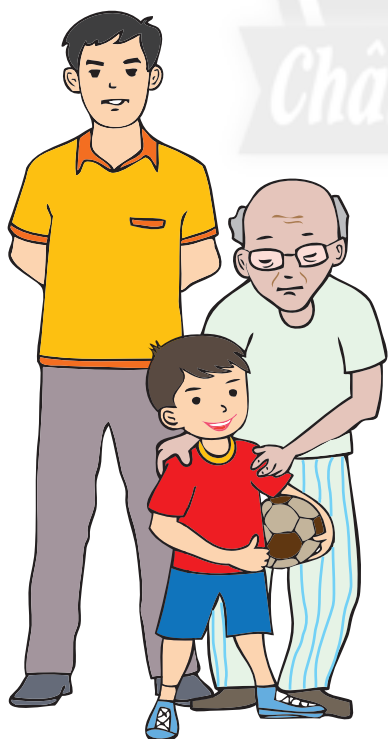
So sánh số chục trước.



- a) Số nào bé nhất, số nào lớn nhất trong các số sau: 62, 58, 67?
- b) Sắp xếp các số 62, 58, 67 theo thứ tự từ lớn đến bé.

7

Em tìm được tuổi của mỗi người không?



Chân trời sáng tạo

73 tuổi

37 tuổi

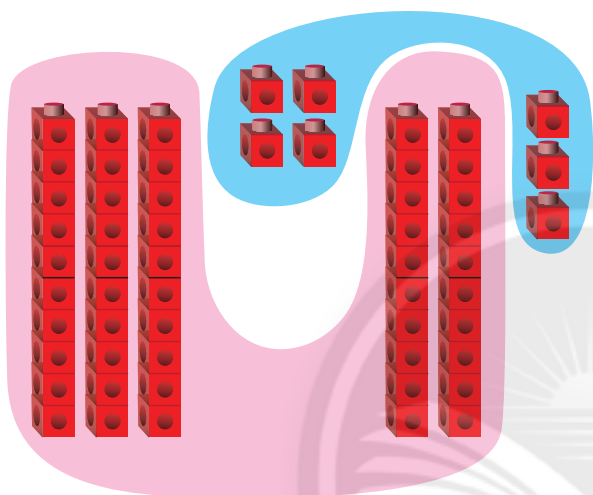
7 tuổi



Các phép tính dạng $34 + 23$, $57 - 23$

Dùng  thể hiện các phép tính.

$$34 + 23 = ?$$

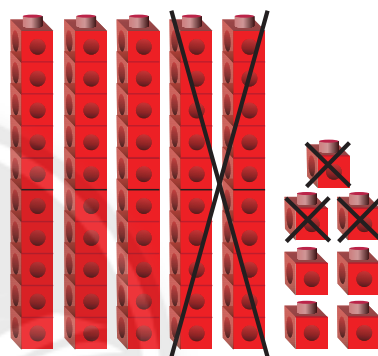


$$\begin{array}{r} 34 \\ + 23 \\ \hline 57 \end{array}$$

4 cộng 3 bằng 7, viết 7.
3 cộng 2 bằng 5, viết 5.

$$34 + 23 = 57$$

$$57 - 23 = ?$$



$$\begin{array}{r} 57 \\ - 23 \\ \hline 34 \end{array}$$

7 trừ 3 bằng 4, viết 4.
5 trừ 2 bằng 3, viết 3.

$$57 - 23 = 34$$

Đặt tính rồi tính.

$$28 + 71$$

$$48 - 36$$

$$40 + 50$$

$$64 + 32$$

$$95 - 43$$

$$70 - 60$$

1

Tính:

$$\begin{array}{r} 48 \\ + 51 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 53 \\ + 23 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 64 \\ - 12 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 35 \\ - 25 \\ \hline \end{array}$$

2

Tính theo mẫu.

Mẫu:

$$\begin{array}{r} 50 \\ + 7 \\ \hline 57 \end{array}$$

0 cộng 7 bằng 7, viết 7.
Hạ 5, viết 5.

$$\begin{array}{r} 29 \\ - 8 \\ \hline 21 \end{array}$$

9 trừ 8 bằng 1, viết 1.
Hạ 2, viết 2.

$$\begin{array}{r} 14 \\ + 3 \\ \hline \end{array}$$

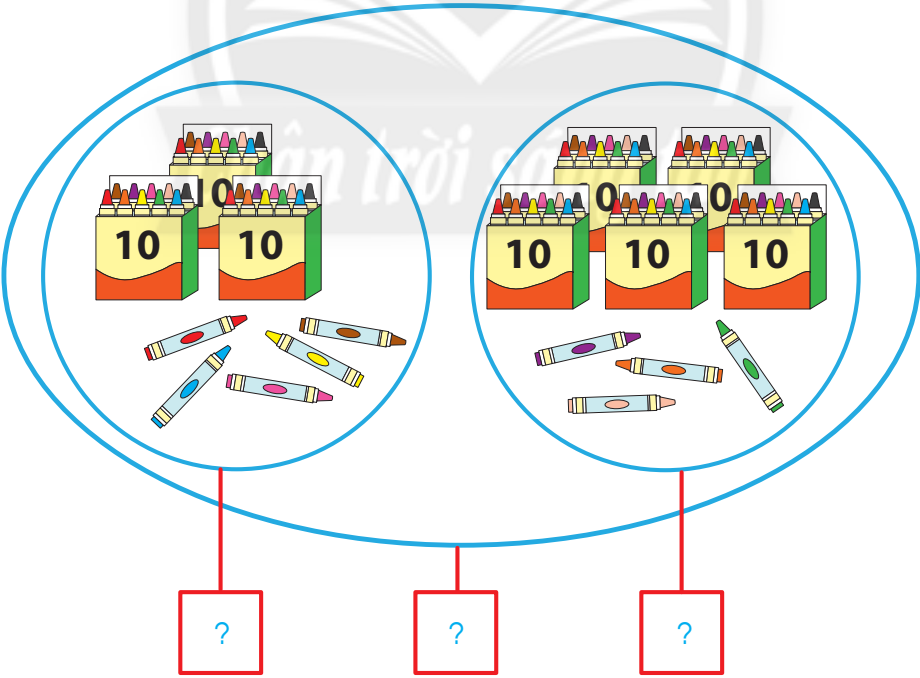
$$\begin{array}{r} 72 \\ + 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 86 \\ - 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 69 \\ - 9 \\ \hline \end{array}$$

3

Số?



$$... + ... = ...$$

$$... + ... = ...$$

$$... - ... = ...$$

$$... - ... = ...$$

4 Tính nhẩm.

$$\begin{array}{l} 60 + 20 \\ 70 - 60 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 10 + 70 \\ 80 - 70 \end{array}$$

$$\begin{array}{l} 90 - 30 \\ 40 + 30 \end{array}$$

5 Tính nhẩm.

$$6 + 3 + 1$$

$$10 - 3 - 1$$

$$80 - 60 - 10$$

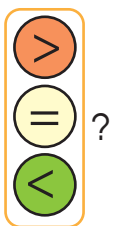
6 Đặt tính rồi tính.

$$\begin{array}{r} 16 + 53 \\ 84 - 22 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 23 + 6 \\ 4 + 75 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 57 - 4 \\ 89 - 5 \end{array}$$

7

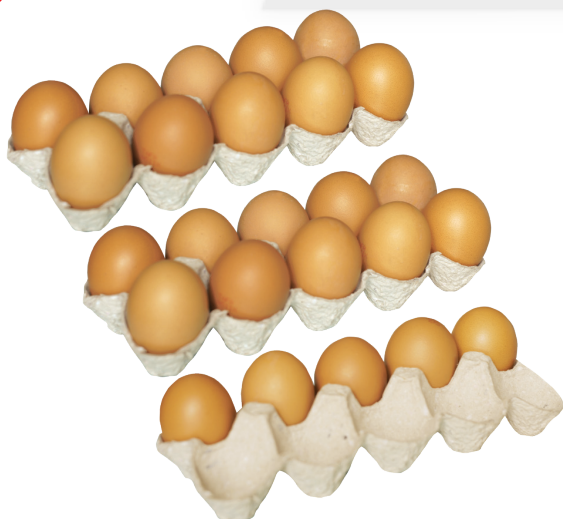


$$45 - 5 \quad \boxed{?} \quad 45$$

$$30 + 10 \quad \boxed{?} \quad 30$$

$$20 + 6 \quad \boxed{?} \quad 26$$

8 Số?



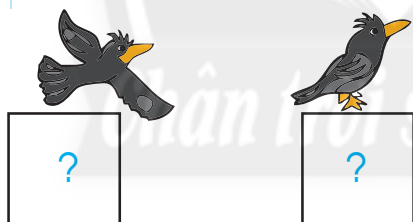
$$\boxed{?} + \boxed{?} = \boxed{?}$$

Em làm được những gì?

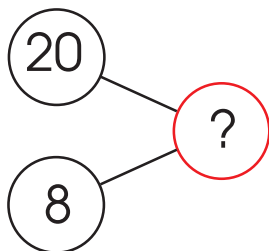
1 Xem tranh.



a Số?

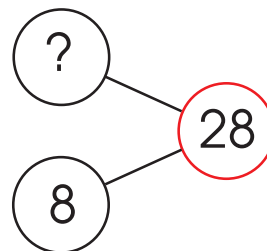


b Tìm phép cộng thích hợp.



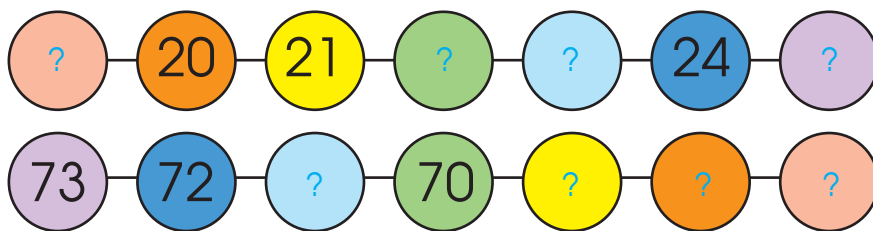
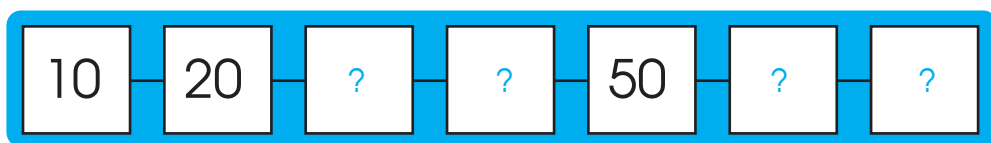
?	?	?	?	?
---	---	---	---	---

c Tìm phép trừ thích hợp.

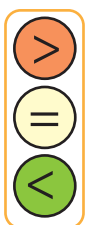


?	?	?	?	?
---	---	---	---	---

2 Số?



3



a $35 \square 25$

b $40 + 30 \square 60$

? $27 \square 24$

$96 - 6 \square 90$

$18 \square 9$

$75 - 2 \square 75$

4 Sắp xếp các số sau theo thứ tự:

a Từ bé đến lớn: 34, 76, 43.

b Từ lớn đến bé: 38, 33, 40.

5 Kim giờ chỉ số mấy?



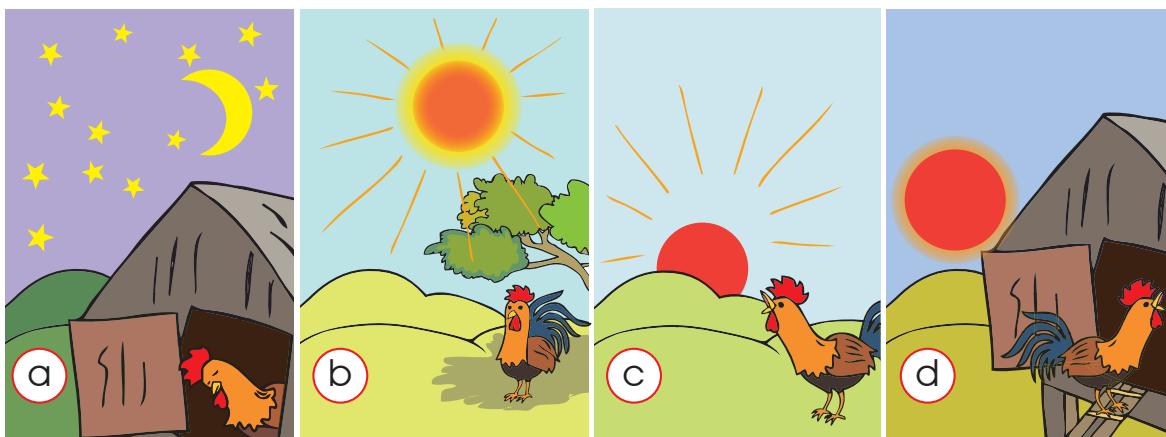
8 giờ



4 giờ



6 Sắp xếp các bức tranh theo thứ tự: sáng, trưa, chiều, tối.



7 Xếp hình con bướm và hoa sen.



Hoa sen là một loài hoa rất đẹp của nước ta.

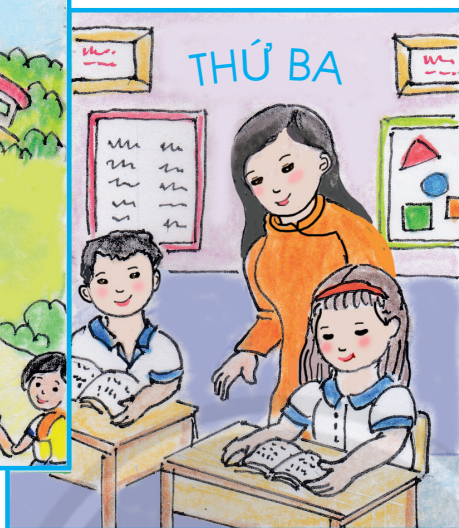
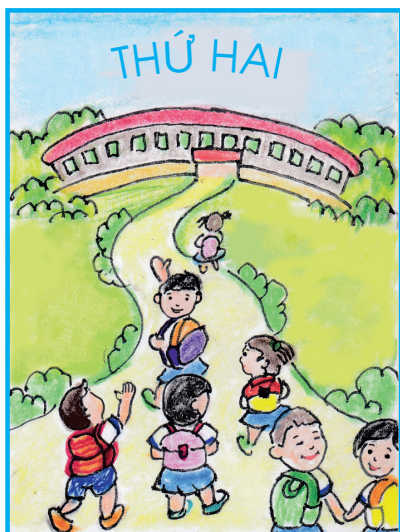


Hình trên có bao nhiêu bông hoa sen?

Các ngày trong tuần

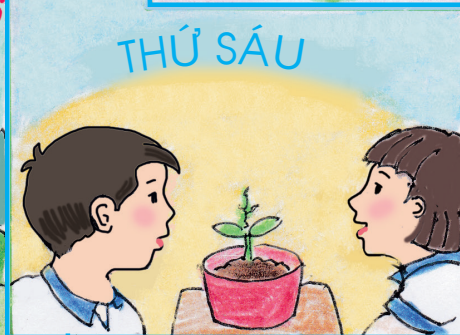
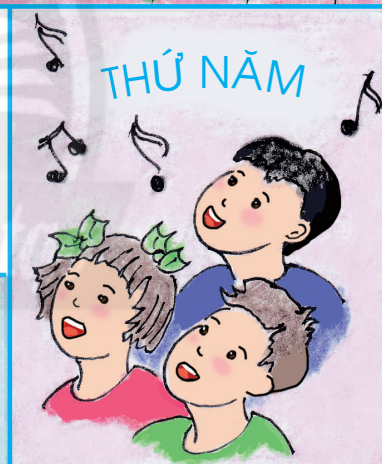
1

Em có thuộc tên các ngày trong một tuần?



2

Tập nói theo mẫu:
Thứ hai, em đi học.

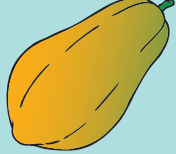
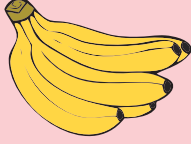
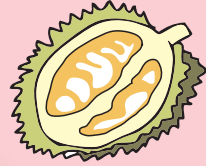


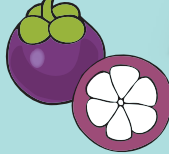
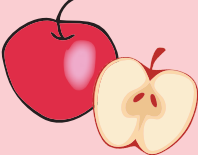
Sưu tầm một
tờ lịch mà em
thích.

3 Xem các tờ lịch có in hình trái cây (hoa quả) và nói theo mẫu.

Mẫu:



?

thứ bảy

chủ nhật

?


thứ sáu	thứ năm	thứ tư	?
			
?			
			
?	thứ hai	thứ ba	?
			

Tờ lịch của em



1 Đọc thứ, ngày trên các tờ lịch sau.



2 Em cùng các bạn đọc tờ lịch đã sưu tầm.

1 Lịch vui của em.

Em có biết **thứ, ngày** của mỗi tờ lịch sau không?

Nên bắt đầu từ hôm nay.



hôm qua	hôm nay	ngày mai
ngày thứ 	ngày thứ 	ngày thứ 

2 là thứ mấy?

hôm qua	hôm nay	ngày mai
...	chủ nhật	...
...	...	thứ năm

3 Đọc thời khoá biểu ngày hôm nay của lớp em.

Thực hành và trải nghiệm

Em và các bạn

1 Số?



Có tất cả: bạn,
trong đó có: bạn gái,
còn lại: bạn trai.

2 Đếm số bàn tay, số ngón tay của nhóm 10 bạn.

Có tất cả: bàn tay,
..... ngón tay.

3 Lớp bạn:

cả lớp	35 bạn
bạn trai	15 bạn
bạn gái	...?.. bạn

Phép tính tìm số bạn gái:

?	?	?	?	?
---	---	---	---	---

THỨ HAI



THỨ BA



THỨ TƯ



- a) Nói các hoạt động của Bình trong tuần theo mẫu.
Mẫu: Vào lúc 7 giờ sáng thứ hai, Bình và các bạn chào cờ.

- b) Tập dùng các từ: hôm nay, hôm qua, ngày mai.
Ví dụ: Hôm nay là thứ tư, hôm qua là thứ ba, ngày mai là thứ năm.

THỨ NĂM



CHỦ NHẬT



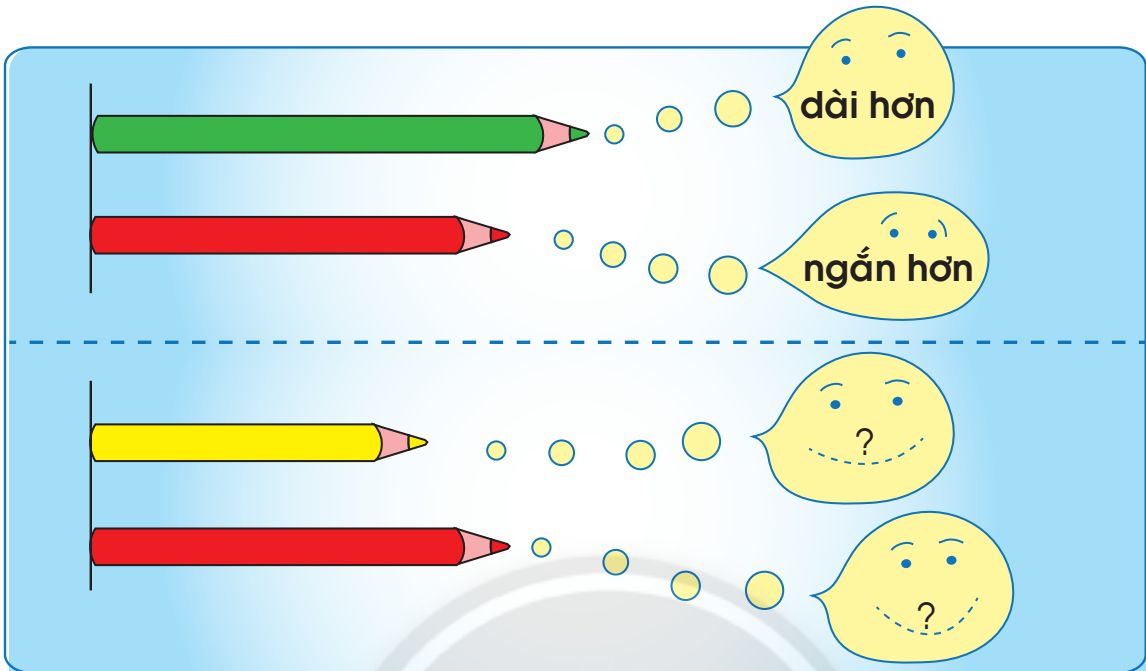
THỨ BẢY



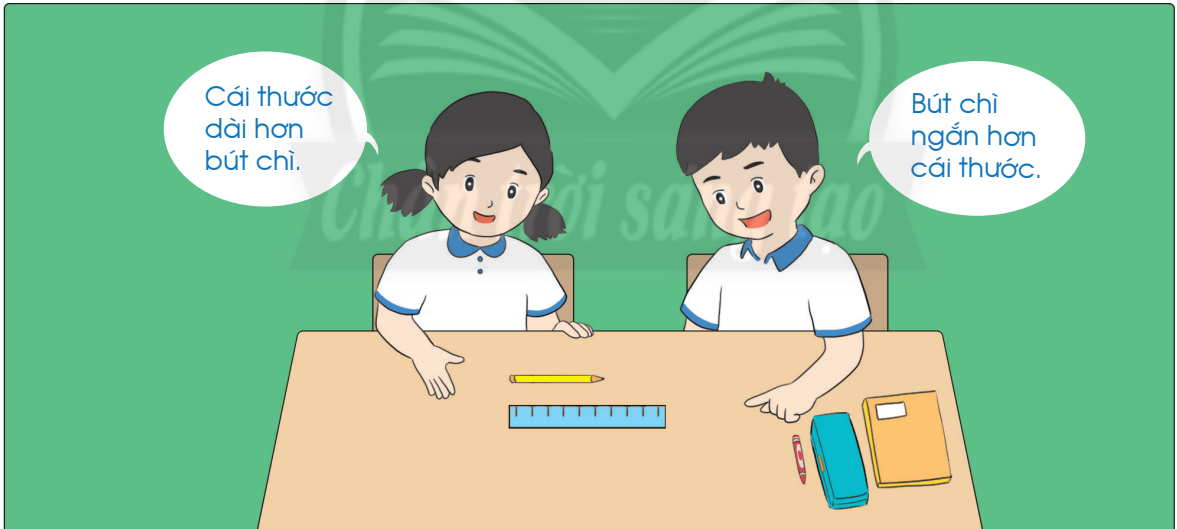
THỨ SÁU



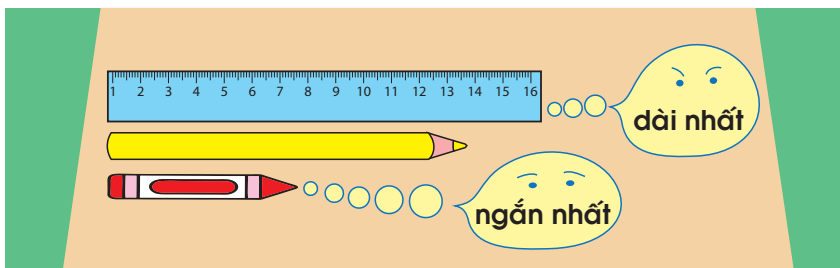
Độ dài



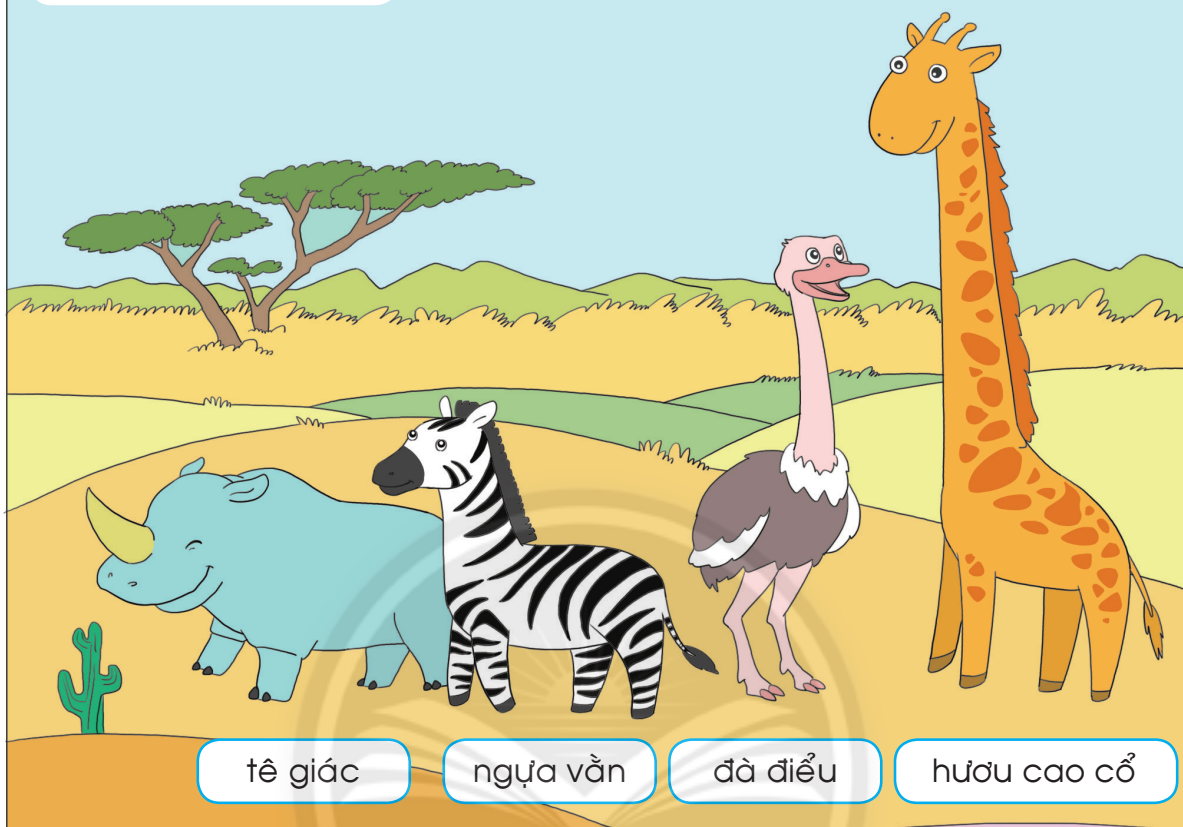
1 So sánh độ dài đồ dùng học tập.



2



3 Cao hơn, thấp hơn.

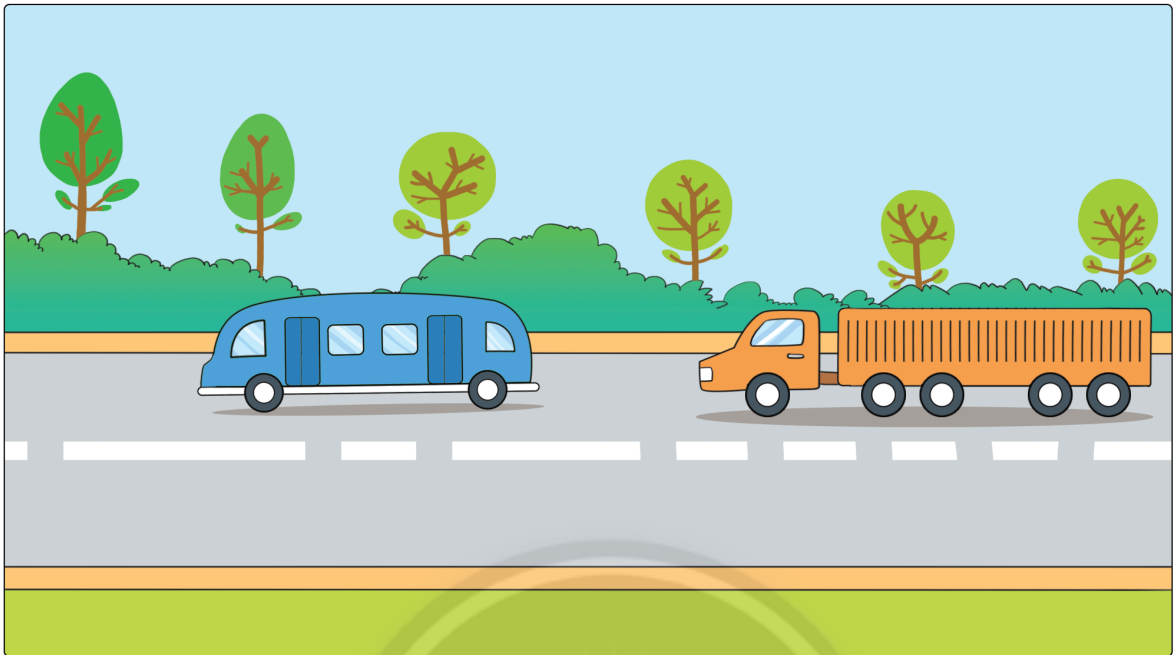


4 Cao nhất, thấp nhất.

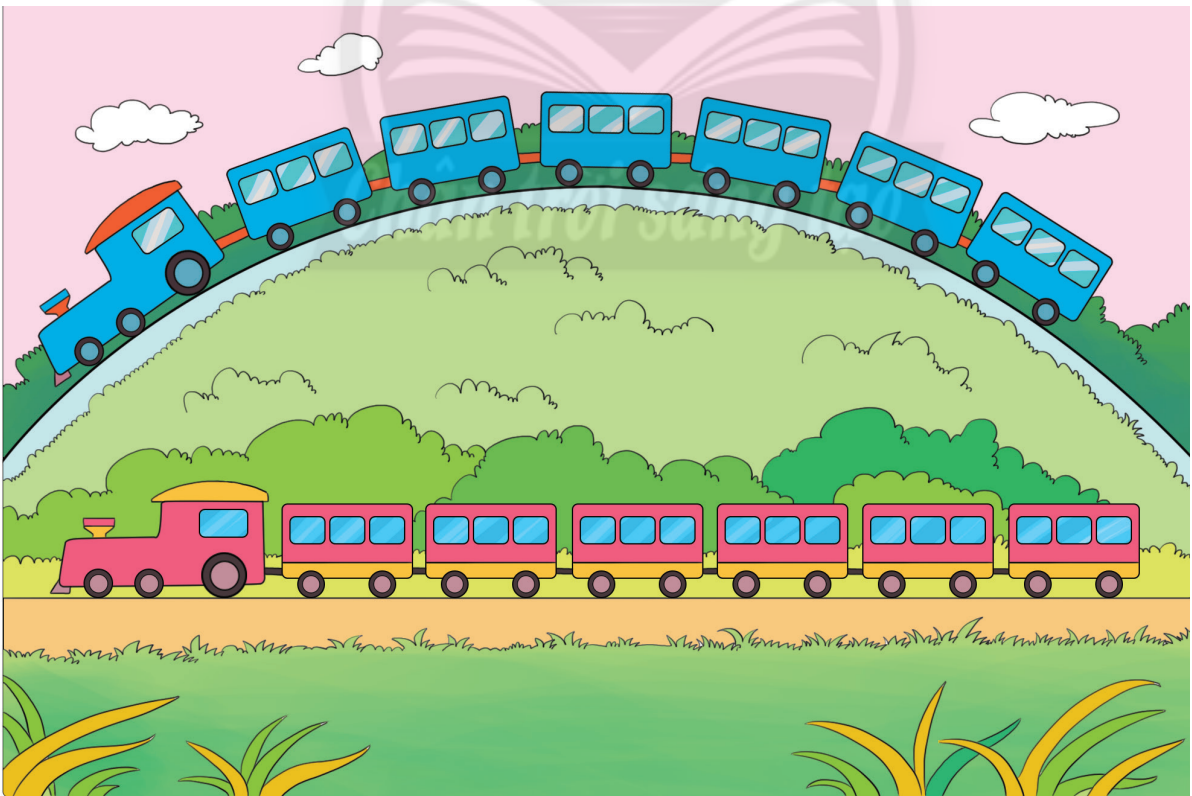
Em so sánh
chiều cao
với các bạn.



1 So sánh độ dài hai chiếc xe.

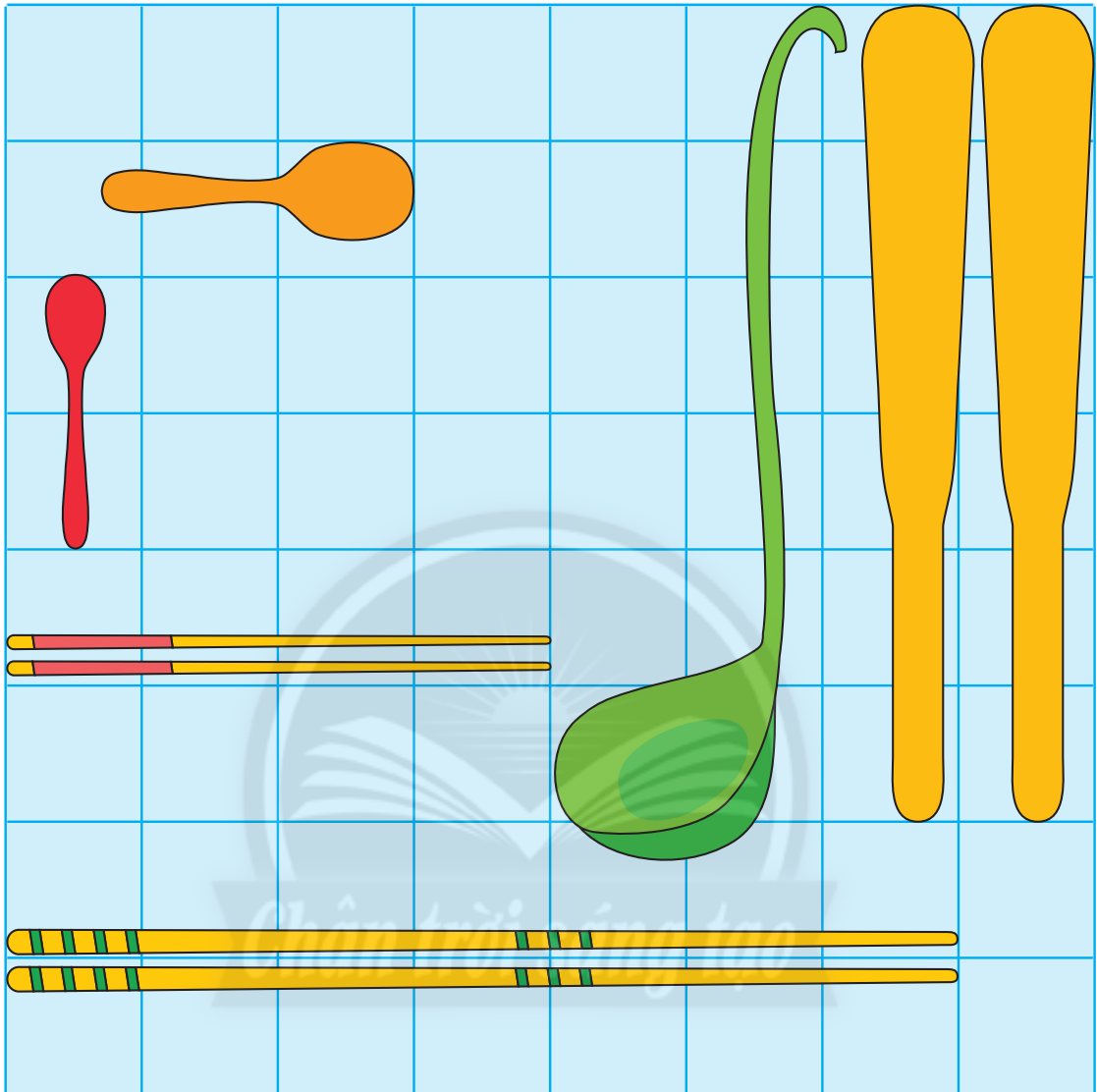


2 So sánh độ dài hai đoàn tàu.



3

So sánh độ dài các vật
(dùng các từ **dài hơn**, **ngắn hơn**, **dài bằng**, **dài nhất**, **ngắn nhất**).



Dừa Bến Tre

Kể 3 công dụng
của cây dừa.

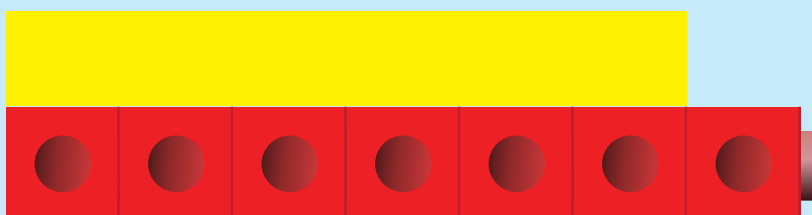


Đo độ dài

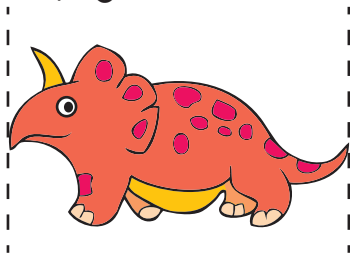
- Quan sát rồi thảo luận:
Băng giấy nào ngắn nhất?
Băng giấy nào dài nhất?



- Dùng 7 🧱 làm một cây thước để đo độ dài các băng giấy.
Các câu trả lời khi thảo luận có đúng không?
- Cách đo:



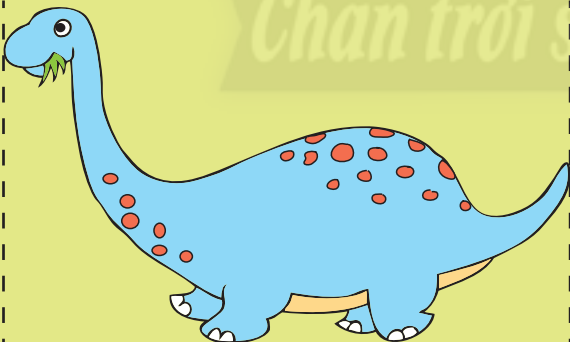
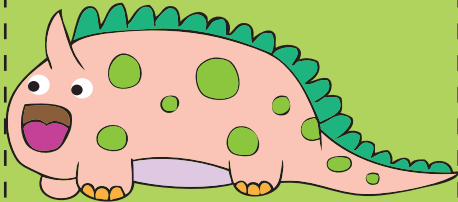
1 Ước lượng rồi đo.



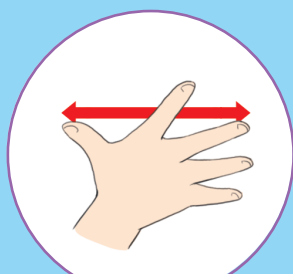
ước lượng
khoảng 2 



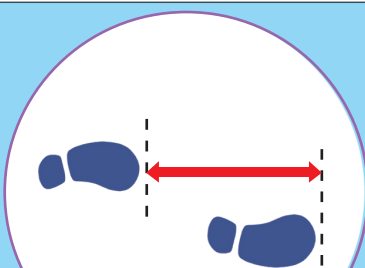
đo
3 

	ước lượng	đo
a 	khoảng ? 	? 
b 	khoảng ? 	? 
c 	khoảng ? 	? 

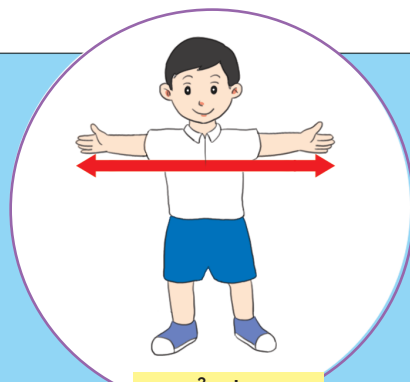
2 Một số cách đo độ dài.



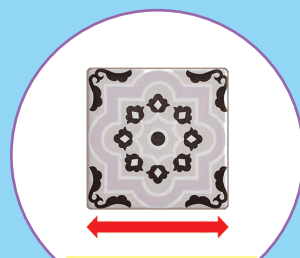
gang tay



bước chân



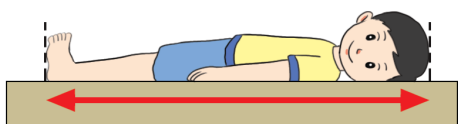
sải tay



viên gạch

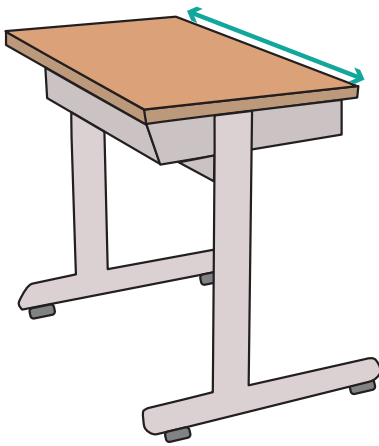


So sánh chiều cao của em và chiều dài sải tay của em.



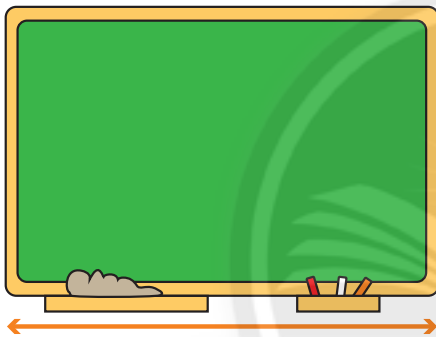
Ước lượng, đo, số đo?

1



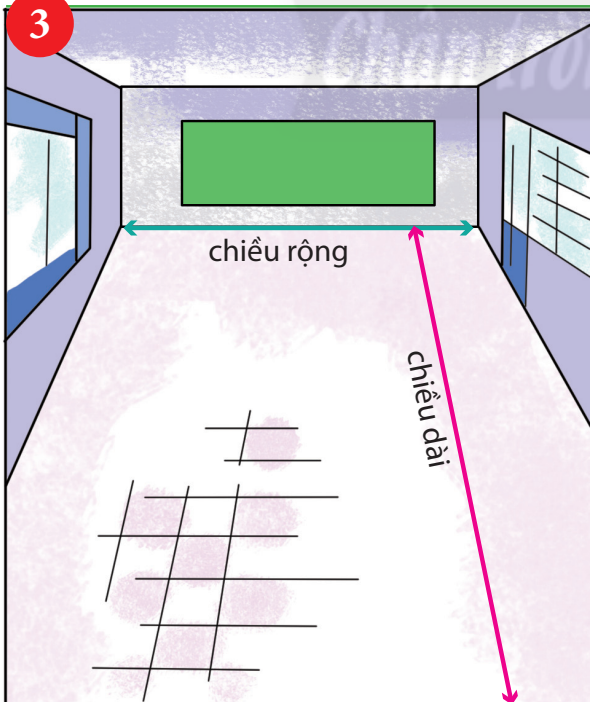
ước lượng	đo
khoảng ?.. gang tay	?.. gang tay

2



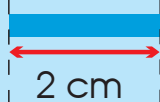
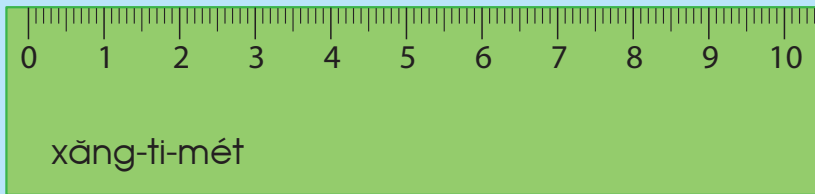
khoảng ?.. sải tay	?.. sải tay
-----------------------	-------------

3



Chiều rộng	
khoảng ?.. bước chân	?.. bước chân
khoảng ?.. viên gạch	?.. viên gạch
Chiều dài	
khoảng ?.. bước chân	?.. bước chân
khoảng ?.. viên gạch	?.. viên gạch

Xăng-ti-mét. Đơn vị đo độ dài



xăng-ti-mét viết tắt là **cm**

1 cm đọc là một xăng-ti-mét

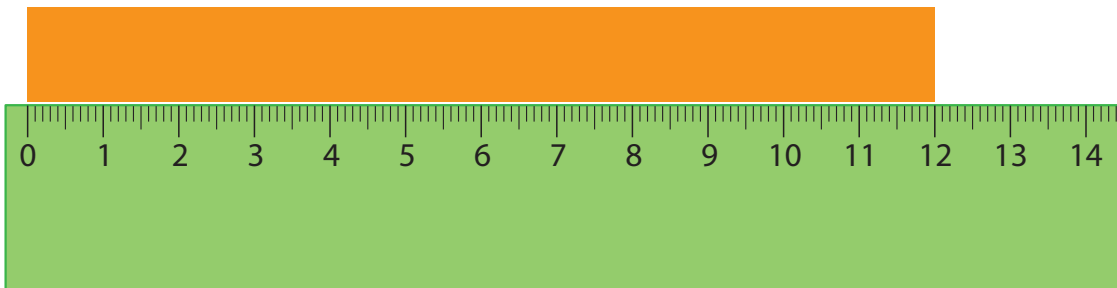
1



2

Đo, đọc số đo:

... cm



... cm



... cm

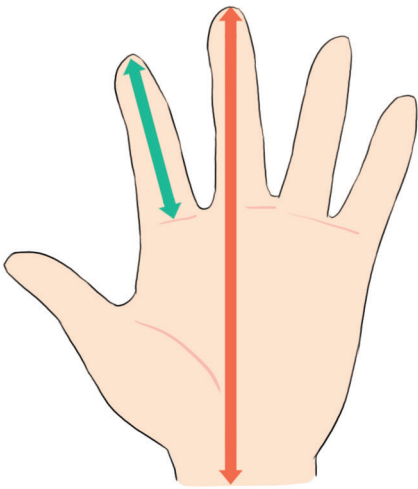
1 Ước lượng rồi đo độ dài các đồ vật.



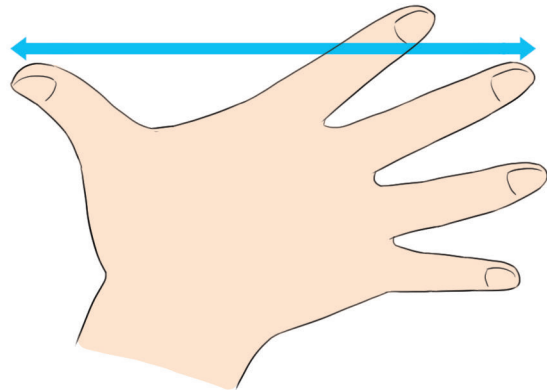
ước lượng	đo
khoảng ? cm	? cm
khoảng ? cm	? cm
khoảng ? cm	? cm
khoảng ? cm	? cm
khoảng ? cm	? cm



2 Dùng thước thẳng đo bàn tay của em, nói số đo.



- Ngón trỏ dài cm.
- Bàn tay dài cm.



- Gang tay dài cm.

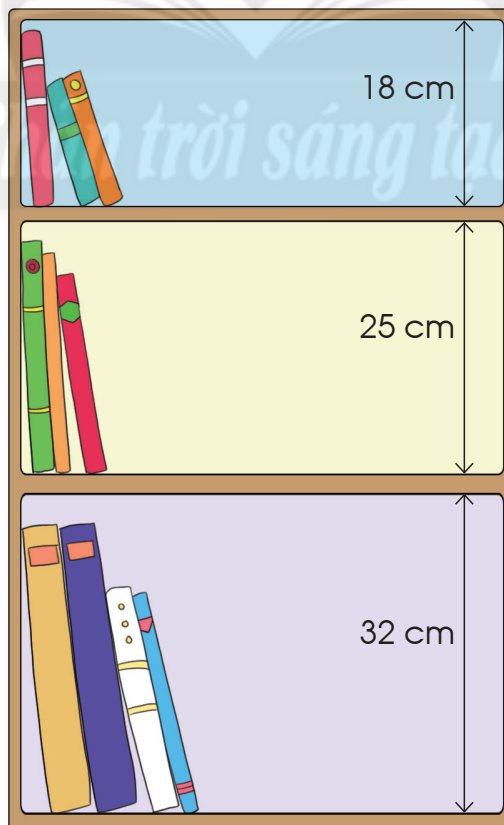
3 Em xếp sách vào ngăn cho phù hợp.



14 cm



30 cm



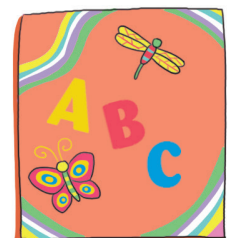
17 cm



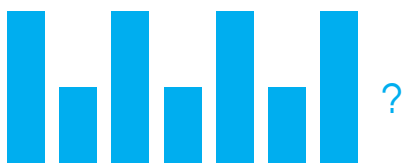
27 cm



22 cm



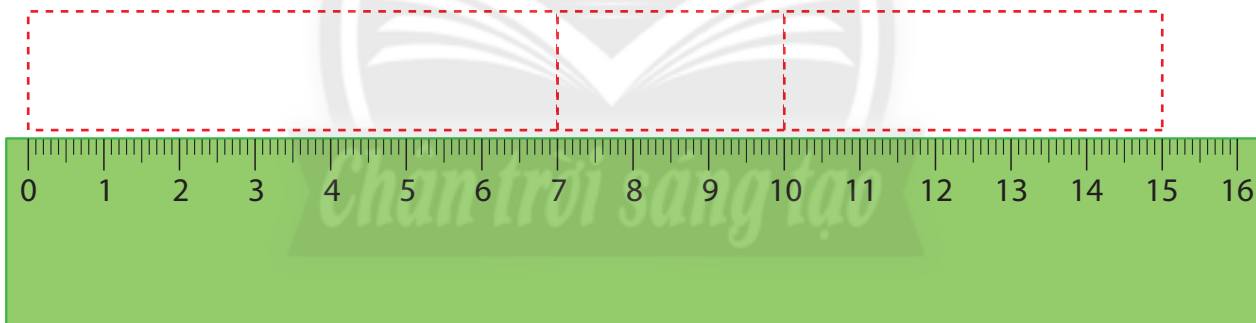
4 Tiếp theo là hình nào?



An cắt một băng giấy thành ba mảnh.
Dựa vào hình vẽ, làm sao để biết, khi chưa cắt băng giấy dài bao nhiêu xăng-ti-mét?



Dùng thước thẳng đo liên tiếp ba mảnh giấy trên.



Khi chưa cắt, băng giấy dài cm.

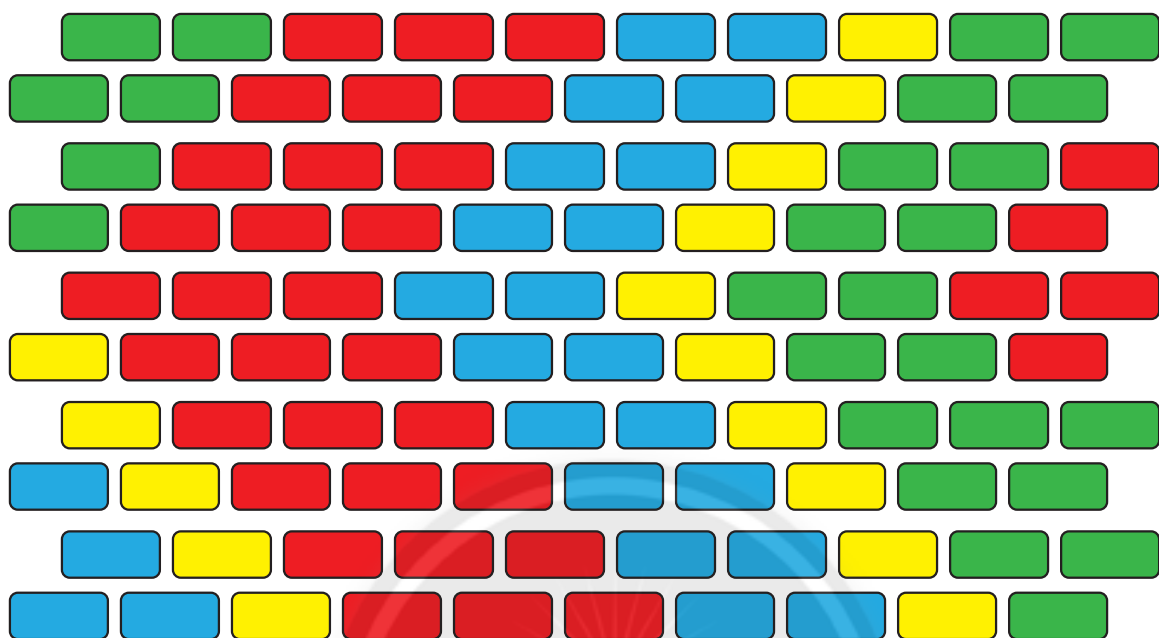


Em tập làm một vòng cổ động bằng bìa.



Em làm được những gì?

1 Quan sát bức tường gạch.

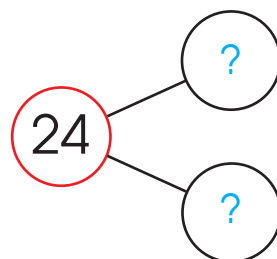
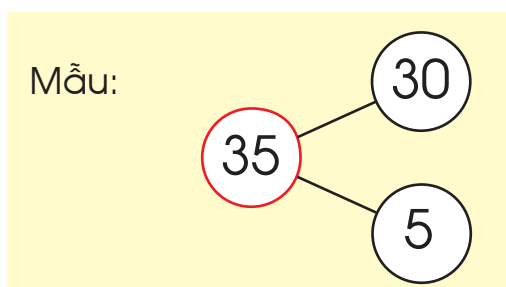


a) Đếm số viên gạch mỗi loại.

Tất cả				
?	?	?	?	?

b) Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn:
35, 24, 15, 26.

c) Số?



2 Tính nhẩm.

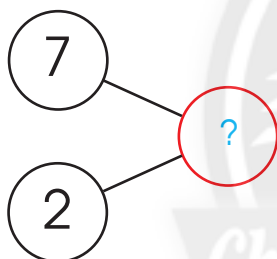
$20 + 70$	$50 + 10 - 60$
$90 - 70$	$80 - 20 + 30$

3 Tính:

$24 + 65$	$78 - 7$
$89 - 65$	$5 + 22$

4 Làm theo mẫu.
Mẫu:

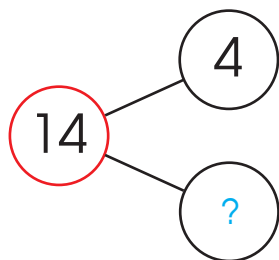
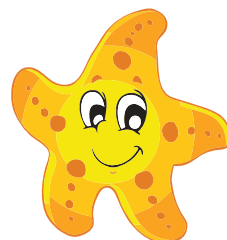
Có 7 bạn cá ngựa đang chơi,
thêm 2 bạn cá ngựa tới cùng chơi.
Hỏi có tất cả bao nhiêu bạn cá ngựa?



7	+	2	=	9
---	---	---	---	---

Trả lời: Có tất cả 9 bạn cá ngựa.

Mai có 14 con sao biển,
Mai cho bạn 4 con.
Hỏi Mai còn lại bao nhiêu con sao biển?



?	?	?	=	?
---	---	---	---	---

Trả lời: Mai còn lại ? con sao biển.

5

Quê em

a Đọc giờ.

Em đi từ nhà lúc



Em về tối quê lúc



Chân trời sáng tạo

b Viết phép tính rồi nói câu trả lời.

Có 4 con chó đang chơi,
thêm 2 con chạy tới.
Hỏi có tất cả bao nhiêu con chó?

c

Viết phép tính, nói câu trả lời.

Có tất cả 6 con chó, sau đó
3 con chạy đi.

Hỏi còn lại mấy con chó?

d

Số?

Em đo một quả mướp
dài 3 gang tay.

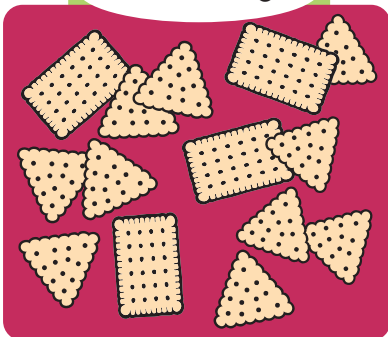
Quả mướp đó dài khoảng cm.

Ôn tập cuối năm

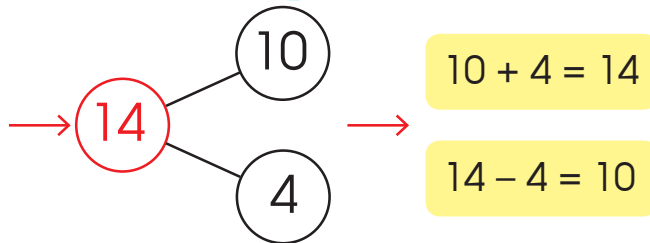
1 Thực hiện theo mẫu.

Mẫu:

hình dạng

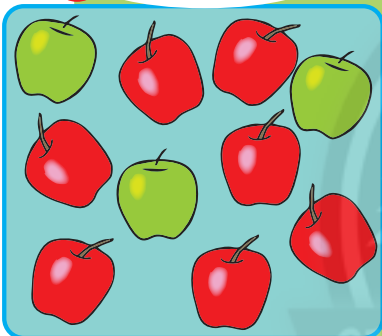


14 cái bánh gồm
10 cái bánh có dạng hình
tam giác và 4 cái bánh
có dạng hình chữ nhật.



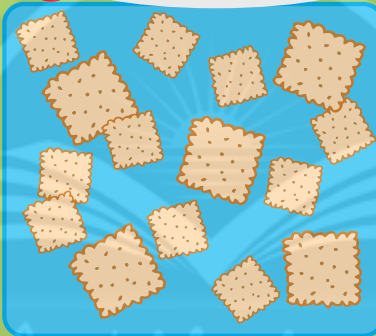
a

màu sắc



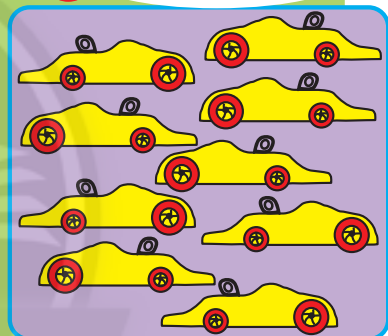
b

kích cỡ (to, nhỏ)



c

phương hướng



2

Chọn từng cặp
và giải thích cách chọn.



.

.



.

.



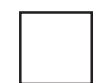
.

.



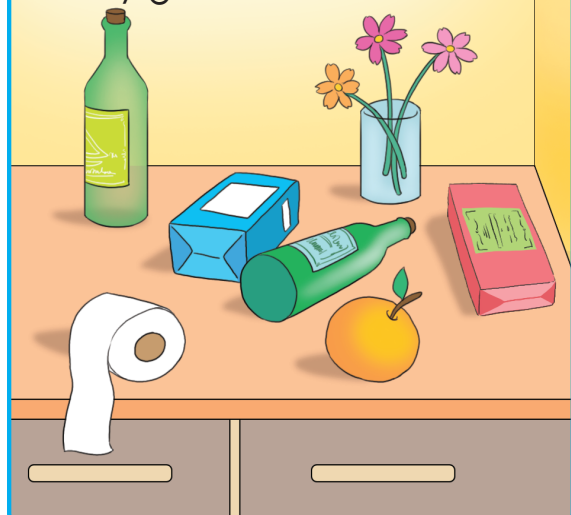
.

.



3

Đồ vật nào cần xếp lại?
Hãy giải thích.



4 Chọn một hình rồi viết phép tính thích hợp theo mẫu.

Mẫu:

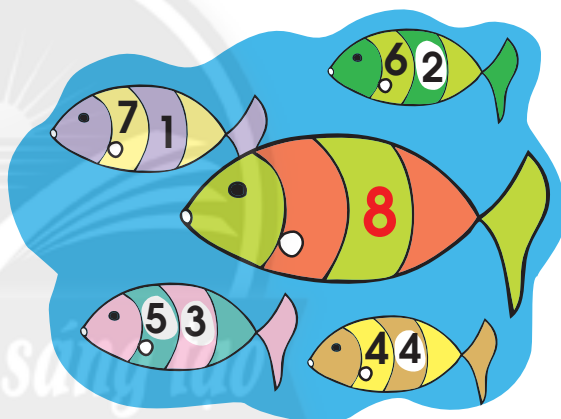


$$5 + 1 = 6$$

$$6 - 1 = 5$$

$$1 + 5 = 6$$

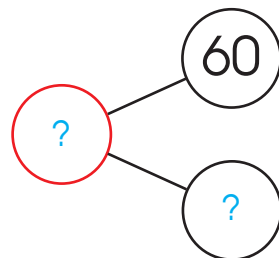
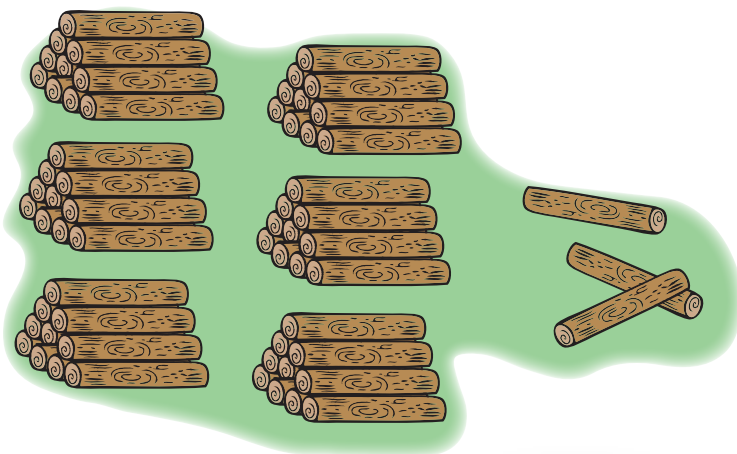
$$6 - 5 = 1$$



5 Xem tranh.

a) Có bao nhiêu khúc gỗ?

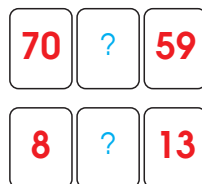
b) Số?



6 Số?



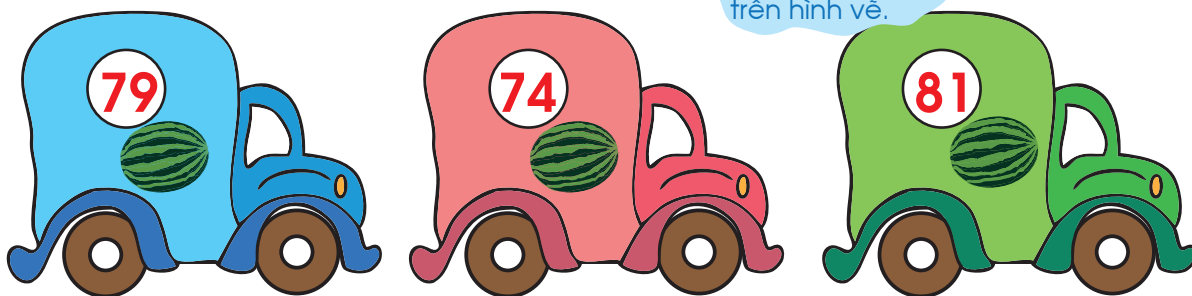
7 a)



b) Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ lớn đến bé:
20, 9, 47, 41.

8 Xe nào chở nhiều quả dưa hấu nhất?

Số lượng quả dưa hấu trên mỗi xe được ghi trên hình vẽ.



9 Đặt tính rồi tính.

$$87 - 25$$

$$52 + 4$$

$$4 + 65$$

$$43 + 16$$

$$98 - 5$$

$$79 - 20$$

10 Tính nhẩm.

$$9 - 2 + 3$$

$$80 + 10 - 30$$

$$90 - 20 - 30$$

11 Đúng (đ) hay sai (s)?

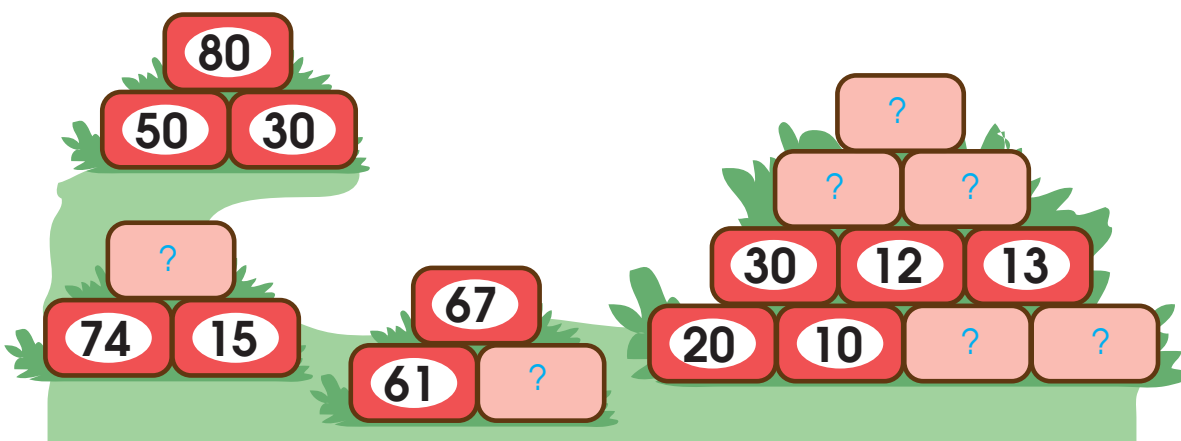
$$\begin{array}{r} 6 \\ + 42 \\ \hline 48 \end{array} \quad ?$$

$$\begin{array}{r} 58 \\ - 21 \\ \hline 79 \end{array} \quad ?$$

$$\begin{array}{r} 94 \\ - 3 \\ \hline 64 \end{array} \quad ?$$

$$\begin{array}{r} 34 \\ + 62 \\ \hline 96 \end{array} \quad ?$$

12 Số?



13 Xem tranh.



Viết phép tính và nói câu trả lời theo mẫu.

Mẫu:

Có **6** bạn đang chơi bóng, thêm **4** bạn tới cùng chơi. Hỏi **có tất cả** bao nhiêu bạn chơi bóng?

$$6 + 4 = 10$$

Trả lời: Có tất cả 10 bạn chơi bóng.

a

Lúc đầu có **5** bạn dưới nước, sau đó **2** bạn lên bờ. Hỏi còn lại mấy bạn dưới nước?

b

An nhật được 5 vỏ ốc, Hoà nhật được 4 vỏ ốc. Hỏi cả hai bạn nhật được bao nhiêu vỏ ốc?



Vịnh Nha Trang (tỉnh Khánh Hoà) là một trong 29 vịnh biển đẹp nhất thế giới.



14 Trò chơi

Bạn A: Nói hai số bất kì trong phạm vi 10.

Bạn B: • So sánh hai số đó.

• Dùng hai số đó viết một phép trừ.

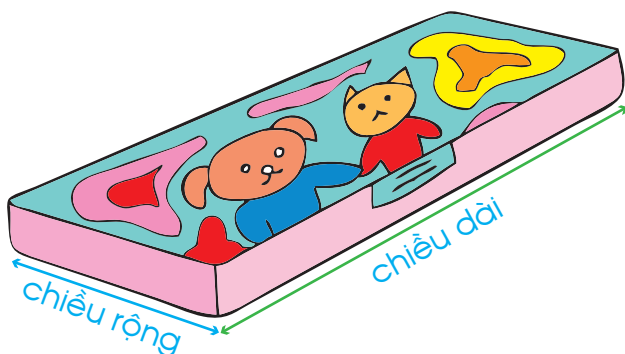
Đổi vai trò: B nói, A viết.



15 Em nhớ được mấy số đo của em?

- Ngón trỏ dài cm.
- Bàn tay dài cm.
- Gang tay dài cm.
- Bước chân dài cm.
- Sải tay dài gang tay.

16 Em đo hộp bút của em.



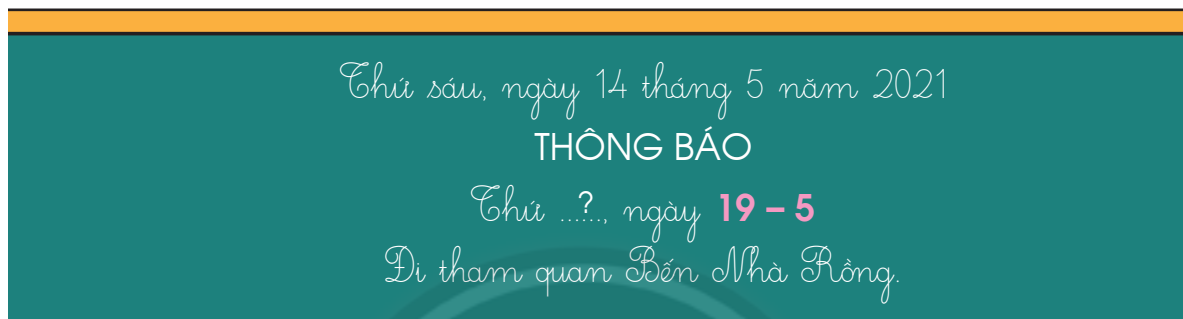
Chiều dài cm.

Chiều rộng cm.

17 a) Đọc các tờ lịch sau (Thứ ... ngày...).



b) Xem THÔNG BÁO, thứ mấy đi tham quan?



c) Quan sát tranh:

Lúc mấy giờ?
Ở đâu?
Làm gì ở đó?



.....

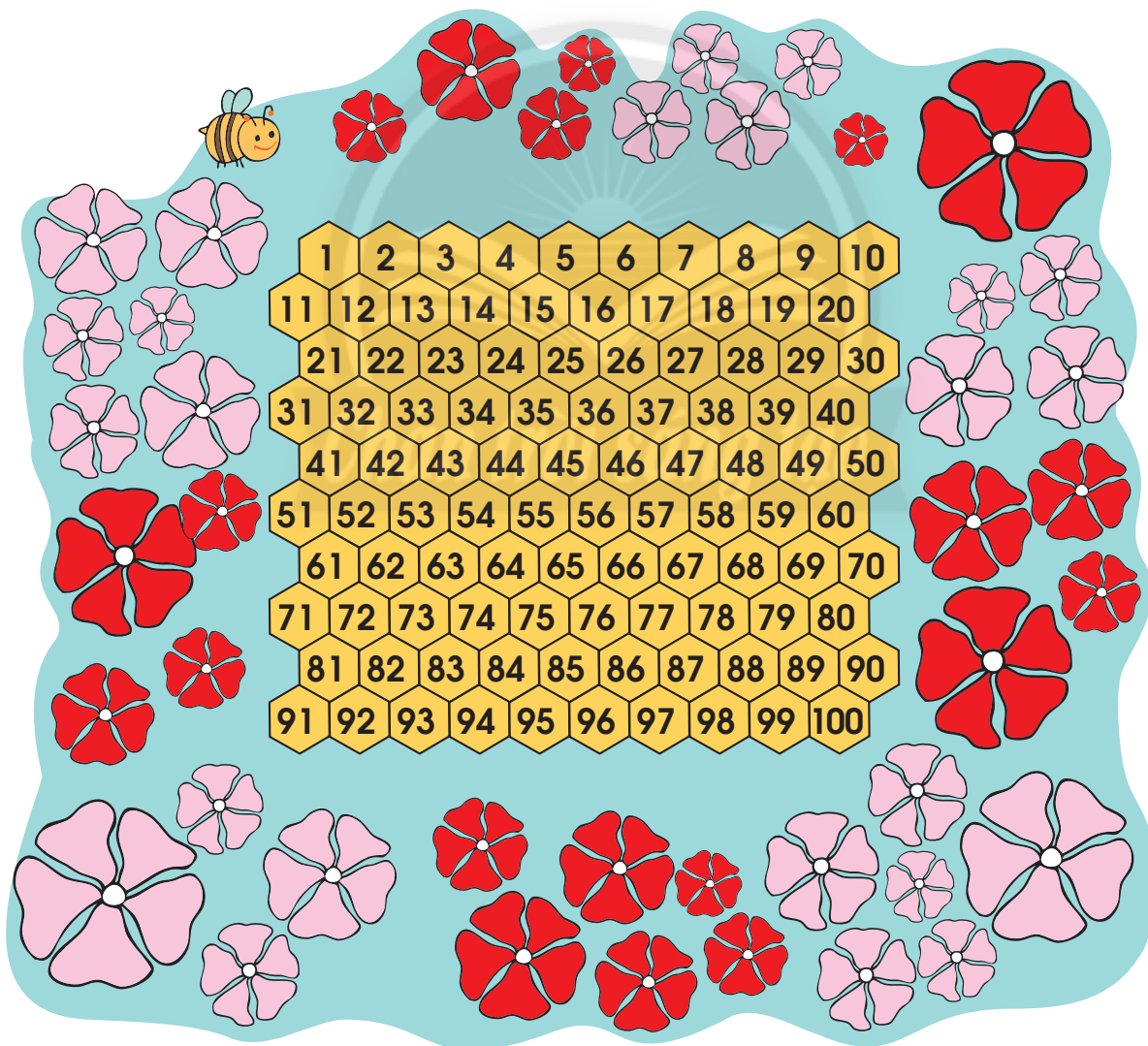
- Lúc đi: Có mặt tại, trước giờ.
- Lúc 9 giờ em đang ở
- Phụ huynh đón em tại, lúc giờ.

Thực hành và trải nghiệm

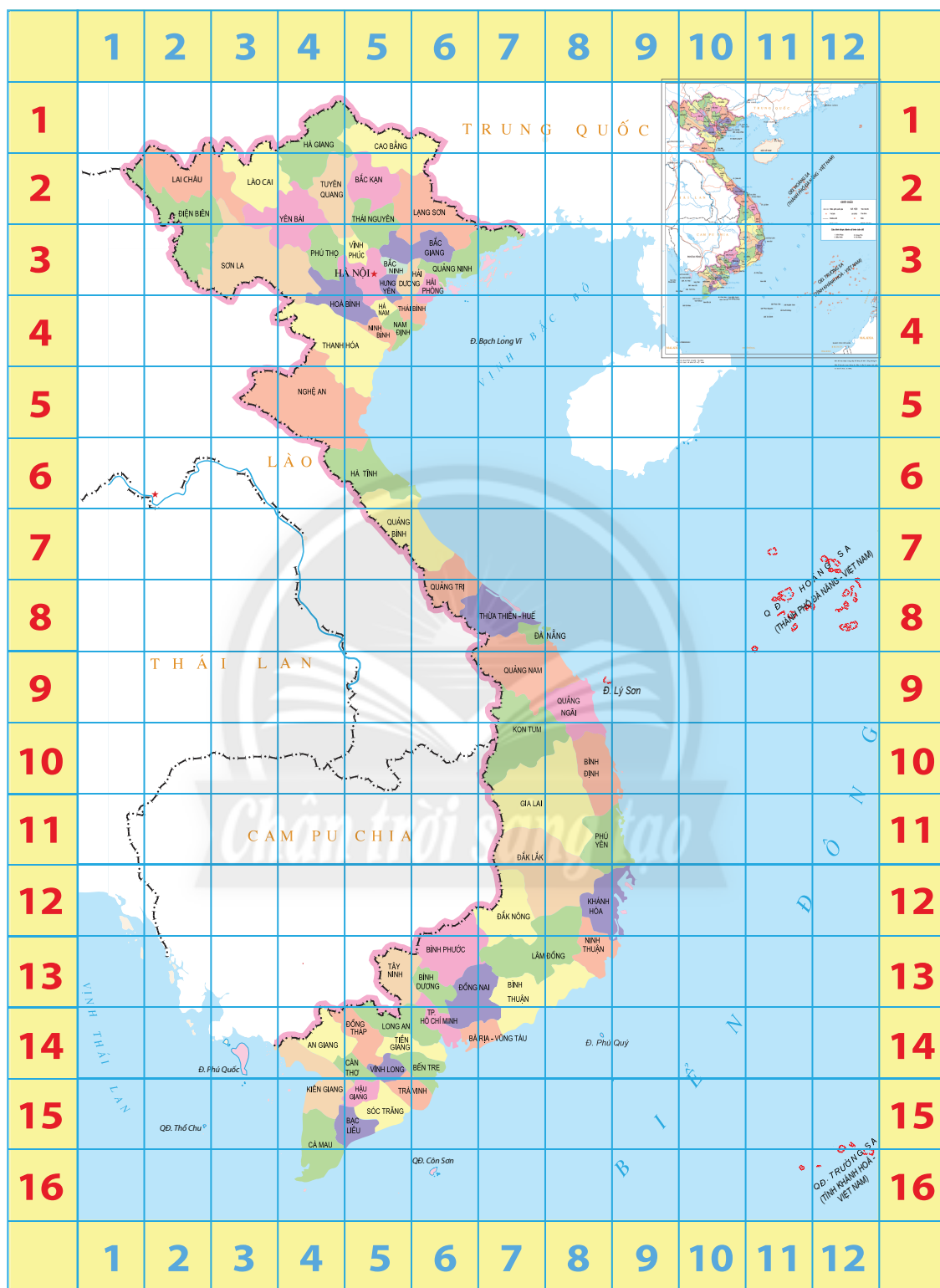
Ong và hoa

Xem tranh.

- 1 Đọc các số theo thứ tự từ 1 đến 100.
- 2 Viết các số từ năm mươi đến năm mươi chín.
- 3 Đếm nhanh.
 - a Có bao nhiêu bông hoa?
 - b Có bao nhiêu cánh hoa đỏ?

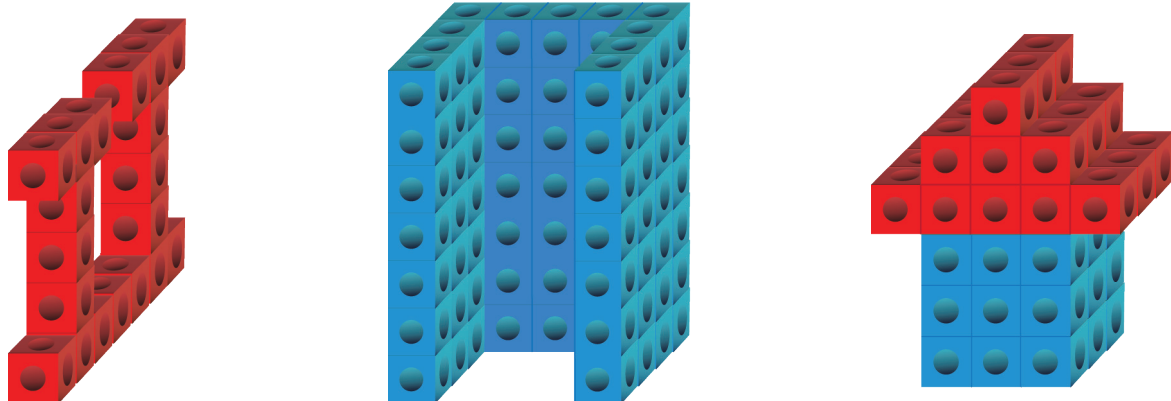


Đất nước em



Nguồn: Cục Bản đồ

Một số hình mẫu để em xếp



Bảng từ ngữ

<i>Từ ngữ</i>	<i>Trang</i>
bằng	32
bé hơn	34
chục	98
dài hơn	132
dài nhất	132
đếm bớt	68
đếm thêm	60
độ dài	132
đo độ dài	136
đơn vị	102
đơn vị đo	140
hình chữ nhật	16
hình tam giác	16
hình tròn	16
hình vuông	16
ít hơn	32
khối hộp chữ nhật	14
khối lập phương	14

<i>Từ ngữ</i>	<i>Trang</i>
lớn hơn	34
ngắn hơn	132
ngắn nhất	132
nhiều hơn	32
ở giữa	10
phải – trái	10
phép cộng	54
phép tính	88
phép trừ	62
so sánh	34
số tròn chục	98
tách – gộp số	29
tính nhẩm	71
trên – dưới	10
trước – sau	10
tuần	126
ước lượng	137
xăng-ti-mét	140

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHAN XUÂN THÀNH

Biên tập nội dung: TRẦN THANH HÀ – HOÀNG NGỌC PHƯƠNG

Biên tập mỹ thuật: HÀ TUỆ HƯƠNG

Thiết kế sách: HÀ TUỆ HƯƠNG

Trình bày bìa: THÁI HỮU DƯƠNG

Minh họa: KHÚC THÀNH CHÍNH – HÀ TUỆ HƯƠNG

Sửa bản in: TRẦN THANH HÀ – HOÀNG NGỌC PHƯƠNG

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền © (2020) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng kí quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

TOÁN 1

Mã số: G2HH1T001M20

In bản, (QĐ) khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in: địa chỉ

Cơ sở in: địa chỉ

Số ĐKXB: 06-2020/CXBIPH/6-1602/GD

Số QĐXB: .../QĐ- GD - HN ngày ... tháng ... năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN: 978-604-0-19577-7